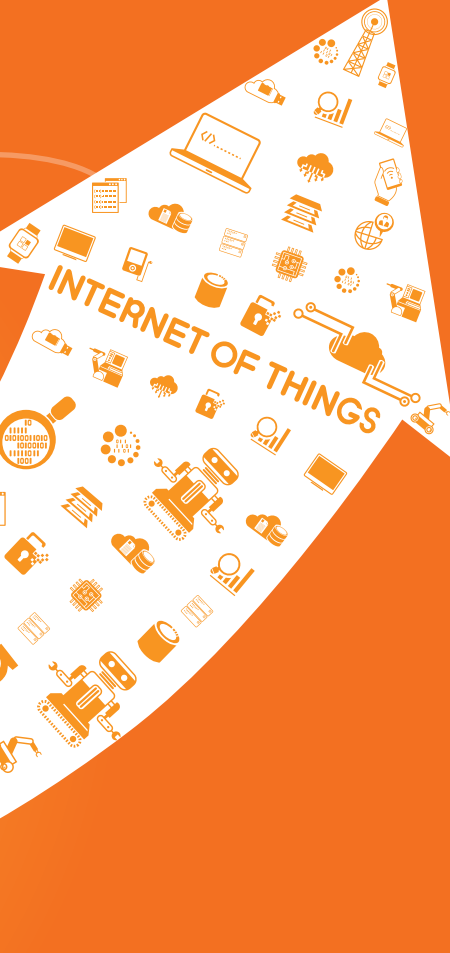




Hiện diện tại 19 quốc gia, 1.135 nhân viên người nước ngoài
Dự án **Toàn cầu hóa** đạt **4.859 tỷ VNĐ**, tăng trưởng **40,9%** tại Bangladesh
Hệ thống Ứng dụng Quản lý Thuế VAT trị giá **33,6 triệu USD** tại Myanmar
400 khách hàng là các **tập đoàn lớn** trên phạm vi toàn cầu
Doanh nghiệp nước ngoài **đầu tiên** nhận **giấy phép viễn thông** tại Myanmar
Đội tác quan trọng về Cloud của **Amazon Web Services** và **Microsoft**
Top 100 Global Outsourcing, **Top 100 ASEAN**, **Top 300 châu Á**
10.617 kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế

TĂNG TRƯỞNG

SMAC



NỘI DUNG

FPT 2015

01

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	04
Các chỉ số cơ bản 2015	06
Các hoạt động nổi bật 2015	08
Tình hình tài chính nổi bật 2011 - 2015	10

TỔNG QUAN

02

Tầm nhìn, sứ mệnh và giới thiệu Công ty	14
Lịch sử hình thành và phát triển	15
Ngành nghề kinh doanh	16
Địa bàn hoạt động	22
Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	23
Các công ty con và công ty liên kết	24
Giới thiệu Ban Lãnh đạo	26
Thông tin vốn cổ phần và Cổ đông	31
Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2018	32

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

03

Tổng quan tình hình hoạt động trong năm và đánh giá của Ban Điều hành	38
Phân tích kết quả kinh doanh	43
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty và Ban Điều hành	52
Triển vọng và kế hoạch 2016	56

VIẾT TẮT

CNTT	Công nghệ thông tin
CNTT - VT	Công nghệ thông tin - Viễn thông
S.M.A.C	Social, Mobile, Analytics/Big Data, Cloud (Mạng xã hội, Công nghệ di động, Dữ liệu lớn, Điện toán đám mây)
ĐH	Đại học
HĐQT	Hội đồng Quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
BĐH	Ban Điều hành
BKS	Ban Kiểm soát
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông

QUẢN TRỊ CÔNG TY

04

Mô hình quản trị công ty	60
Thông tin và hoạt động của HĐQT	61
Báo cáo Ban Kiểm soát	66
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và TGD	69
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	71
Quản trị rủi ro	72
Quan hệ Nhà đầu tư	76

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05

Thông điệp phát triển bền vững của TGD	82
Tổng quan về báo cáo Phát triển bền vững	83
Sự gắn kết các bên liên quan	88
Xác định các vấn đề trọng yếu	93
Bảng tham chiếu các tiêu chuẩn trong hướng dẫn của GRI	108

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	113
Báo cáo kiểm toán độc lập	115
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	116
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	120
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	121
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	123

CTTV

FPT

FPT IS

FPT Telecom

FPT Software

FPT Trading

FPT Retail

VNĐ

LNTT

BSC

CBNV

Công ty thành viên

Công ty Cổ phần FPT

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Công ty TNHH Phần mềm FPT

Công ty TNHH Thương mại FPT

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT

Đồng

Lợi nhuận trước thuế

Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard)

Cán bộ nhân viên





Kính thưa Quý Cổ đông,

"Làm chủ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4" là chủ đề chính của Hội nghị thường niên lần thứ 46 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới tại Davos, Thụy Sĩ vào ngày 20 - 23/01/2016. Dựa trên sự phổ biến về Internet, điện thoại di động, các thiết bị cảm biến, khả năng xử lý thông tin dữ liệu lớn, trí thông minh nhân tạo và khả năng học hỏi của máy tính, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 được đánh giá là chưa từng có trong lịch sử, vô cùng khác biệt về tốc độ, quy mô và sẽ làm biến đổi toàn bộ mô hình kinh doanh, hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị. Có thể nói mỗi doanh nghiệp đều sẽ trở thành một doanh nghiệp số và ứng dụng công nghệ là một động lực quan trọng cho sự phát triển.

Tham dự Davos càng cho tôi niềm tin vào con đường mà FPT đang đi.

Có thể nói, FPT may mắn được tham gia ngay từ giai đoạn kiến tạo của cuộc Cách mạng lần thứ 4 này. Chúng ta đã và đang hợp tác với những tập đoàn công nghệ dẫn dắt cuộc cách mạng số và ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu, đặc biệt là trong mảng công nghệ S.M.A.C và Internet Vạn vật (IoT).

Tại Việt Nam, những cơ chế chính sách mới như thuê ngoài dịch vụ CNTT theo hình thức hợp tác công tư, cho phép FPT chủ động thử nghiệm cung cấp, chuyển giao các giải pháp công nghệ tiên tiến nhất, giúp nâng cao năng lực quản lý, năng lực cung cấp dịch vụ, năng lực cạnh tranh và giải quyết bài toán khó của các lĩnh vực kinh tế xã hội trọng yếu như tài chính công, ngân hàng – tài chính, giao thông, y tế,....

Tôi vui mừng chia sẻ những kết quả đạt được của Công ty trong năm 2015 và những nền tảng mới tạo động lực tăng trưởng cho FPT trong những năm tới.

Năm 2015, FPT quay lại tốc độ tăng trưởng hai chữ số cả về doanh thu và lợi nhuận, đạt mức tương ứng là 13,9% và 15,9%.

Thị trường toàn cầu ngày càng đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của Tập đoàn. Doanh thu từ thị trường nước ngoài tiếp tục tăng trưởng cao ở mức 40,9% và LNTT chiếm 23,4% tổng LNTT của Tập đoàn. Bên cạnh đó, lần đầu tiên, doanh thu từ thị trường nước ngoài của khối Công nghệ vượt doanh thu từ thị trường trong nước, chiếm 52% doanh thu của khối này. Năng lực của FPT trong việc triển khai các dự án lớn, cả về giá trị và quy mô, cũng đã được kiểm nghiệm với các dự án cho khách hàng tại Mỹ, Nhật Bản, Bangladesh, Campuchia, Lào.

Định hướng Tiên phong trong thế giới số cũng đã có những bước tiến vượt trội. FPT đã xây dựng được năng lực về công nghệ S.M.A.C/IoT thông qua việc phát triển dịch vụ cho các tập đoàn lớn trong lĩnh vực truyền hình vệ tinh, sản xuất máy bay, công nghiệp ô tô, năng lượng. Công ty cũng đã xây dựng được những mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ S.M.A.C/IoT tạo động cơ tăng trưởng trong tương lai.

FPT 2016 – Đổi mới để tăng trưởng

Chúng tôi tin tưởng vào các định hướng chiến lược đặt ra và kết quả 2015 đã khẳng định niềm tin đó. Năm 2016 và các năm tiếp theo được coi là những năm bước ngoặt của FPT, **FPT sẽ đổi mới để tăng trưởng**. Tôi muốn chia sẻ những gì chúng tôi sẽ làm để thay đổi, tạo sự khác biệt và xác định vị thế dẫn đầu trong giai đoạn cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra này.

FPT sẽ liên tục cải tiến mô hình kinh doanh để nắm bắt tốt nhất các cơ hội mới từ thị trường trong nước và nước ngoài.

Đó là đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ thuê ngoài theo hình thức công – tư (PPP) cho Chính phủ Việt Nam. Đó là tiếp tục đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ cho khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ số.

FPT tích cực đầu tư cho nghiên cứu phát triển và tạo ra sản phẩm mới về công nghệ.

Trong đó, trọng tâm là các giải pháp, dịch vụ theo xu hướng công nghệ S.M.A.C/IoT, Robotica và ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ này vào tất cả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. FPT sẽ triển khai dự án Open FPT, chia sẻ hạ tầng công nghệ để cộng đồng sử dụng, qua đó phát huy các ý tưởng sáng tạo, đồng thời, tiếp tục đưa ra các hình thức đầu tư phù hợp cho cộng đồng khởi nghiệp về công nghệ.

FPT phải đổi mới mô hình tổ chức theo hướng của các tập đoàn toàn cầu.

Trong đó, trọng tâm là nâng cấp các tổ chức ở nước ngoài và biến FPT thành một tổ chức học tập. Mỗi người FPT đều dành thời gian cho học tập, học từ kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng phát triển cá nhân, đến ngoại ngữ, hay công nghệ,... Học hành sẽ khơi nguồn sáng tạo, tạo ra sự khác biệt và mang lại thành công cho mỗi cá nhân và Công ty.

Cá nhân tôi vừa phấn khích với những đổi mới đang diễn ra và đích tập đoàn toàn cầu ngày một gần hơn, nhưng cùng với đó là những thách thức vô cùng lớn từ yêu cầu của khách hàng, năng lực cạnh tranh, quản trị quy mô lớn. Song chúng tôi hiểu thách thức đó và quyết chí vượt qua. Tôi tin vào sức mạnh từ việc phát huy tối đa tiềm lực của mỗi người FPT.

Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả CBNV FPT vì ý chí vươn lên, vì sự nỗ lực hết mình trong năm qua và xin cảm ơn Quý cổ đông đã luôn ủng hộ chúng tôi. Tôi hy vọng Quý cổ đông cùng chia sẻ sự phấn khích, niềm tin vào tương lai của Công ty và chia sẻ cơ hội mà chúng ta đang có để cùng xây dựng một xã hội thông minh hơn, tốt đẹp hơn.

Xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông.

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT

Trương Gia Bình



CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN NĂM 2015



NHÂN SỰ



Tổng số
CBNV

26.818

người



KẾT QUẢ KINH DOANH



Doanh thu

40.003

tỷ VNĐ

↑ 13,9%



Doanh thu toàn
cầu hóa

4.859

tỷ VNĐ

↑ 40,9%



Số kỹ sư, lập trình
viên, chuyên gia
công nghệ

10.617

người



Lợi nhuận

2.851

tỷ VNĐ

↑ 15,9%



Doanh thu
toàn cầu hóa
khối Công nghệ

chiếm **52%**

doanh thu toàn Khối



GIẢI THƯỞNG



Công ty Quản trị tốt nhất Việt Nam
do Asia Money vinh danh



Top 300

Doanh nghiệp hàng đầu
châu Á do Nikkei vinh danh



KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC



Khách hàng

400

doanh nghiệp là các tập đoàn lớn trên toàn cầu



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



Hiện diện

63

tỉnh thành



GIÁ CỔ PHIẾU VÀ VỐN HÓA



Tăng trưởng giá cổ phiếu năm 2015

20,4%

(chốt ngày 31/12/2015)



Đối tác quan trọng về Cloud

của Microsoft, Amazon Web Services



Hiện diện

19

quốc gia trên toàn cầu (bao gồm Việt Nam)



Vốn hóa thị trường

19.197

tỷ VNĐ (chốt ngày 31/12/2015)

↑ 16,3%



Top 100

Doanh nghiệp hàng đầu ASEAN do Nikkei vinh danh



Top 100

Nhà cung cấp Dịch vụ ủy thác toàn cầu do IAOP vinh danh



Top 50

Công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán do Forbes vinh danh



CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT 2015

01 Phát triển mạnh mẽ tại thị trường các nước đang phát triển

- Nhận Giấy phép Cung cấp Dịch vụ Viễn thông tại Myanmar. Với Giấy phép này, FPT được quyền triển khai hạ tầng tuyến trục quốc gia, cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông cố định và các dịch vụ giá trị gia tăng khác.
- Thắng thầu Dự án Hệ thống Ứng dụng Quản lý Thuế VAT tại Bangladesh trị giá 33,6 triệu USD. Đây là hợp đồng CNTT có giá trị kỷ lục và bằng 1/10 kim ngạch thương mại Việt Nam – Bangladesh trong 6 tháng đầu năm 2015.
- Đưa Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính cho Kho bạc Nhà nước - Chính phủ Hoàng gia Campuchia (FMIS) vào vận hành. Dự án có giá trị gần 10 triệu USD được tài trợ vốn bởi Ngân hàng Thế giới (World Bank). Đây là hệ thống CNTT quy mô toàn quốc đầu tiên của Campuchia.
- Vận hành Dự án ERP cho Tập đoàn sơn hàng đầu Myanmar, United Paints Group (UPG). Đây là hợp đồng ERP đầu tiên cho khối doanh nghiệp ở thị trường nước ngoài của FPT, mở ra nhiều cơ hội trong lĩnh vực tư vấn và triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp tại thị trường Myanmar.
- Mở 02 Trung tâm Cung cấp Dịch vụ CNTT tại Philippines và Myanmar nhằm thu hút nguồn nhân lực và nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, phục vụ tăng trưởng của mảng Xuất khẩu phần mềm.



02 Đẩy mạnh hoạt động quang hóa hạ tầng viễn thông và phủ sóng dịch vụ truyền hình

- Hoàn thành chuyển đổi hạ tầng quang tại Hà Nội và Tp.HCM giúp nâng cao chất lượng truyền dẫn và tốc độ đường truyền.
- Phủ sóng dịch vụ truyền hình FPT tại 59 tỉnh thành, đồng thời cập nhật liên tục các tính năng và tiện ích mới, nội dung hay đi kèm mức cước dịch vụ cạnh tranh.



03 Đạt được những bước tiến quan trọng trong mảng Xuất khẩu phần mềm

- Hoàn tất việc triển khai hợp đồng kỷ lục trị giá hơn 25 triệu USD với khách hàng là Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực truyền hình tại Mỹ.
- Số khách hàng có quy mô doanh thu trên 2 triệu USD tăng 50% so với 2014.
- Khởi động Chương trình 10.000 Kỹ sư Cầu nối (BrSE – Bridge Software Engineer) với gần 1.000 học viên của chương trình được đào tạo tại Việt Nam và Nhật Bản trong năm 2015.



04 Tiên phong triển khai giải pháp công nghệ theo hình thức cho thuê dịch vụ, góp phần giải quyết các bài toán của xã hội

- Cung cấp Hệ thống Bán vé tàu điện tử cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- Thực hiện Đề án Thí điểm Xây dựng Hệ thống Giám sát xử lý vi phạm giao thông bằng hình ảnh trên tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn Nội Bài - Phú Thọ).
- Đưa Hệ thống Giám định Bảo hiểm y tế trực tuyến kết nối 100% các cơ sở khám chữa bệnh tại Hải Phòng vào hoạt động.

05 Đẩy mạnh phát triển công nghệ trong và ngoài Tập đoàn, chuẩn bị nguồn lực cho tăng trưởng trong tương lai

- Đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái công nghệ của một số tập đoàn công nghệ lớn:
 - ✓ Đối tác Quản trị Dịch vụ và Đối tác Không ngừng học hỏi của Amazon Web Services (AWS), sánh ngang cùng các tên tuổi lớn đến từ Nhật Bản, Ấn Độ như Hitachi, Fujitsu, NEC, Accenture, Tata, Cognizant.
 - ✓ Đối tác Cloud chiến lược của Microsoft Nhật Bản, tạo cơ hội để FPT trở thành nhà cung cấp dịch vụ Cloud từ khâu tư vấn đến phát triển, bảo trì và hỗ trợ khách hàng tại thị trường Nhật Bản.
- Ra mắt Quỹ Đầu tư mạo hiểm (FPT Ventures) và ươm mầm cho các startup. Hiện Quỹ đã tiếp nhận 350 hồ sơ đăng ký.
- Mở rộng Cuộc thi S.M.A.C Challenge ra phạm vi toàn quốc với mong muốn tạo cơ hội tiếp cận các xu hướng công nghệ mới và nuôi dưỡng niềm đam mê công nghệ thông tin trong giới trẻ.

06 Tăng trưởng vượt trội về doanh thu và lợi nhuận trong mảng Bán lẻ sản phẩm công nghệ

- Tiếp tục dẫn đầu về tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và doanh thu trong Tập đoàn với con số tương ứng 335% và 50%.
- Đạt 252 cửa hàng trên phạm vi toàn quốc, hoàn thành trước kế hoạch của năm 2016.

07 Đi đầu trong đào tạo nhân lực chất lượng cao và đổi mới phương thức đào tạo

- 04 tiêu chí quan trọng của ĐH FPT được QS (Quacquarelli Symonds) đánh giá 5 sao gồm Đào tạo, Việc làm, Cơ sở vật chất và Trách nhiệm Xã hội.
- Ra mắt trường ĐH trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam – FUNiX, góp phần đưa công nghệ và phương pháp giáo dục mới vào Việt Nam nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường nhân lực.



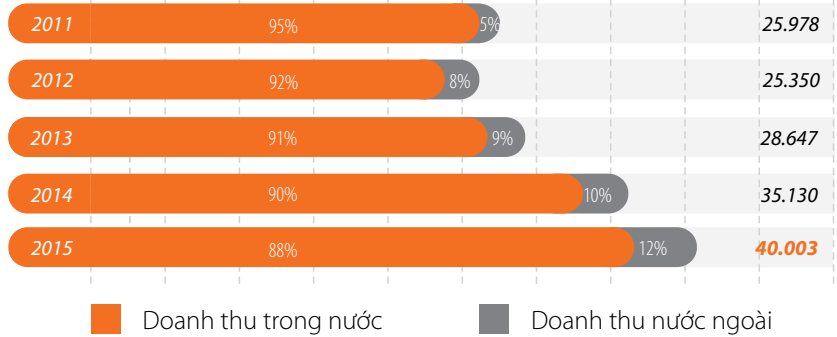
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2011 - 2015

Doanh thu kinh doanh hợp nhất

40.003 tỷ VNĐ

↑ 13,9%

Đơn vị: tỷ VNĐ

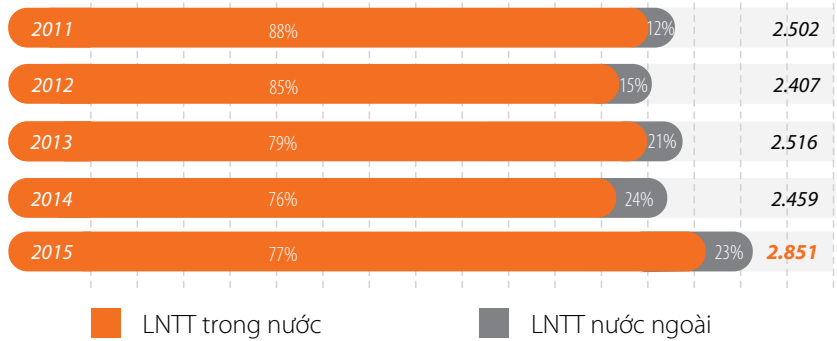


Lợi nhuận trước thuế

2.851 tỷ VNĐ

↑ 15,9%

Đơn vị: tỷ VNĐ



Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA)

3.847 tỷ VNĐ

↑ 21,2%

Đơn vị: tỷ VNĐ



Tổng tài sản

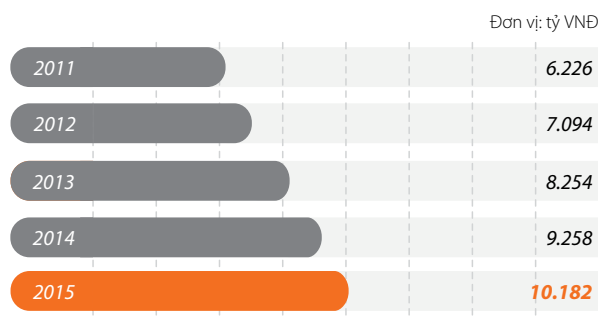
26.046 tỷ VNĐ

↑ 14,9%

Đơn vị: tỷ VNĐ

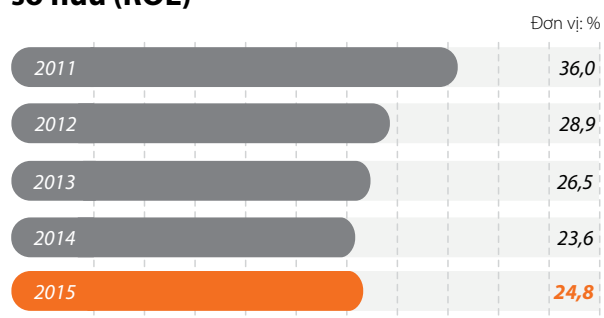


Vốn chủ sở hữu



10.182 tỷ VNĐ 10,0%

Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE)



24,8% 1,2%

Lưu ý: Số liệu vốn chủ sở hữu và ROE từ 2011 - 2014 được tính lại và trình bày theo mẫu BCTC quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)

4.386 VNĐ/CỔ PHIẾU 17,8%



Lưu ý: EPS từ 2011 - 2014 được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 15% trong năm 2015 và quy định mới về cách tính EPS theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Tóm tắt kết quả kinh doanh 2011 - 2015

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng/ giảm so với cùng kỳ	2013	Tăng/ giảm so với cùng kỳ	2014 (trình bày lại)	Tăng/ giảm so với cùng kỳ	2015	Tăng/ giảm so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu kinh doanh	25.978	25.350	-2,4%	28.647	13,0%	35.130	22,6%	40.003	13,9%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.420	2.318	-4,2%	2.451	5,7%	2.389	-2,5%	2.802	17,3%
3	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	3.127	3.035	-2,9%	3.091	1,9%	3.173	2,6%	3.847	21,2%
4	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay	2.751	2.635	-4,2%	2.648	0,5%	2.625	-0,9%	3.114	18,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.502	2.407	-3,8%	2.516	4,5%	2.459	-2,2%	2.851	15,9%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.079	1.985	-4,5%	2.065	4,0%	2.079	0,7%	2.438	17,3%
7	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	1.682	1.540	-8,4%	1.608	4,4%	1.632	1,5%	1.931	18,3%

02

TỔNG QUAN

S.M.A.C/IoT



MỸ

Bestshore

Chuyển đổi công nghệ mới



CHÂU ÂU



Cloud/IoT

10.000 BrSE

Định hướng công nghệ theo thị trường: Tại các thị trường trọng điểm, FPT đã xây dựng được những năng lực công nghệ chuyên sâu phù hợp để tạo lợi thế cạnh tranh, đẩy nhanh tốc độ mở rộng quy mô khách hàng và tốc độ tăng trưởng.

Triển khai các dự án từ nguồn vốn của Ngân hàng thế giới

Dịch vụ/giải pháp cho khối Chính phủ, tài chính công

NHẬT BẢN

THỊ TRƯỜNG CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Dịch vụ/giải pháp thông minh cho các ngành kinh tế trọng điểm

VIỆT NAM





TÂM NHÌN, SỨ MỆNH

FPT mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, hùng mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

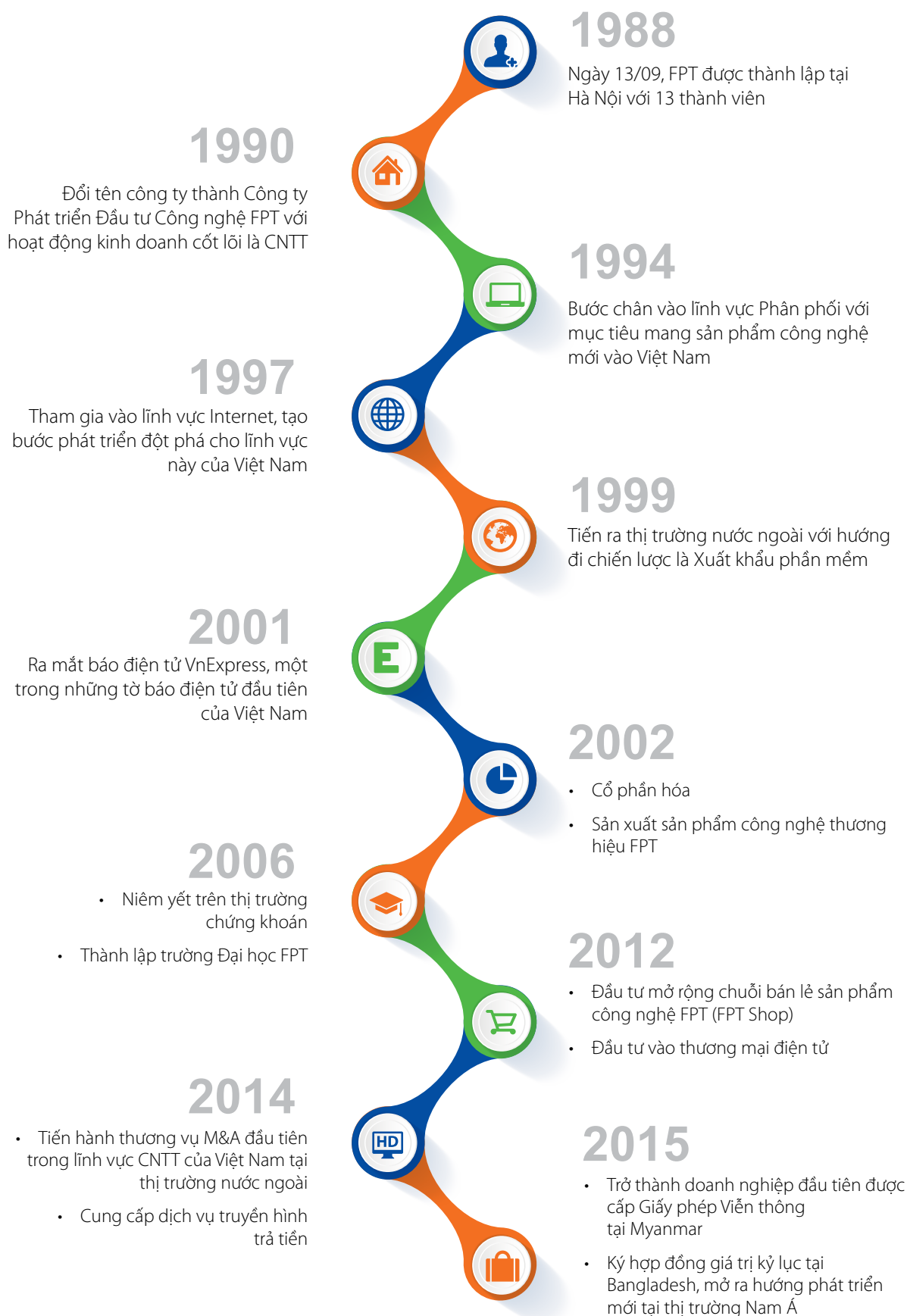


GIỚI THIỆU CHUNG

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần FPT
Tên Tiếng Anh	:	FPT Corporation
Tên viết tắt	:	FPT
Ngày thành lập	:	13/09/1988
Mã chứng khoán	:	FPT
Vốn điều lệ	:	3.975.316.400.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu	:	10.182.285.753.023 VNĐ
Trụ sở chính	:	Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, TP Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 4 7300 7300
Fax	:	+84 4 3768 7410
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và mã số thuế	:	0101248141
Website	:	http://www.fpt.com.vn



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





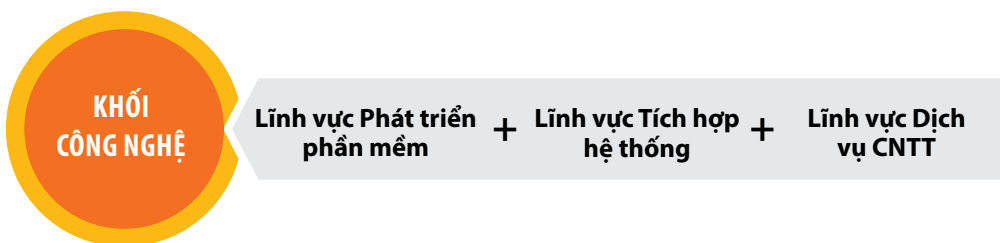
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

FPT hoạt động trải rộng trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng của ngành CNTT - VT từ Phát triển phần mềm, Tích hợp hệ thống, Dịch vụ CNTT, Viễn thông, Phân phối - Bán lẻ sản phẩm công nghệ đến Đào tạo nhân lực CNTT chất lượng cao và được nhóm theo 04 lĩnh vực chính gồm:



KHỐI CÔNG NGHỆ

(Đóng góp 22% doanh thu, 33% lợi nhuận)



LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Các phần mềm và giải pháp chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực chuyên biệt như: khối Chính phủ, Tài chính công, Viễn thông, Giao thông - Vận tải, Ngân hàng - Tài chính, Điện, Nước, Gas, Y tế;
- Giải pháp Quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) chuyên sâu trên nền tảng: SAP, Oracle, People Soft và các hãng công nghệ khác;
- Chuyển đổi công nghệ:
 - ✓ Chuyển đổi ứng dụng;
 - ✓ Chuyển đổi giải pháp doanh nghiệp;
 - ✓ Chuyển đổi quy trình doanh nghiệp;
 - ✓ Kiểm thử chất lượng phần mềm;
 - ✓ Chuyển đổi hệ thống.
- Tư vấn, nghiên cứu phát triển, cung cấp và triển khai các dịch vụ trên nền công nghệ S.M.A.C/IoT:
 - ✓ Điện toán đám mây;
 - ✓ Dữ liệu lớn;
 - ✓ Công nghệ di động;
 - ✓ Internet of Things (IoT).
- Thiết kế sản phẩm:
 - ✓ Phần mềm nhúng;
 - ✓ CAD/CAM;
 - ✓ IC Design.

Vị thế và Năng lực

- **TOP 100** Nhà cung cấp Dịch vụ ủy thác toàn cầu;
- **10.617** kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ;
- **8.000** dự án ủy thác dịch vụ phần mềm (software outsourcing projects) với **3,2 triệu** ngày công (man-days);
- **100 giải pháp** phần mềm được cấp bản quyền trong các lĩnh vực chuyên biệt như: Chính phủ, Tài chính công, Ngân hàng - Tài chính, Giáo dục, Y tế, Giao thông;
- Đối tác quan trọng về Cloud của Amazon Web Services và Microsoft Nhật Bản;
- Cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho gần 400 khách hàng là các tập đoàn lớn trong các lĩnh vực: Công nghiệp ô tô, Năng lượng, Phân phối, Giải trí truyền hình, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm.



LĨNH VỰC TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Dịch vụ hạ tầng CNTT;
- Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu cho doanh nghiệp;
- Hệ thống mạng và bảo mật;
- Hệ thống thanh toán, giám sát, các thiết bị đặc chủng cho ngành ngân hàng; các sản phẩm chuyên dụng cho viễn thông, giao thông, hải quan;
- Dịch vụ triển khai các giải pháp ngân hàng, chứng khoán và viễn thông;
- Lưu trữ máy chủ;
- Quản trị cơ sở dữ liệu.

Vị thế và Năng lực

- **Số 1** tại Việt Nam cả về doanh thu và quy mô nhân lực;
- Sở hữu hơn **2.000 chứng chỉ** công nghệ quốc tế được cấp bởi các đối tác CNTT hàng đầu thế giới;
- Một số sản phẩm, giải pháp đã giành được thứ hạng cao tại các **giải thưởng quốc tế** như: Giải nhì Giải thưởng CNTT-TT khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APICTA AWARDS 2014); Giải thưởng Global Telecoms Business Innovation Awards 2014; Giải Nhất eAsia Awards 2013; Giải Vàng và Giải Bạc Giải thưởng Công nghệ Thông tin và Truyền thông ASEAN ICT 2012;
- Nhà tích hợp hệ thống xuất sắc của Oracle;
- Triển khai hầu hết những hệ thống CNTT tổng thể cho các lĩnh vực xương sống của nền kinh tế.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ CNTT

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Dịch vụ điện tử: Dịch vụ Chữ ký số (FPT.CA), Dịch vụ Hải quan điện tử (FPT.VNACCS) và Dịch vụ Thuế điện tử (FPT.eTax);
- Bảo hành - bảo trì ủy quyền các thiết bị tin học cho hãng;
- Cung cấp, sửa chữa thiết bị, linh kiện tin học,....

Vị thế và Năng lực

- **Số 1** tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ CNTT;
- Mạng lưới trung tâm dịch vụ phủ kín lãnh thổ Việt Nam;
- Bảo hành, bảo trì hơn 50% máy ATM và POS tại Việt Nam;
- **Đối tác cấp cao** nhất của: Cisco, IBM, Microsoft, SAP, Symantec.

KHỐI VIỄN THÔNG

(Đóng góp 14% doanh thu, 37% lợi nhuận)

KHỐI
VIỄN THÔNG

Lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông + Lĩnh vực Nội dung số

LĨNH VỰC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Dịch vụ Internet băng rộng: FTTH, xDSL;
- Dịch vụ truyền hình: Truyền hình FPT, FPT Play;
- Dịch vụ Kênh thuê riêng;
- Dịch vụ Trung tâm dữ liệu;
- Dịch vụ Điện thoại cố định;
- Kết nối liên tỉnh và quốc tế;
- Các dịch vụ online và OTT như: âm nhạc trực tuyến (Nhacso.net, Mix166.com), chia sẻ dữ liệu trực tuyến (Fshare, FSend), giám sát trực tuyến (Cloud Camera), tên miền riêng (Domain name) ...;
- Dịch vụ hội thoại truyền hình (Video Conference).

Vị thế và Năng lực

- **Số 2** tại thị trường Việt Nam về dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định (Nguồn: Sách trắng CNTT - TT Việt Nam do Bộ TTTT phát hành năm 2014);
- **Doanh nghiệp nước ngoài đầu tiên** được cấp Giấy phép Cung cấp Dịch vụ Viễn thông tại Myanmar;
- **Hạ tầng internet phủ rộng tới 59/63 tỉnh thành**, số lượng thuê bao cáp quang chiếm 66% tổng số thuê bao;
- Doanh nghiệp tiên phong triển khai giao thức mạng IPv6 và đã triển khai thành công kết nối IPv6 với các đối tác quốc tế như Google, NTT, Singtel, PCCW...;
- Sở hữu hạ tầng viễn thông lớn với tổng chiều dài trên **9.200 km** bao gồm tuyến đường trục Bắc - Nam; tuyến đường trục Tây Nguyên; tuyến đường trục kết nối quốc tế với Trung quốc, Campuchia, Lào và các tuyến trục liên tỉnh kết nối 59 tỉnh thành trên toàn quốc;
- Là thành viên của Tuyến cáp quang biển Cổng kết nối châu Á - Mỹ (Asia - American Gateway), Tuyến cáp quang biển Cổng kết nối châu Á - Thái Bình Dương (Asia - Pacific Gateway) và Tuyến cáp quang biển kết nối Châu Á - Châu Phi - Châu Âu (Asia -Africa - Europe 1). Đưa vào hoạt động 2 cổng kết nối tại Mỹ và Singapore;
- Dung lượng băng thông quốc tế **420 Gbps**;
- **04** trung tâm dữ liệu trên toàn quốc.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (tiếp theo)

LĨNH VỰC NỘI DUNG SỐ

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Hệ thống báo điện tử gồm VnExpress.net; Ngoisao.net; iOne.net; Gamethu.net;
- Quảng cáo trực tuyến;
- Hệ thống quảng cáo thông minh Ad Network eClick.

Vị thế và Năng lực

- **Số 1** về dịch vụ quảng cáo trực tuyến;
- Báo tiếng Việt có nhiều người đọc nhất với tổng lượt truy cập năm 2015 là **13,5 tỷ**.

KHỐI PHÂN PHỐI VÀ BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

(Đóng góp 63% doanh thu, 26% lợi nhuận)



Lĩnh vực Phân phối
sản phẩm công nghệ

+

Lĩnh vực Bán lẻ sản phẩm
công nghệ

LĨNH VỰC PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Phân phối sản phẩm, giải pháp của: Apple, IBM, Lenovo, Microsoft, HP, Nokia, Toshiba, ...;
- Sản xuất sản phẩm công nghệ thương hiệu FPT như: máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng.

Vị thế và Năng lực

- **Số 1** tại Việt Nam với 21,4% thị phần (Điện thoại di động) và 27,4% (Thiết bị CNTT);
- Nhà phân phối của trên **30 đối tác** công nghệ lớn;
- **1.500 đại lý** phân phối tại 63/63 tỉnh thành;
- **Hệ thống kho bãi tại 04 tỉnh thành lớn** là Hà Nội, Tp.HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ và các kho nhỏ tại hệ thống thành phố vệ tinh như Nghệ An, Hải Phòng, ... được quản lý trực tuyến cho phép cập nhật, báo cáo doanh số theo thời gian thực.

LĨNH VỰC BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

- Máy tính;
- Máy tính bảng;
- Điện thoại;
- Phụ kiện;
- Các sản phẩm của Apple theo hình thức chuỗi cửa hàng bán lẻ đặc thù của hãng.

Vị thế và Năng lực

- Nằm trong **Top 10 nhà bán lẻ hàng đầu Việt Nam** 2015 và được tặng danh hiệu Thương hiệu Việt Nam tin dùng 2015;
- **252** cửa hàng FPT Shop tại 63/63 tỉnh thành (tính đến ngày 31/12/2015);
- **Chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng theo tiêu chuẩn của Apple** bao gồm: cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và CES (Consumer Electronic Stores) với thương hiệu F.Studio tại Hà Nội, Tp.HCM và Đà Nẵng;
- Là một trong 2 nhà bán lẻ Việt Nam được quyền nhập khẩu trực tiếp sản phẩm của Apple;
- Là nhà bán lẻ duy nhất được quyền phân phối dòng điện thoại MotoX (Motorola) và các dòng Laptop HP Stream (HP), Asus X205TA (Asus);
- Là đại lý xuất sắc nhất Việt Nam của Acer và Dell.

LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Sản phẩm, dịch vụ cung cấp

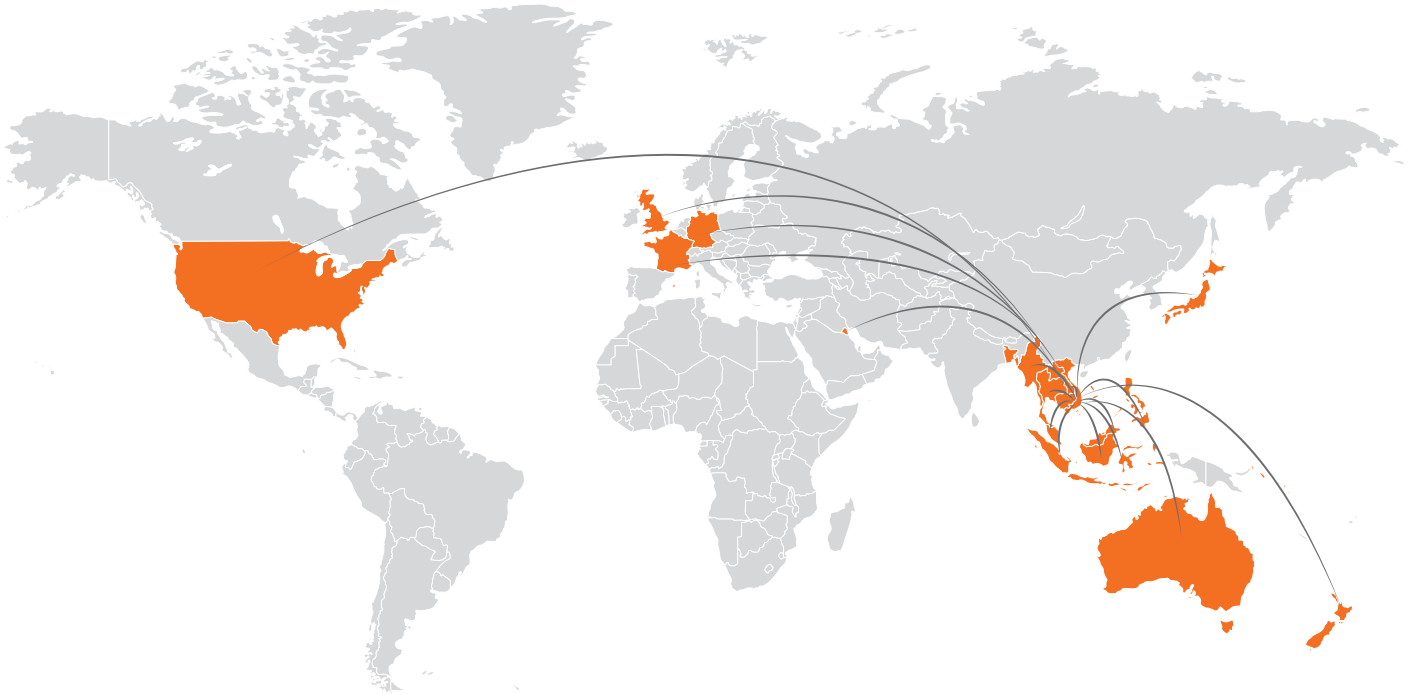
- Phổ thông;
- Cao đẳng;
- Đại học và sau đại học;
- Liên kết quốc tế;
- Phát triển sinh viên quốc tế;
- Đào tạo cho doanh nghiệp.

Vị thế và Năng lực

- Trường ĐH đầu tiên của Việt Nam được QS, tổ chức xếp hạng ĐH uy tín hàng đầu Thế giới, **xếp hạng 3 sao trong 02 năm liên tiếp**. Riêng trong năm 2015, 04 tiêu chí quan trọng gồm: đào tạo, việc làm, cơ sở vật chất, trách nhiệm xã hội của ĐH FPT được QS đánh giá 5 sao;
- Đang đào tạo **17.900** sinh viên, học viên;
- **98%** sinh viên ra trường có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp;
- Thành lập FUNiX, trường đại học trực tuyến đầu tiên của Việt Nam.

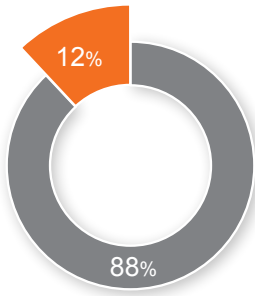


ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG



Doanh thu

Đơn vị: %



63 tỉnh thành
tại Việt Nam



19 quốc gia
trên toàn cầu



Mỹ



Nhật Bản



Châu Âu

Anh
Pháp

Đức
Slovakia

Hà Lan



Châu Á - Thái Bình Dương

Việt Nam

Bangladesh

Campuchia

Indonesia

Kuwait

Lào

Malaysia

Myanmar

Philippines

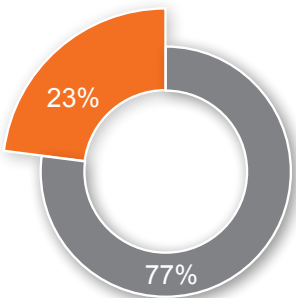
Singapore

Thái Lan

Úc

Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: %

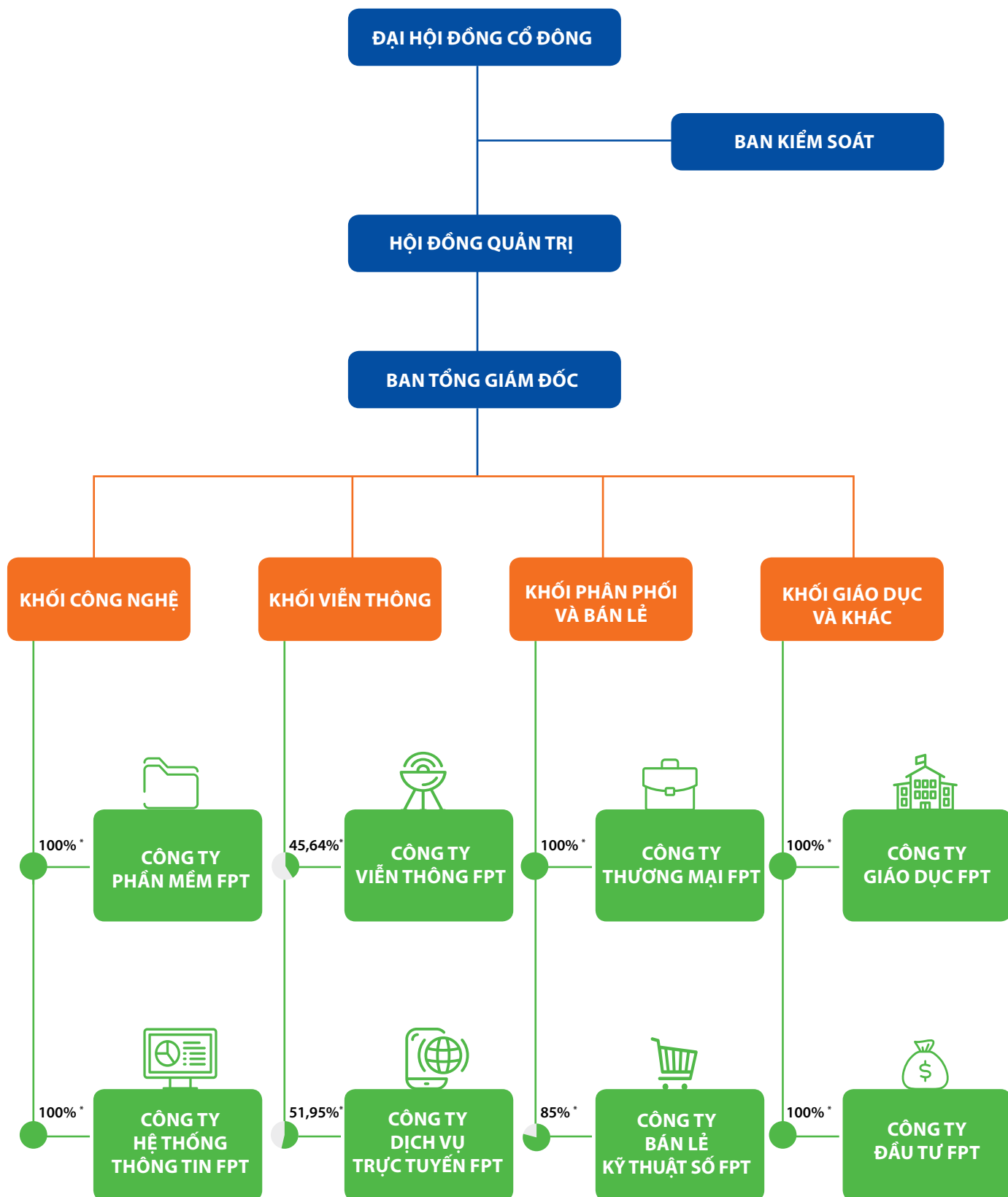


■ Nước ngoài

■ Trong nước



CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ






(*): Tỷ lệ sở hữu


Các công ty con

Tính tới thời điểm 31/12/2015, FPT có 08 công ty con (không tính 01 công ty đã có quyết định thu hẹp sản xuất từ năm 2011) và 02 công ty liên kết. Cụ thể như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của FPT (%)
 Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12, Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm	700.000.000.000	100
 Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Tầng 22, Tòa nhà văn phòng Keangnam, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ ERP, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống	850.000.000.000	100
 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 2, Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ internet băng rộng, kênh thuê riêng, trung tâm dữ liệu, voice, dịch vụ truyền hình, và các dịch vụ trực tuyến khác	1.246.198.090.000	45,64
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	Tầng 2, Tòa nhà FPT Tân Thuận, lô 29B-31B-33B, đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp.HCM, Việt Nam	Báo điện tử, quảng cáo trực tuyến	140.853.360.000	51,95
 Công ty TNHH Giáo dục FPT	Phân khu Giáo dục Đại học thuộc khu CNC Hòa Lạc, Km 29, Đại Lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ đào tạo các cấp: phổ thông trung học, cao đẳng, đại học và sau đại học, liên kết quốc tế, phát triển sinh viên quốc tế, đào tạo cho doanh nghiệp	250.000.000.000	100

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của FPT (%)
 Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	Phân phối các sản phẩm, giải pháp và linh kiện công nghệ thông tin, viễn thông; sản xuất máy tính, điện thoại di động, máy tính bảng	680.000.000.000	100
 Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, Tp.HCM, Việt Nam	Bán lẻ sản phẩm, linh kiện công nghệ và viễn thông	200.000.000.000	85
 Công ty Đầu tư FPT	Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	800.000.000.000	100

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của FPT (%)
 Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán	806.648.700.000	20
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Tầng 9, Tòa nhà TTC Lô B1A, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	Quản lý Quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác	110.000.000.000	25



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRƯƠNG GIA BÌNH

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch HĐQT

Ông tốt nghiệp Khoa Toán Cơ, ĐH Tổng hợp Quốc gia Moscow - Lomonosov, Liên bang Nga năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ cũng tại đại học này năm 1982. Năm 1991, ông được Nhà nước công nhận danh hiệu Phó Giáo sư.

Năm 2013, ông được Tập đoàn truyền thông Nikkei, Nhật Bản trao giải thưởng Nikkei Asia vì những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam.

Sáng lập FPT năm 1988, trong suốt quá trình phát triển của FPT, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng của FPT.



BÙI QUANG NGỌC

Thành viên sáng lập,
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Ông tốt nghiệp Khoa Toán, ĐH Tổng hợp Kishiniov (Cộng hòa Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại ĐH Grenoble (Pháp) năm 1986.

Ông là chuyên gia hàng đầu về CNTT của FPT từ những năm 1990 và được bình chọn là một trong 10 lãnh đạo CNTT (CIO) xuất sắc nhất Đông Dương (2005).

Là nhà quản trị xuất sắc, ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của Công ty. Ông luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.



ĐỖ CAO BẢO

Thành viên sáng lập,
Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp ngành Toán điều khiển, Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 1984.

Từ năm 1994, với vai trò lãnh đạo cao nhất của FPT IS, ông đã đưa FPT IS trở thành mũi nhọn công nghệ của FPT và liên tục dẫn đầu thị trường Tích hợp hệ thống, Phát triển phần mềm và Dịch vụ CNTT tại Việt Nam.

Ông là Chủ tịch FPT IS, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng FPT, Phó Chủ tịch Hiệp hội An toàn Bảo mật thông tin Việt Nam khóa 01 (2008 - 2012), Ủy viên Ban chấp hành Hội Tin học Việt Nam khóa 06 (2007 - 2011) và khóa 07 (2011 - 2014).



LÊ SONG LAI

Ủy viên HĐQT
không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Luật tại Trường ĐH Quốc gia Hà Nội năm 1998 và Trường ĐH Tổng hợp Cambridge (Anh) năm 1999.

Ông hiện là Phó TGD Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

Ông được SCIC đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017. Hiện SCIC nắm giữ 6,02% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 24/02/2016).



JEAN-CHARLES BELLIOL

Ủy viên HĐQT
không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Ecole Supérieure de Commerce de Reims (Pháp).

Ông đã làm việc ở Việt Nam 14 năm. Ông từng là TGD một ngân hàng nổi tiếng của Pháp tại Việt Nam. Ông là chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng với 25 năm kinh nghiệm về tài chính doanh nghiệp, tài chính kỹ thuật, tài chính dự án.

Hiện, ông là Tham tán Thương mại Pháp; Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín; Ủy viên HĐQT của Everpia Corporation.

Ông được Red River Holdings đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017. Hiện Red River Holdings nắm giữ 5,70% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 24/02/2016).



TOMOKAZU HAMAGUCHI

Ủy viên HĐQT độc lập

Ông là “cây đa cây đề” trong lĩnh vực CNTT thế giới với trên 40 năm kinh nghiệm.

Ông từng đảm nhiệm vị trí Chủ tịch kiêm CEO của NTT Data - công ty dịch vụ CNTT lớn thứ 6 toàn cầu. NTT Data trực thuộc NTT Group của Nhật Bản, tập đoàn đứng thứ 32 trong danh sách 500 công ty lớn nhất thế giới của Fortune (Fortune Global 500) năm 2013.

Hiện nay, ông Tomokazu Hamaguchi là Chủ tịch Hiệp hội Dịch vụ CNTT Nhật Bản (JISA); Ủy viên HĐQT IHI Corporation; Ủy viên HĐQT độc lập JR East Japan Railway Company; Ủy viên HĐQT độc lập Kuraray Co.,Ltd.

Ông chính thức được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập FPT từ tháng 04/2015 với vai trò tư vấn, chỉ đạo thực hiện chiến lược Toàn cầu hóa của Tập đoàn; tư vấn chiến lược của Tập đoàn tại thị trường Nhật Bản.



DAN E KHOO

Ủy viên HĐQT độc lập

Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT.

Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại các tổ chức công nghệ uy tín trên thế giới như: Chủ tịch Tổ chức CNTT Đông Nam Á (SITO); Chủ tịch Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO).

Ông hiện là Chủ tịch danh dự của Liên minh CNTT Thế giới (WITSA).

Ông chính thức được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập FPT từ tháng 04/2015 với vai trò hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chiến lược Toàn cầu hóa của Tập đoàn; tư vấn chiến lược và hoạt động của Tập đoàn tại các quốc gia đang phát triển.



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



BÙI QUANG NGỌC

Tổng Giám đốc

Ông là một trong 13 thành viên sáng lập của FPT và là lãnh đạo đầu tiên phụ trách mảng CNTT của FPT, tiền thân của các CTTV quan trọng như FPT IS, FPT Software, FPT Telecom, FPT Trading.

Ông là nhà quản trị xuất sắc của FPT. Ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của FPT, luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

Tháng 08/2013, ông được HĐQT bổ nhiệm làm TGD FPT nhằm tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD theo chuẩn mực quản trị hiện đại và giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.



NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính

Ông tốt nghiệp ĐH Ngoại thương năm 1999.

Ông gia nhập FPT tháng 08/2000 và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính, kế toán FPT theo chuẩn quốc tế.

Gần 16 năm qua, với việc đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong lĩnh vực: tài chính, kiểm soát kế hoạch tài chính, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho FPT.

Hiện, ông còn là Giám đốc Tài chính FPT.



DƯƠNG DŨNG TRIỀU

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Toàn cầu hóa

Ông tốt nghiệp ĐH Bách Khoa năm 1995.

Ông gia nhập FPT năm 1995 và là người có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý triển khai các dự án CNTT lớn của FPT trong lĩnh vực ngân hàng, viễn thông, thuế tại thị trường trong và ngoài nước.

Từ năm 2010 - 2014, trong vai trò TGD FPT IS, ông đã có những đóng góp quan trọng đưa FPT IS trở thành tổng thầu của nhiều dự án CNTT lớn như dự án Ứng dụng Quản lý Thuế thu nhập cá nhân (PIT) cho ngành Thuế, dự án ERP (Enterprise Resource Planning - Quản lý nguồn lực doanh nghiệp) cho Tập đoàn Petrolimex, dự án Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam,....

Tháng 05/2014, ông được bổ nhiệm vị trí Phó TGD Phụ trách Toàn cầu hóa FPT.



NGUYỄN KHẮC THÀNH

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Nguồn lực Toàn cầu hóa

Ông gia nhập FPT năm 1991 và đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Đơn vị Sản xuất phần mềm của FPT, trực tiếp tham gia đảm bảo nguồn nhân lực cho mảng xuất khẩu phần mềm.

Từ năm 1999 - 2004, ông đảm nhận vị trí Giám đốc Trung tâm đào tạo lập trình viên quốc tế, theo mô hình franchise của Aptech (Ấn Độ). Ông đã đưa FPT Aptech trở thành đơn vị đào tạo lập trình viên quốc tế số 1 tại Việt Nam.

Ông là một trong những thành viên sáng lập ra ĐH FPT và là người có những đóng góp quan trọng trong việc từng bước mở rộng các ngành đào tạo và phát triển thành trường ĐH FPT và các bậc đào tạo trong lĩnh vực giáo dục của FPT như hiện nay.

Tháng 05/2014, ông được bổ nhiệm vị trí Phó TGD Phụ trách Nguồn lực Toàn cầu hóa FPT.



Năm 2015, cơ cấu thành viên Ban Điều hành FPT có một số thay đổi. HĐQT đã thông qua đề xuất miễn nhiệm bà Chu Thị Thanh Hà thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Lâm Phương thôi giữ chức vụ Giám đốc Công nghệ.

HĐQT cũng đã phê duyệt việc bổ nhiệm ông Lê Hồng Việt vào vị trí Giám đốc Công nghệ, ông Uwe Schlager (nguyên Giám đốc FPT Đức) vào vị trí Giám đốc M&A và ông Hoàng Việt Hà vào vị trí Giám đốc Điều hành.



LÊ HỒNG VIỆT
Giám đốc Công nghệ

Ông tốt nghiệp Kỹ sư ngành Công nghệ Phần mềm, trường Đại học Sydney (Úc) năm 2004.

Gia nhập FPT từ năm 2005, ông đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng và đóng góp tích cực vào các hoạt động công nghệ, sản xuất kinh doanh của mảng Xuất khẩu phần mềm.

Với nền tảng kỹ thuật vững chắc cùng kinh nghiệm làm việc tại nhiều quốc gia trên thế giới, ông là một trong những người đặt nền móng cho việc ứng dụng và phát triển những công nghệ mới tại FPT.

Tháng 11/2015, ông chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Công nghệ FPT với nhiệm kỳ 3 năm (2015 - 2018).



UWE SCHLAGER
Giám đốc M&A

Ông gia nhập FPT Software từ giữa năm 2012 với sứ mệnh phát triển thị trường Đức cũng như châu Âu. Ông từng làm việc cho Daimler Benz và T-Systems ở Đức và Singapore trong các vai trò quản lý cấp cao, vận hành và bán hàng.

Ông là người có đóng góp quan trọng nhất trong thương vụ M&A lịch sử của FPT với Tập đoàn RWE vào tháng 06/2014. Đây là thương vụ M&A đầu tiên tại thị trường nước ngoài của FPT nói riêng và lĩnh vực CNTT Việt Nam nói chung.

Tháng 04/2015, ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc M&A FPT với kỳ vọng thúc đẩy hoạt động mua bán, sáp nhập để tăng doanh số bán hàng quốc tế và thúc đẩy chiến lược toàn cầu hóa của Công ty.



HOÀNG VIỆT HÀ
Giám đốc Điều hành

Ông là Tiến sỹ Quản lý Kinh doanh tại Trường Quản trị Kinh doanh Macquarie Graduate School of Management, Sydney, Úc.

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm điều hành các công ty, tập đoàn lớn như: Giám đốc Điều hành Tập đoàn Bảo Việt (2011 - 1/2015); Phó Chủ tịch HĐQT HIPT (nhiệm kỳ 2012 - 2016); Thành viên HĐQT Công ty Tái Bảo hiểm Quốc Gia,....

Tháng 04/2015, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành FPT.



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN VIỆT THẮNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp ĐH Thương mại năm 1989 và là Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, ĐH Rushmore (Mỹ) năm 2006.

Từ năm 1997 - 2009, ông đảm nhiệm vị trí Phó Chủ nhiệm Khoa Quản trị Kinh doanh, ĐH Quốc gia Hà Nội.

Từ 13/10/2009, ông là Hiệu phó ĐH FPT kiêm Viện trưởng Viện Đào tạo liên kết quốc tế FPT.

Ông là thành viên BKS FPT từ năm 2008 và được bầu làm Trưởng ban kế từ ĐHCĐ thường niên năm 2012.



NGUYỄN KHẢI HOÀN

Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Học viện Tài chính (Nga) năm 1999 và là Tiến sĩ Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư tại Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học (Nga) năm 2003.

Năm 2003, ông gia nhập FPT. Từ năm 2005 đến 2010, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tài chính, kiêm Kế toán trưởng FPT Software. Từ ngày 01/01/2011, ông được bổ nhiệm vị trí Phó TGD Phụ trách Tài chính FPT Software.



CAO DUY HÀ

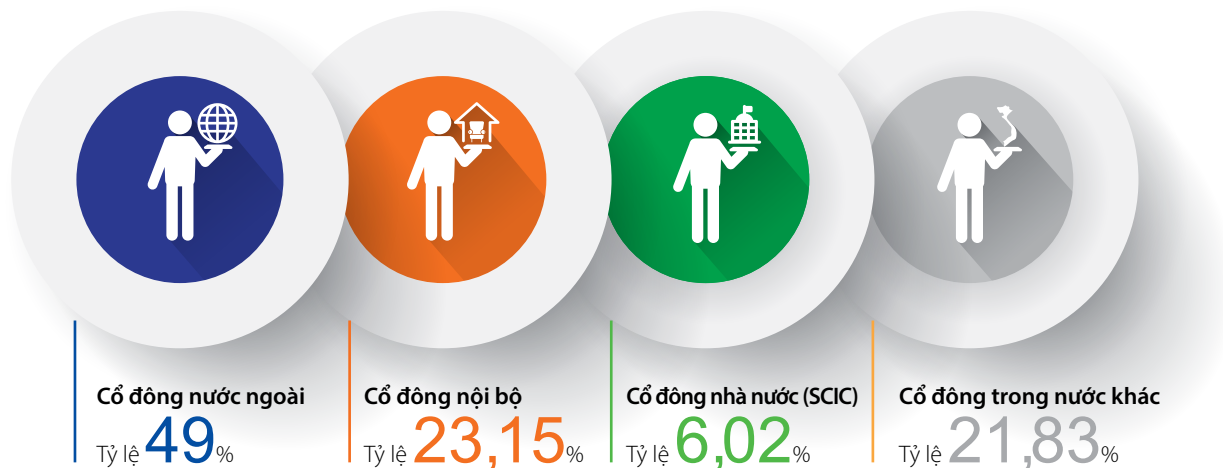
Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Cử nhân danh dự (chuyên ngành Kinh tế), ĐH New South Wales (Úc); Cử nhân (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng), ĐH Newcastle (Úc); Thạc sĩ Quản lý Tài sản, Đại học SMU (Singapore). Ông đang là ứng cử viên trình độ III, chương trình CFA.

Hiện nay, ông là Phó Ban Đầu tư Kinh doanh SCIC. Ông tham gia HĐQT và BKS một số công ty trong danh mục SCIC quản lý như: Trưởng BKS Công ty CP giống và cây trồng trung ương (NSC) nhiệm kỳ 2012-2017; thành viên BKS FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017.

THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN

Cơ cấu cổ đông

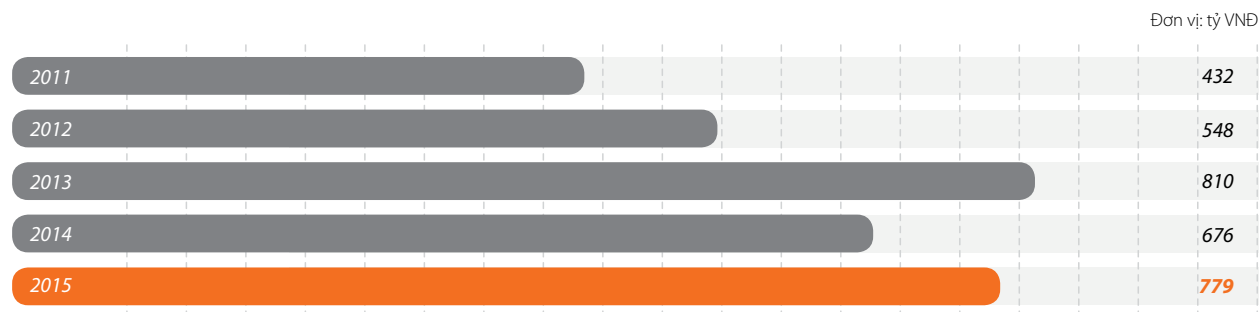


Bảng một số chỉ số

Tính đến ngày 31/12/2015

Vốn điều lệ của Công ty	3.975.316.400.000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu niêm yết	397.531.640
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	397.449.264
Cổ phiếu quỹ	82.376
Mệnh giá	10.000 VNĐ/Cổ phiếu

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC TỪ NĂM 2011 - 2015



Lưu ý: cổ tức tiền mặt thống kê trong biểu đồ trên được tính theo tỷ lệ cổ tức tiền mặt được ĐHĐCĐ phê duyệt cho năm đó. Do vậy không trùng với số “cổ tức đã trả cho cổ đông” trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ do số này bao gồm tạm ứng cổ tức của năm hiện tại và các khoản thanh toán cổ tức của năm liền trước (nếu có).



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Về triển vọng kinh tế toàn cầu, trong bối cảnh còn nhiều rủi ro và bất ổn, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng GDP của nền kinh tế thế giới năm 2016 sẽ đạt mức 3,6%, cao hơn so với mức tăng trưởng 3,3% của năm 2015.

Về triển vọng kinh tế Việt Nam, Quốc hội cũng đã đặt

mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,7% so với năm 2015 là 6,68%. Bên cạnh đó, việc gia nhập các hiệp định tự do thương mại, đặc biệt Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) sẽ tạo ra muôn vàn bài toán về công nghệ dành cho Việt Nam trong việc hợp tác quốc tế.

TRIỂN VỌNG NGÀNH VÀ CƠ HỘI CHO FPT



Thị trường toàn cầu mở ra cơ hội lớn

Xu hướng dịch vụ CNTT thế giới

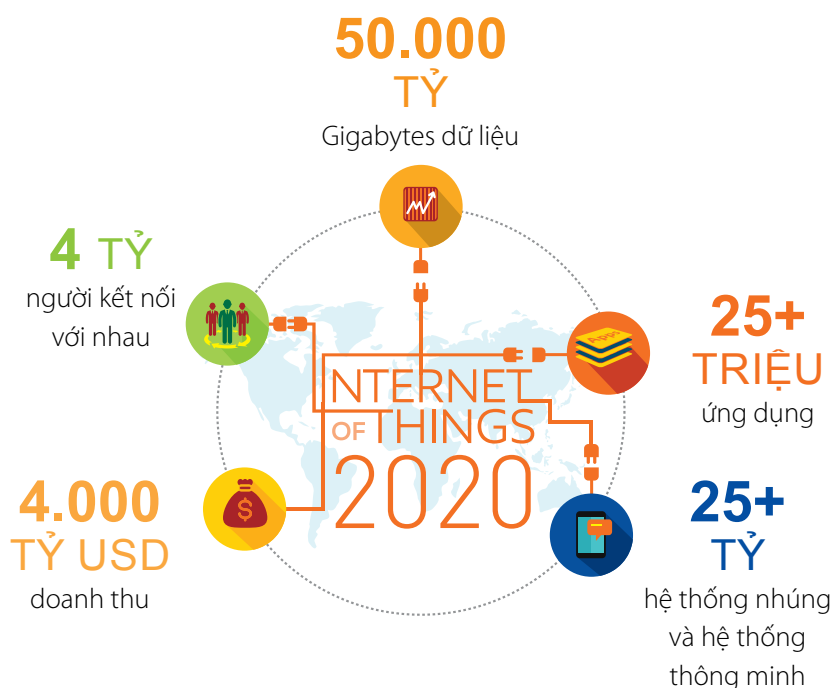
Theo dự báo của Gartner*, thị trường dịch vụ CNTT toàn cầu dự kiến tăng trưởng 4,0% năm 2016, đạt giá trị hơn 1.000 tỷ USD và sẽ tiếp tục tăng trưởng trung bình 4,3% trong 03 năm tới.

Năm 2016, một số xu hướng được dự báo trong ngành công nghiệp dịch vụ CNTT thế giới như: các hợp đồng

outsourcing đòi hỏi tính linh hoạt và hiệu quả cao hơn; Big Data sẽ được sử dụng nhiều hơn và những công ty có ngân sách hạn hẹp cho Big Data sẽ tìm đến các nhà cung cấp bên ngoài để gia tăng khả năng xử lý dữ liệu lớn của họ; các nhà cung cấp đã ứng dụng điện toán đám mây sẽ có ưu thế cạnh tranh hơn trên thị trường dịch vụ CNTT.

Xu hướng chuyển dịch công nghệ S.M.A.C, IoT

Dự báo về IoT đến năm 2020 của IDC



Theo Báo cáo Khảo sát về IoT và doanh nghiệp số của Gartner (2015), các doanh nghiệp coi thông tin và mạng internet là những điều kiện thiết yếu để trở thành doanh nghiệp số. Tuy nhiên, vẫn có ít hơn 10% doanh nghiệp hiện nay tích hợp hoạt động của họ với chiến lược kinh doanh số và đây là cơ hội để những công ty như FPT giúp khách hàng chuyển dịch sang thế giới số. Trong đó, S.M.A.C và IoT tiếp tục là hai xu hướng chủ đạo của ngành CNTT thế giới.

(*) Gartner Invest Quarterly Sector Outlook: IT Services, 4Q15



Xu hướng thị trường CNTT - VT trong nước

Thị trường tích hợp hệ thống và giải pháp hạ tầng - Kỳ vọng từ chính sách mới

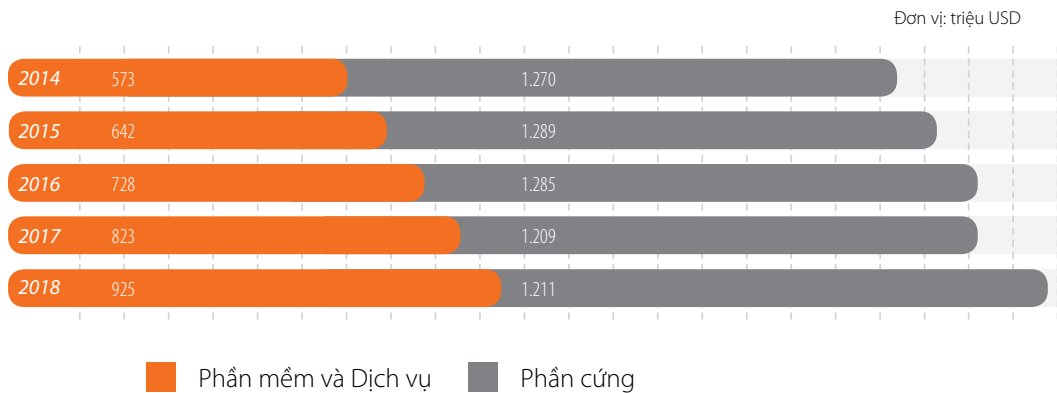
Ngày 14/10/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử giai đoạn năm 2015 - 2017. Nghị quyết hướng tới 03 mục tiêu chủ yếu để xây dựng Chính phủ điện tử là: liên thông văn bản điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; 100% dịch vụ công được cung cấp qua mạng điện tử; xây dựng Cổng dịch vụ công Quốc gia tại một địa chỉ duy nhất trên mạng điện tử. Nghị quyết 36a/NQ-CP được ban hành nhằm nâng cao vị trí về Chính phủ điện tử của Việt Nam theo xếp hạng của Liên hợp quốc, đồng thời cũng mở ra cơ hội để FPT và các doanh nghiệp CNTT Việt Nam có thể tham gia vào quá trình cải cách hành chính và điện tử hóa cơ quan nhà nước.

Bên cạnh đó, Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg quy định về thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan Nhà nước đã chính thức có hiệu lực từ tháng 02/2015, mở ra mô hình

kinh doanh mới cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT. FPT đã bước đầu thành công với mô hình kinh doanh này thông qua triển khai dự án Hệ thống Bán vé tàu điện tử cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Trong khi đó, theo IDC, Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và cần đầu tư rất nhiều vào cơ sở hạ tầng đặc biệt là hạ tầng CNTT. Bên cạnh đó, chi tiêu cho CNTT cũng có xu hướng dịch chuyển từ phần cứng sang phần mềm và dịch vụ. IDC dự báo trong giai đoạn từ 2016 - 2018, tốc độ tăng trưởng chi tiêu cho phần cứng sẽ giảm trung bình 2,1%/năm, nhưng chi tiêu cho phần mềm và dịch vụ được kỳ vọng sẽ giữ nguyên tốc độ tăng trưởng hai chữ số, tăng trưởng trung bình 12,9%/năm. Điều này cũng phù hợp với chiến lược phát triển của FPT là đẩy mạnh đầu tư vào phát triển các giải pháp phần mềm và cung cấp Dịch vụ CNTT.

Chi tiêu cho Hệ thống thông tin tại Việt Nam 2014 - 2018



Nguồn: IDC

Thị trường viễn thông cố định và PayTV - Nhiều cơ hội phát triển

Trong giai đoạn 2011 - 2015, lĩnh vực Viễn thông đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm từ 30 - 50% (*). Hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet của Việt Nam tiếp tục được đầu tư phát triển mạnh mẽ, phát triển tài nguyên Internet mới phù hợp với xu hướng hội tụ và phát triển của khoa học, kỹ thuật.

Ở mảng Truyền hình trả tiền (THTT), những năm gần đây đã chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng với sự mở rộng của các hình thức dịch vụ khác nhau như: Truyền hình cáp, Truyền hình kỹ thuật số mặt đất, Truyền hình vệ tinh, Truyền hình Internet và Truyền hình di động.

Thị trường điện thoại di động, sản phẩm CNTT

Theo đánh giá của GfK đưa ra gần đây, thị trường tiêu dùng điện thoại tại Việt Nam đang ghi nhận bước chuyển biến tích cực nhờ đóng góp của các dòng smartphone phục vụ nhu cầu trải nghiệm online. Theo đó, năm 2015 tổng số điện thoại thông minh được bán ra tại Việt Nam

đã tăng 28,1% so với năm 2014, đạt mức 12,9 triệu chiếc. Đây là mức tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á, góp phần đưa Việt Nam trở thành thị trường smartphone lớn thứ ba trong khu vực.

(*): Báo cáo Tổng kết năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIẢI ĐOẠN 2016 - 2018



Vươn tới tập đoàn toàn cầu

Mục tiêu

- Doanh thu từ thị trường nước ngoài chiếm 30% vào năm 2020;
- Quốc tế hóa văn hóa FPT.

Hành động chiến lược

- Triển khai cung cấp các sản phẩm/dịch vụ mới cho thị trường quốc tế;
- Triển khai áp dụng các chuẩn mực quốc tế;
- Thực hiện các thương vụ mua bán sáp nhập tại nước ngoài;
- Phổ cập tiếng Anh trong toàn Tập đoàn.



Tiền phong trong thế giới số

Mục tiêu

- Tiên phong trong thế giới số; xây dựng và tham gia vào hệ sinh thái công nghệ toàn cầu;
- Tăng trưởng doanh thu từ các dịch vụ số hóa cho khách hàng bình quân trên 70%/năm.

Hành động chiến lược

- Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ số;
- Tiên phong trong thay đổi mô hình quản trị và kinh doanh theo phương thức số;
- Đầu tư cho các startup công nghệ mới bổ sung cho hệ thống sinh thái của FPT;
- Người FPT tiên phong trong thế giới số.



Nâng cao đẳng cấp

Mục tiêu

- FPT nằm trong danh sách Forbes Global 2000 vào năm 2020;
- Trở thành tổ chức học tập, nâng cao năng lực lãnh đạo.

Hành động chiến lược

- Nâng cao đẳng cấp xếp hạng quốc tế của các lĩnh vực kinh doanh;
- Ký hợp đồng giá trị lớn, dài hạn; phát triển các giải pháp/dịch vụ trọn gói, chuyên ngành và các giải/dịch vụ có giá trị gia tăng cao;
- Thực hiện các dự án “startup” chiến lược nhằm tạo sự tăng trưởng và đóng góp đáng kể về doanh thu;
- Người FPT dành ít nhất 20 giờ/năm cho học tập nâng cao trình độ; Xây dựng hệ thống tiêu chí nhằm đánh giá và nâng cao năng lực lãnh đạo.

Doanh thu từ thị trường
nước ngoài

30%

vào năm 2020

Tăng trưởng

70%/năm

doanh thu từ cung cấp các dịch
vụ số hóa cho khách hàng



FPT nằm trong danh sách
Forbes Global 2000 vào
năm 2020



Phát triển bền vững

Là doanh nghiệp CNTT lớn nhất trong lĩnh vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, FPT nhận thức rõ tầm quan trọng của chiến lược này và luôn nỗ lực kết hợp thực hiện mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội giúp đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới các hoạt động hiện tại và tương lai.

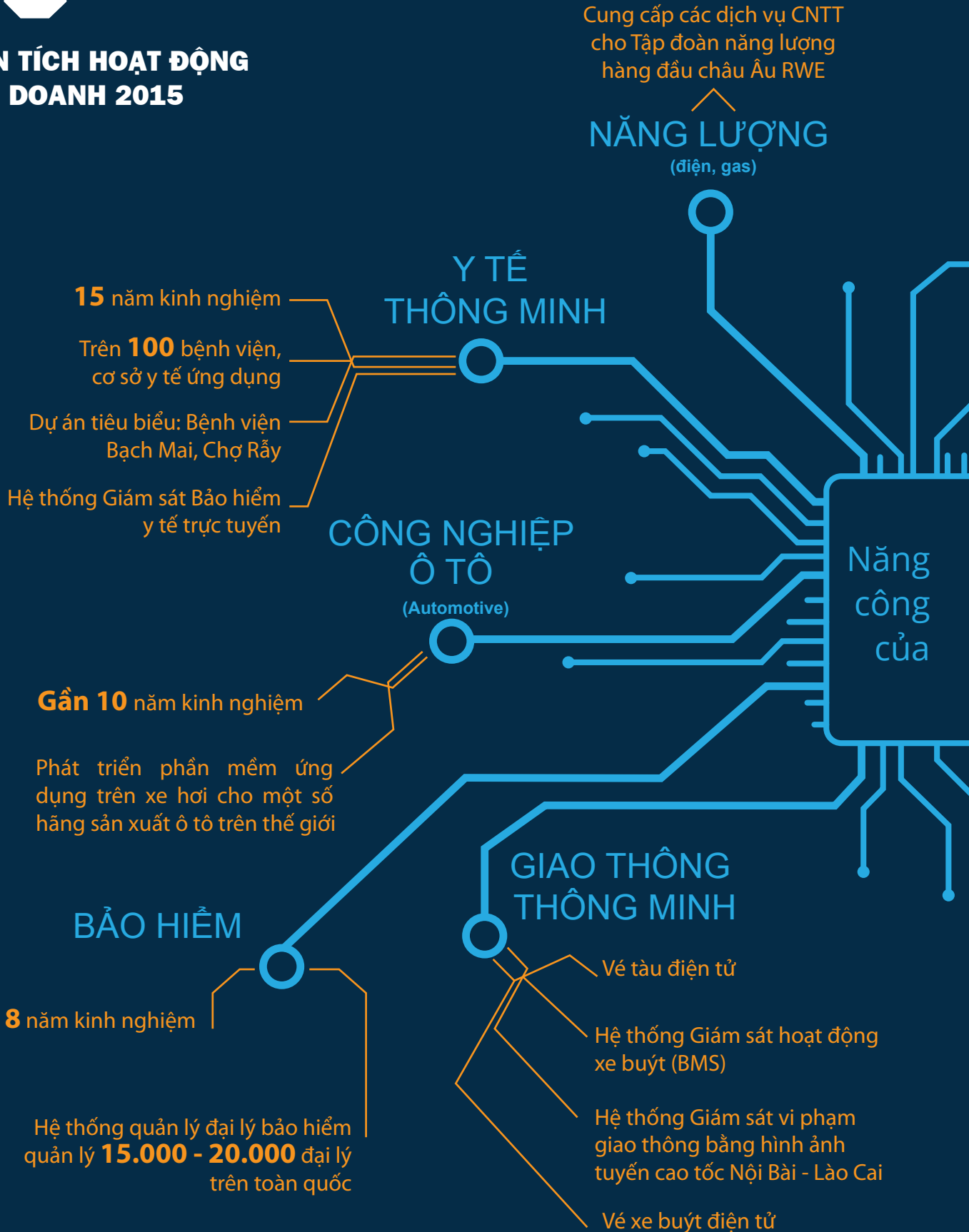
Một số mục tiêu chính trong chiến lược phát triển bền vững của FPT:

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận;
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng;
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng; Xanh hóa hoạt động kinh doanh và lối sống.

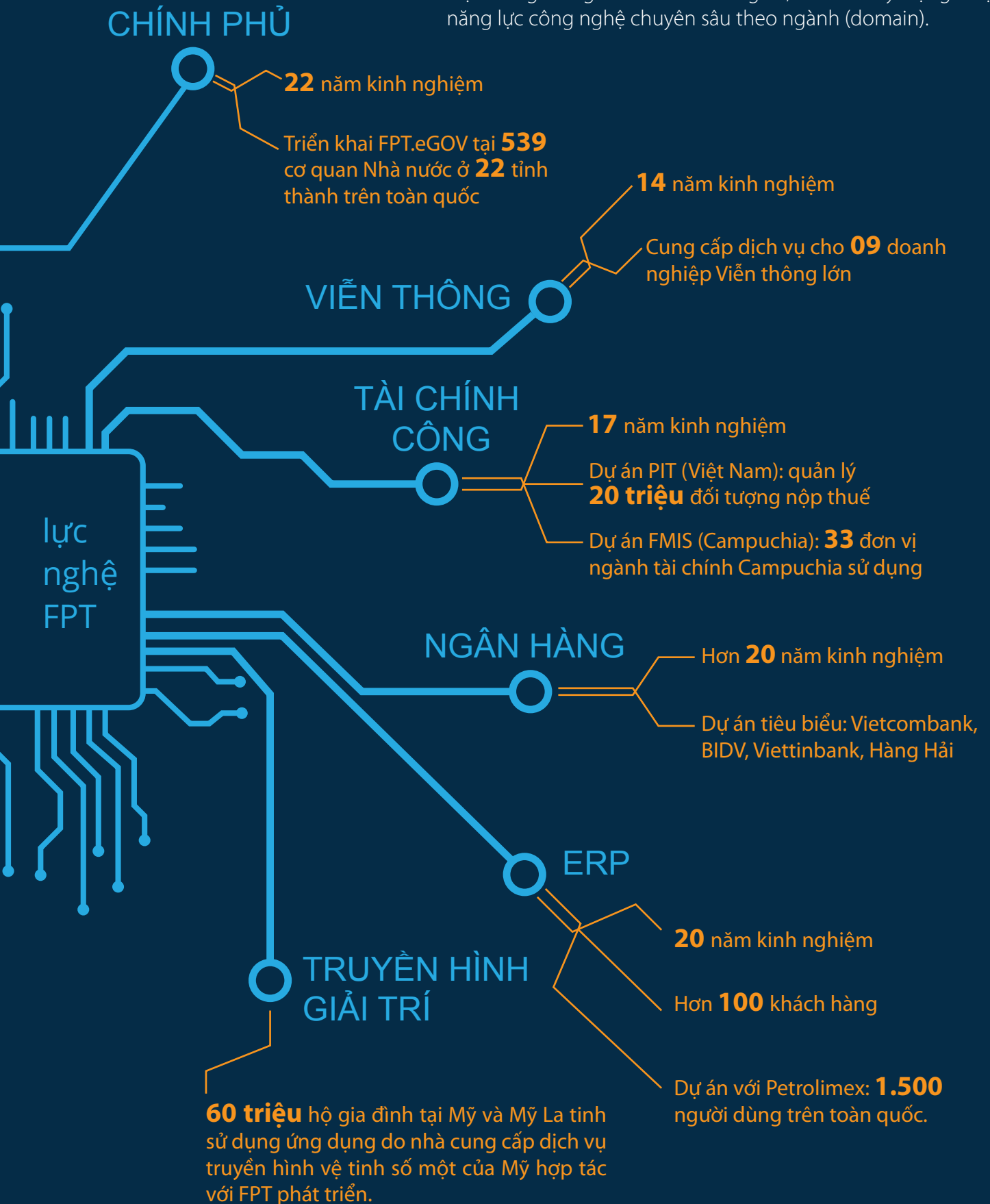
(Thông tin chi tiết xem thêm tại Báo cáo Phát triển bền vững, trang 80)

03

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015



Định hướng công nghệ theo ngành chuyên sâu: Dựa trên kinh nghiệm triển khai nhiều dự án quy mô lớn và phức tạp tại thị trường trong nước và nước ngoài, FPT đã xây dựng được năng lực công nghệ chuyên sâu theo ngành (domain).





TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ 2015

Bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2015 có những điểm sáng hơn so với 2014 với GDP tăng 6,68%, mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm gần đây. Lạm phát thấp kỉ lục với chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 0,6% trong năm 2015. Lãi suất được duy trì ở mức tương đối thấp giúp kích thích đầu tư và tiêu dùng. Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn nhờ môi trường đầu tư và tự do hóa thương mại quốc tế thông qua việc ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), tham gia Cộng đồng kinh tế Asean (AEC). Tuy nhiên, việc đồng Việt Nam giảm giá hơn 5% so với đô la Mỹ - mức tương đối cao so với trung bình các năm gần đây - cũng gây ảnh hưởng tiêu cực tới các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc giá dầu thế giới giảm mạnh, kinh tế Trung Quốc giảm tốc và sự thâm hụt ngân sách Nhà nước... đặt ra những thách thức lớn cho các mục tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều thách thức, FPT đã hoàn thành kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận trước thuế, đặc biệt lợi nhuận quay lại quỹ đạo tăng trưởng hai chữ số. Cụ thể, doanh thu kinh doanh hợp nhất năm 2015 đạt 40.003 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch, tăng 13,9% so với năm 2014; lợi nhuận trước thuế đạt 2.851 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 15,9% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ đạt tương ứng 2.438 tỷ đồng và 1.931 tỷ đồng trong năm 2015, tăng tương ứng 17,3% và 18,3% so với năm 2014. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tăng 17,8% so với năm trước, đạt 4.386 đồng/cổ phiếu. Tổng tài sản toàn Tập đoàn tăng 14,9% so với năm trước, đạt 26.046 tỷ đồng.

Thị trường nước ngoài tiếp tục tăng trưởng tốt và đóng góp quan trọng, đặc biệt về lợi nhuận cho Tập đoàn. Doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt 4.859 tỷ đồng, tăng 40,9% so với năm 2014, tương đương khoảng 221 triệu USD. Lợi nhuận trước thuế từ thị trường nước ngoài đạt 668 tỷ đồng (tương đương 30,4 triệu USD), tăng 15,1% so với 2014 và chiếm gần ¼ tổng lợi nhuận toàn Tập đoàn.

Một số chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: tỷ VNĐ (trừ EPS)

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	22.658	26.046	14,9%
Doanh thu kinh doanh hợp nhất	35.130	40.003	13,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.389	2.802	17,3%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA)	3.173	3.847	21,2%
Lợi nhuận trước thuế	2.459	2.851	15,9%
Lợi nhuận sau thuế	2.079	2.438	17,3%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS, đơn vị tính VNĐ/cổ phiếu)	3.723	4.386	17,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	42,1%	41,2%	

Doanh thu kinh doanh hợp nhất

↑ **13,9%**
so với năm 2014

Lợi nhuận sau thuế

↑ **17,3%**
so với năm 2014

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng tài sản được ghi nhận là 26.046 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đạt 10,4%. Các khoản phải thu khách hàng tăng từ 4.286 tỷ đồng lên 4.994 tỷ đồng do doanh thu tăng mạnh 13,9%. Tuy vậy, vòng quay khoản phải thu có sự cải thiện từ 8,68 lần năm 2014 lên 8,91 lần năm 2015, cho thấy có sự cải thiện trong hoạt động thu hồi công nợ.

Về số dư trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong lĩnh vực Dịch vụ viễn thông (căn cứ trên tỷ lệ cược viễn thông của khách hàng rời mạng không có khả năng thu hồi), với đặc thù kinh doanh viễn thông, đây được coi là một tỷ lệ thất thoát trong hoạt động. Tuy nhiên, theo quy định của chuẩn mực kế toán, Công ty không thể bù trừ số dư phải thu của các khách hàng đã rời mạng không có khả năng thu hồi với số dư đã trích lập dự phòng nên số dư trích lập dự phòng tăng lên đáng kể qua hàng năm. Số dư trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2015 (không bao gồm các khoản trích lập dự phòng tích lũy trong lĩnh vực Dịch vụ viễn thông) là 88 tỷ đồng, chiếm 2,28% tổng số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng, tương đương với tỷ lệ 2,27% tại thời điểm 31/12/2014 và ở mức thấp.

Tổng giá trị tài sản
↑ 14,9%
so với năm 2014



Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng các khoản vay phải trả lãi tăng từ 6.865 tỷ đồng lên 8.806 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn tăng 1.469 tỷ đồng và vay dài hạn tăng 472 tỷ đồng. Vay nợ ngắn hạn chủ yếu để tài trợ vốn lưu động tại lĩnh vực Bán lẻ và tăng cường đầu tư trong lĩnh vực Dịch vụ viễn thông và mảng Xuất khẩu phần mềm. Số dư tại thời điểm 31/12/2015 tăng so với thời điểm 31/12/2014 chủ yếu tại các lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông (tăng 962 tỷ đồng), lĩnh vực Bán lẻ (tăng 733 tỷ đồng) và mảng Xuất khẩu phần mềm (tăng 309 tỷ đồng). Lĩnh vực Phân phối – chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng dư nợ ngắn hạn hợp nhất, có dư nợ giảm 557 tỷ đồng.

Vay nợ dài hạn chủ yếu để đầu tư xây dựng cơ bản tại các đơn vị, trong đó lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông có mức tăng lớn nhất. Tại 31/12/2015, số dư vay dài hạn của lĩnh vực Dịch vụ viễn thông là tăng 445 tỷ đồng (năm 2014: không có dư nợ dài hạn), chiếm 95% mức tăng số dư vay dài hạn hợp nhất giữa hai thời điểm.

Hệ số Nợ thuần/Vốn chủ sở hữu toàn Tập đoàn ở mức 0,27 lần, tuy cao hơn mức 0,13 tại thời điểm cùng kỳ năm trước nhưng vẫn ở mức rất thấp, cho thấy mức độ an toàn về tài chính cao của Tập đoàn, cũng như tiềm năng huy động vốn để mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Nợ thuần/vốn chủ sở hữu ở mức thấp

0,27 lần

so với năm 2014



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Một số chỉ tiêu cơ bản

Chỉ tiêu	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,29	1,27
Hệ số thanh toán nhanh	0,94	0,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn và đảm bảo lãi vay		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,30	0,34
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,74	0,86
Hệ số Nợ thuần/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,27
Hệ số Đảm bảo lãi vay	15,80	11,86
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	6,70	6,19
Vòng quay khoản phải thu	8,68	8,91
Vòng quay khoản phải trả	10,62	10,68
Vòng quay tiền mặt (ngày)	62,15	65,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6,8%	7,0%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	7,0%	7,1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	5,9%	6,1%
Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư	16,3%	16,4%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	23,6%	24,8%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	10,9%	10,4%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bùi Quang Ngọc	TGD	3,72%
2	Nguyễn Thế Phương	Phó TGD	0,07%
3	Dương Dũng Triều	Phó TGD	0,27%
4	Nguyễn Khắc Thành	Phó TGD	0,19%
5	Hoàng Hữu Chiến	Kế toán trưởng	0,01%



Các thay đổi trong Ban Điều hành

- Bổ nhiệm ông Lê Hồng Việt làm Giám đốc Công nghệ.
- Bổ nhiệm ông Uwe Schlager làm Giám đốc M&A.
- Bổ nhiệm ông Hoàng Việt Hà làm Giám đốc Điều hành.



Số lượng CBNV và chính sách đối với người lao động

Tính đến hết tháng 12/2015, quy mô nhân lực của FPT đạt 26.818 người, tăng 21,8% so với 2014, trong đó có 1.135 CBNV người nước ngoài với 25 quốc tịch.

Với định hướng đem lại cho mỗi thành viên điều kiện phát triển đầy đủ nhất về tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần, FPT luôn chú trọng xây dựng và thực hiện những chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài và xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo.

26.818

CBNV

1.135

CBNV

quốc tịch nước ngoài

25

quốc tịch

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Các khoản đầu tư lớn

Như các năm trước, các khoản đầu tư lớn tập trung tại các khối Viễn thông (đầu tư hạ tầng, mở rộng tập khách hàng và đầu tư cho sản phẩm mới), khối Công nghệ (đầu tư xây dựng các khu văn phòng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhân sự) và đầu tư nghiên cứu công nghệ mới. Tổng số tiền chi mua sắm tài sản cố định và đầu tư cho các giải pháp công nghệ (được vốn hóa) trong năm 2015 là 2.090 tỷ đồng, được chia theo các khối như sau:

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Khối	Mục đích đầu tư	Giải ngân 2015
Khối Viễn thông	Đầu tư phát triển hạ tầng, quang hóa, truyền hình trả tiền,...	1.487,6
Khối Công nghệ	Đầu tư xây dựng văn phòng đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.	511,6
	Đầu tư nghiên cứu công nghệ (Cloud, Mobility, DMS,...)	24,6
Khối Phân phối và Bán lẻ		6,1
Khối Giáo dục và Khác		60,3
	Tổng cộng	2.090,2



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Các công ty con, công ty liên kết

Tính tới thời điểm 31/12/2015, FPT có 08 công ty con (không tính một công ty đã có quyết định thu hẹp sản xuất từ năm 2011) và 02 công ty liên kết, được chia thành 04 khối kinh doanh gồm: Công nghệ; Viễn thông; Phân phối, Bán lẻ và khối Khác. Cụ thể như sau:

Công ty con

- Khối Công nghệ:
 - ✓ FPT Software: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh mảng Xuất khẩu phần mềm;
 - ✓ FPT IS: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh lĩnh vực Giải pháp phần mềm, Tích hợp hệ thống và Dịch vụ CNTT.
- Khối Viễn thông:
 - ✓ FPT Telecom: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông;

- ✓ FPT Online: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh lĩnh vực Nội dung số.
- Khối Phân phối và Bán lẻ sản phẩm công nghệ:
 - ✓ FPT Trading: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh Lĩnh vực Phân phối các sản phẩm công nghệ;
 - ✓ FPT Retail: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh Lĩnh vực Bán lẻ các sản phẩm công nghệ.
- Khối Giáo dục và Khác:
 - ✓ FPT Education: xem phần Phân tích kết quả kinh doanh lĩnh vực Giáo dục;
 - ✓ FPT Investment: quản lý các khoản đầu tư của FPT.

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh và quản trị công ty, FPT luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường và xã hội Việt Nam, đặc biệt là triển khai các chương trình hỗ trợ cho giáo dục, tạo điều kiện tốt nhất cho thế hệ trẻ phát triển trong tương lai.

Năm 2015, FPT đã chi gần 33,6 tỷ đồng cho các hoạt động trách nhiệm xã hội, trong đó:

- 30,8 tỷ đồng hỗ trợ cho giáo dục và thế hệ trẻ, mang lại lợi ích cho hơn 20 triệu học sinh, sinh viên Việt Nam.
- Gần 2,8 tỷ đồng cho các chương trình từ thiện, nhân đạo.

Các khoản chi cho hoạt động xã hội năm 2015

STT	Chương trình	Số người được hỗ trợ/tham gia	Kinh phí (VNĐ)
I	Hỗ trợ giáo dục và thế hệ trẻ		30.803.964.252
1	Cấp học bổng	955	20.749.879.700
2	Triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ trong việc đào tạo	20.000.000	7.072.000.000
3	Cung cấp các phương tiện học tập (máy tính, sách vở,...)	15.000	2.132.331.552
4	Tôn vinh, khuyến khích học sinh sinh viên có năng lực trong các lĩnh vực	13.216	849.753.000
II	Các hoạt động từ thiện, nhân đạo		2.751.664.530



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI

Năm 2015 doanh thu và lợi nhuận trước thuế của FPT tăng trưởng ở mức hai chữ số, vượt kế hoạch đề ra, trong đó các mảng kinh doanh cốt lõi ghi nhận những con số tăng trưởng ấn tượng.

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Khối kinh doanh	Thực hiện 2015		Kế hoạch 2015		Tỷ lệ hoàn thành	
	Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT
Khối Công nghệ	8.605	927	8.310	998	103,5%	92,9%
Khối Viễn thông	5.484	1.044	5.134	1.005	106,8%	103,9%
Khối Phân phối - Bán lẻ	25.213	728	25.510	698	98,8%	104,3%
Khối Giáo dục và Khác	702	151	646	149	108,7%	101,5%
Tổng cộng	40.003^(*)	2.851^(*)	39.600	2.850	101,0%	100,0%

(*): Số tổng cộng có thể lệch một đơn vị so với các số thành phần, do làm tròn.

Khối Công nghệ: hoàn thành 103,5% kế hoạch doanh thu và 92,9% kế hoạch lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng tương ứng 22,3% về doanh thu và 25,3% về lợi nhuận. Lần đầu tiên, doanh thu từ thị trường nước ngoài của Khối vượt doanh thu từ thị trường trong nước, chiếm 52% doanh thu của toàn Khối, tăng trưởng 40,5%. Toàn cầu hóa thực sự trở thành một động cơ quan trọng cho tăng trưởng của khối Công nghệ cũng như là động lực chính cho tăng trưởng của Tập đoàn trong những năm sắp tới.

Lợi nhuận trước thuế khối Công nghệ

↑ **25,3%**

so với năm 2014

Khối Viễn thông: về đích trước hạn và vượt kế hoạch đề ra với doanh thu 5.484 tỷ đồng, tăng trưởng 16% và lợi nhuận trước thuế 1.044 tỷ đồng, tăng trưởng 11,6% so với năm 2014, hoàn thành tương ứng 106,8% và 103,9% kế hoạch. Năm 2015, lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông hoàn thành kế hoạch quang hóa tại Hà Nội, Tp.HCM và đang từng bước mở rộng tới các tỉnh thành tiếp theo. Bên cạnh đó, mảng Quảng cáo trực tuyến cũng có mức tăng trưởng khả quan với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng 15,4% và 9,8% so với năm 2014, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế khối Viễn thông

↑ **11,6%**

so với năm 2014

Khối Phân phối và Bán lẻ: doanh thu tăng 10,9%, hoàn thành 98,8% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế tăng 23,6% so với năm trước, đồng thời hoàn thành 104,3% kế hoạch. Trong đó, lĩnh vực Phân phối duy trì kết quả tương đương năm trước. Lĩnh vực Bán lẻ có kết quả vượt trội nhờ tiếp tục mở rộng quy mô và tối ưu hóa việc vận hành hệ thống bán lẻ và là động lực tăng trưởng chính của khối này.

Lợi nhuận trước thuế khối Phân phối và Bán lẻ

↑ **23,6%**

so với năm 2014

Lĩnh vực Giáo dục: ghi nhận tăng trưởng mạnh về số lượng sinh viên mới nhập học trong năm 2015 với mức tăng 15,4%, đặc biệt hệ đại học ghi nhận mức tăng 32,6% so với năm trước, đồng thời ra mắt trường Đại học trực tuyến đầu tiên của Việt Nam, FUNiX - đào tạo Cử nhân CNTT - với kỳ vọng góp phần giải bài toán nhân lực cho ngành CNTT của Việt Nam.



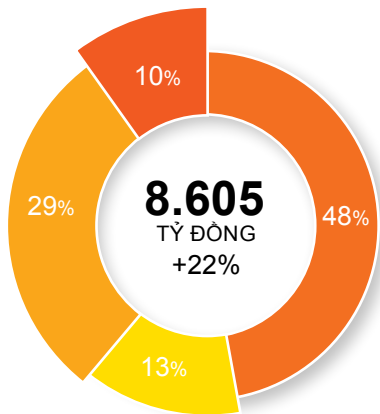
PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI



Khối Công nghệ

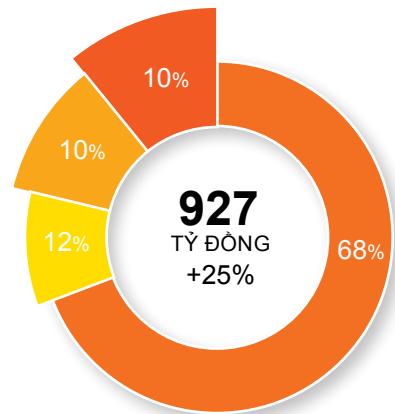
Doanh thu

Đơn vị: tỷ VNĐ



Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: tỷ VNĐ



Dịch vụ CNTT	873	+12%
Tích hợp hệ thống	2.530	-6%
Giải pháp phần mềm	1.098	+68%
Xuất khẩu phần mềm	4.104	+40%

Dịch vụ CNTT	90	+6%
Tích hợp hệ thống	96	-30%
Giải pháp phần mềm	107	+8068%
Xuất khẩu phần mềm	634	+23%

Lĩnh vực Phát triển phần mềm

Lĩnh vực **Phát triển phần mềm** gồm hai mảng **Xuất khẩu phần mềm** và **Giải pháp phần mềm**. Trong đó, mảng Xuất khẩu phần mềm chủ yếu cung cấp dịch vụ IT Outsourcing (Ủy thác dịch vụ CNTT) như: chuyển đổi công nghệ; tư vấn, nghiên cứu phát triển, cung cấp và triển khai các dịch vụ trên nền công nghệ S.M.A.C/IoT; thiết kế sản phẩm; ... cho khách hàng tại các thị trường phát triển. Mảng Giải pháp phần mềm chủ yếu cung cấp các giải pháp chuyên sâu cho các lĩnh vực chuyên biệt như: khối Chính phủ, Tài chính công, Viễn thông, Giao thông – vận tải, Tài chính - Ngân hàng, Điện, Nước, Gas, Y tế cho khách hàng tại các thị trường đang phát triển.

Năm 2015, lĩnh vực Phát triển phần mềm là một trong những đầu tàu mang lại tăng trưởng cho Tập đoàn với doanh thu 5.202 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 741 tỷ đồng, tăng tương ứng 45% và 43% so với cùng kỳ. Trong đó mảng Xuất khẩu phần mềm duy trì tốc độ tăng trưởng cao với doanh thu tăng 40%, mảng Giải pháp phần mềm cũng có sự hồi phục đáng kể, đặc biệt về lợi nhuận.

» Mảng Xuất khẩu phần mềm (XKPM)

Tiếp tục tăng trưởng tốt với mức tăng 40% về doanh thu và 23% về lợi nhuận trước thuế, lần thứ 3 liên tiếp lọt Top 100 Nhà cung cấp dịch vụ ủy thác toàn cầu do IAOP đánh giá.

Doanh thu Xuất khẩu phần mềm

↑40%

so với năm 2014

Những dấu ấn trong năm 2015

Doanh thu chiếm 84% tổng doanh thu từ thị trường nước ngoài của FPT

Năm 2015, doanh thu lĩnh vực XKPM đạt 4.104 tỷ đồng (tương đương 184 triệu USD), lợi nhuận trước thuế đạt 634 tỷ đồng, tăng tương ứng là 40% và 23% so với năm 2014. FPT tiếp tục lọt vào Danh sách 100 Nhà cung cấp dịch vụ ủy thác toàn cầu do IAOP đánh giá. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của mảng này đạt 15,5%, thấp hơn 2,2% so với năm 2014 chủ yếu do các nguyên nhân mang tính tạm thời, gồm: (1) FPT Slovakia đang trong giai đoạn tối ưu hóa nguồn lực theo hướng sử dụng nhiều hơn nguồn lực tại Việt Nam; (2) tăng cường đầu tư mở rộng quy mô nguồn lực (chương trình 10.000 Kỹ sư Cầu nối) và đội ngũ bán hàng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2016 được kỳ vọng sẽ quay lại mức trước đây nhờ: (1) FPT Slovakia được kỳ vọng có tỷ suất lợi nhuận tốt hơn; (2) tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực.

Đa dạng hóa khách hàng, đồng thời tiếp tục tăng quy mô với các khách hàng lớn

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Tiêu chí	Doanh thu			Tỷ trọng			Tăng trưởng 2015/2014
	2013	2014	2015	2013	2014	2015	
Top 10 khách hàng	882	1.133	1.684	41%	39%	41%	49%
Top 20 khách hàng	1.307	1.633	2.199	61%	56%	54%	35%
Top 30 khách hàng	1.530	1.933	2.559	71%	66%	62%	32%

Năm 2015, nhóm 30 khách hàng lớn nhất đóng góp 62% vào tổng doanh thu của mảng XKPM, giảm so với các năm trước (2014: 66%; 2013: 71%). Điều này cho thấy doanh thu của Mảng này đã được đa dạng hóa tốt. Đồng thời, nhóm khách hàng này vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao ở mức 32% trong năm 2015.

Các thị trường trọng điểm đều tăng trưởng tốt

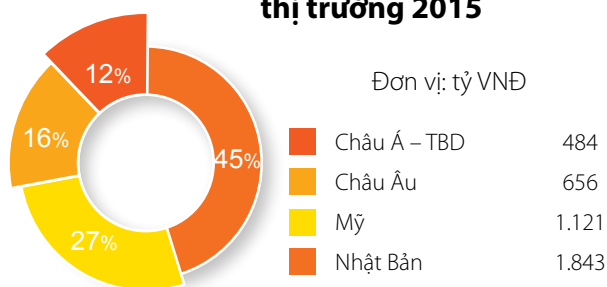
Nhật Bản: chiếm 45% doanh thu mảng XKPM và tiếp tục có tốc độ tăng trưởng ấn tượng, tăng 40% so với năm trước. Việc thiếu hụt nghiêm trọng kỹ sư CNTT và xu hướng chuyển dịch các công việc ủy thác dịch vụ CNTT ra ngoài Trung Quốc sẽ tiếp tục là cơ hội lớn cho Việt Nam nói chung và FPT nói riêng tại thị trường này.

Mỹ: thị trường lớn thứ hai của FPT trong mảng XKPM. Doanh thu từ thị trường Mỹ tăng trưởng 37% so với 2014, chiếm 27% doanh thu mảng XKPM trong năm 2015. Hiện FPT đang đầu tư cho các giải pháp trên các nền tảng công nghệ mới như S.M.A.C/IoT, để cạnh tranh với các đối thủ lớn hơn.

Châu Âu: liên tục tăng trưởng tốt về quy mô doanh thu (năm 2015: tăng 56%, 2014: tăng 117%) – một phần nhờ chiến lược M&A. Cùng với Nhật Bản, Mỹ, châu Âu được kỳ vọng sẽ trở thành một trong 03 thị trường quan trọng nhất tạo thể phát triển “chân kiềng” cho mảng XKPM của FPT trong thời gian tới.

Châu Á – Thái Bình Dương: tăng trưởng 30% trong năm 2015, đóng góp 12% vào tổng doanh thu mảng XKPM.

Doanh thu Xuất khẩu phần mềm và tỷ trọng đóng góp theo thị trường 2015



Tăng trưởng doanh thu Xuất khẩu phần mềm theo thị trường





PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

(tiếp theo)

Nhiều thay đổi quan trọng nhằm hướng tới mục tiêu thách thức 1 tỷ USD doanh thu từ thị trường nước ngoài cho Tập đoàn

✓ **Bổ sung nhân sự cấp cao tại các thị trường trọng điểm**

Nhằm mở rộng kinh doanh và giúp quản lý tốt hơn các nguồn tài nguyên phục vụ thị trường Nhật, Mỹ, đặc biệt là nguồn nhân lực, FPT Software đã bổ nhiệm ông Hatakeyama Tsutomu vào vị trí Phó Giám đốc FPT Nhật Bản và ông Malay Verma vào vị trí Giám đốc Kinh doanh FPT Mỹ. Ông Hatakeyama Tsutomu và ông Malay Verma là những người có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo tại các công ty đa quốc gia. Việc bổ nhiệm này cũng là một trong những bước đi đa dạng hóa kiến thức và kinh nghiệm trong đội ngũ lãnh đạo FPT, góp phần giúp FPT chuyển đổi thành một công ty thực sự mang tính toàn cầu trong tương lai.

✓ **Mở mới và mở rộng quy mô các trung tâm phát triển dịch vụ tại Việt Nam, Philippines và Myanmar**

Để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô nhân lực và công việc từ khách hàng, FPT Software đã mở thêm văn phòng tại Philippines và Myanmar, đồng thời mở thêm văn phòng làm việc mới tại Hà Nội,... Như vậy, hiện mảng XKPM đã phát triển được 06 trung tâm cung cấp dịch vụ, trong đó, tại Việt Nam có 04 trung tâm (gồm Hà Nội, Tp.HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ), tại Philippines có 01 trung tâm, tại Slovakia có 01 trung tâm.

✓ **Triển khai chương trình 10.000 Kỹ sư Cầu nối**

Theo Khảo sát thường niên về Thiếu hụt nguồn nhân lực (Talent Shortage Survey) của tổ chức ManpowerGroup, trong năm 2015, có tới 83% các lãnh đạo phụ trách tuyển dụng tại Nhật cho biết gặp khó khăn trong việc tuyển người, con số cao nhất trong số 42 quốc gia được khảo sát. Cũng tại Nhật Bản, nhân viên CNTT (IT personnel) đứng vị trí thứ 3 trong số các ngành nghề khó kiếm nhân sự nhất (so với trên toàn cầu, nhân sự trong ngành CNTT xếp thứ 9 trong số các lĩnh vực khó tìm nhân sự nhất).

Trong bối cảnh đó và xuất phát từ chính nhu cầu thực tế của Công ty, FPT đã triển khai Chương trình 10.000 Kỹ sư Cầu nối. Trong năm 2015, đã có 1.000 Kỹ sư Cầu nối được đào tạo tại Việt Nam và Nhật Bản theo Chương trình này.

» **Mảng Giải pháp phần mềm**

Doanh thu và đặc biệt lợi nhuận hồi phục mạnh mẽ. Hoàn thành nhiều dự án lớn trong và ngoài nước, tạo niềm tin chinh phục các dự án mới trong tương lai.

Nếu mảng Xuất khẩu phần mềm có doanh thu chủ yếu đến từ các thị trường phát triển thì doanh thu mảng Giải pháp phần mềm chủ yếu đến từ thị trường trong nước và đang dần có tỷ trọng doanh thu ngày càng lớn từ các nước đang phát triển (Lào, Campuchia, Bangladesh,...).

Những dấu ấn trong năm 2015

Doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng trở lại sau 03 năm giảm liên tiếp (2012 – 2014)

Nhờ nỗ lực tái cấu trúc hoạt động, chuyển trọng tâm kinh doanh từ tích hợp phần cứng sang phát triển các giải pháp phần mềm và cung cấp các dịch vụ CNTT, lĩnh vực Giải pháp phần mềm đã ghi nhận doanh thu 1.098 tỷ đồng, tăng 68% và lợi nhuận trước thuế 107 tỷ đồng trong năm 2015, tăng 8068% so với năm 2014.

Doanh thu mảng Giải pháp phần mềm

↑ **68%**

so với năm 2014

Lợi nhuận trước thuế
mảng Giải pháp phần mềm

↑ **8068%**

so với năm 2014

Trúng thầu dự án Thuế VAT tại
Bangladesh trị giá

33,6

triệu USD

Nỗ lực hoàn thành được nhiều hợp đồng lớn tại thị trường nước ngoài

Năm 2015, vượt qua 5 nhà thầu quốc tế, FPT đã trúng gói thầu “Dự án Hệ thống Ứng dụng Quản lý Thuế VAT” (IVAS) cho cơ quan thuế Bangladesh với giá trị 33,6 triệu USD. Tại thị trường Campuchia, FPT đã đưa vào vận hành Hệ thống Thông tin quản lý Tài chính kho bạc Nhà nước cho Chính phủ Hoàng gia Campuchia (FMIS). Tại Myanmar, FPT cũng đã triển khai thành công dự án ERP cho Tập đoàn sơn hàng đầu Myanmar, United Paint Group (UPG).

Tham gia nhiều dự án giải quyết các bài toán của xã hội theo hình thức cho thuê dịch vụ CNTT

Ngày cuối cùng của năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) trong cơ quan nhà nước. Quyết định có hiệu lực thi hành từ 15/02/2015. FPT trở thành doanh nghiệp CNTT tiên phong trong xu hướng này với nhiều dự án được triển khai trong năm 2015, trong đó:

- ✓ Dự án triển khai Hệ thống Bán vé tàu điện tử cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- ✓ Đề án Thí điểm Xây dựng Hệ thống Giám sát xử lý vi phạm giao thông trên tuyến đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai.
- ✓ Dự án Hệ thống Giám định Bảo hiểm Y tế trực tuyến tại Hải Phòng.

Đồng thời, đơn vị đã đề xuất xây dựng Hệ thống tích hợp thông tin cho Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia với kỳ vọng mở ra cơ hội mới trong việc cho thuê hệ thống cho các ngành khác như y tế, bảo hiểm...

Đối với thị trường trong nước, mảng Giải pháp phần mềm cùng lĩnh vực Dịch vụ CNTT, sẽ là những hướng tập trung chú trọng của FPT trong tương lai nhờ khả năng tạo ra khác biệt so với các nhà cung cấp dịch vụ và giải pháp khác.

Lĩnh vực Tích hợp hệ thống, Dịch vụ CNTT

FPT tập trung nhiều hơn vào việc phát triển các giải pháp thiên về phần mềm và dịch vụ, với hàm lượng giá trị gia tăng cao, thay cho các dự án tích hợp thiên về phần cứng. Kết quả năm 2015 cũng phản ánh định hướng này. Lĩnh vực Tích hợp hệ thống có kết quả giảm, và ngược lại lĩnh vực Giải pháp phần mềm và Dịch vụ CNTT (như phân tích dưới đây) có kết quả tăng. Cụ thể, lĩnh vực Tích hợp hệ thống ghi nhận doanh thu 2.530 tỷ đồng, giảm 6% so với năm trước và lợi nhuận trước thuế 96 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2014. Lĩnh vực Dịch vụ CNTT ghi nhận doanh thu đạt 873 tỷ đồng, tăng 12% và lợi nhuận trước thuế 90 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2014.

Những dấu ấn trong năm 2015

Đưa vào sử dụng các dự án chính quyền điện tử trên toàn quốc

Năm 2015, FPT đã hoàn thành 03 dự án quan trọng liên quan đến Chính quyền điện tử cho các tỉnh Quảng Ninh, Bình Dương và Tây Ninh. Hiện việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính tại Việt Nam còn ở mức thấp so với khu vực, khiến dư địa đầu tư cho CNTT của lĩnh vực này còn cao.

Tiếp tục hoàn thành nhiều dự án ERP lớn

Trong năm 2015, một loạt các dự án quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đã được bàn giao cho khách hàng để đưa vào sử dụng như hệ thống SAP ERP cho Tập đoàn Minh Phú; hệ thống SAP ERP và hệ thống Quản trị khách hàng SAP CRM trên nền cloud cho FECON; hệ thống SAP ERP cho Tập đoàn Vingroup; hệ thống SAP ERP cho Đạm Cà Mau. Bên cạnh việc tập trung phát triển sâu các giải pháp (mảng Giải pháp phần mềm), mảng Dịch vụ CNTT cũng sẽ là một hướng chú trọng của FPT trong thời gian tới.



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

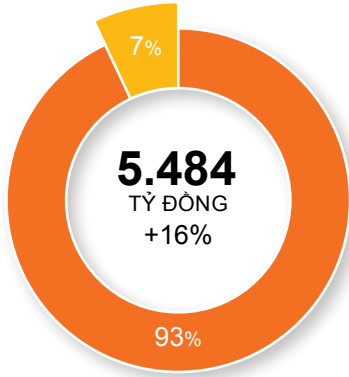
(tiếp theo)



Khối Viễn thông

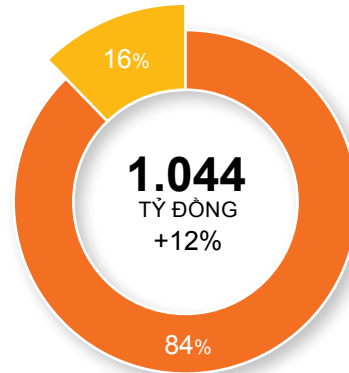
Doanh thu

Đơn vị: tỷ VNĐ



Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: tỷ VNĐ



■ Nội dung số	375	-56%
■ Dịch vụ viễn thông	5.109	+32%

■ Nội dung số	167	+63%
■ Dịch vụ viễn thông	878	+5%

Lĩnh vực Dịch vụ viễn thông

Lĩnh vực Dịch vụ viễn thông kết thúc năm 2015 với doanh thu đạt 5.109 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2014; lợi nhuận trước thuế đạt 878 tỷ đồng, tăng 5%. Kế hoạch quang hóa giai đoạn 1 được hoàn tất. Dịch vụ truyền hình trả tiền tuy chỉ mới được triển khai từ cuối năm 2014 nhưng đã ghi nhận tốc độ phát triển mạnh mẽ.

Kết quả kinh doanh

Kết thúc năm 2015, doanh thu lĩnh vực Dịch vụ viễn thông tăng trưởng 32%, đạt 107% kế hoạch. Trong đó, mảng Dịch vụ Internet băng rộng chiếm 71% và tăng trưởng 31% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, các mảng dịch vụ khác như: kênh thuê riêng, trung tâm dữ liệu, thoại và đặc biệt là truyền hình cũng có mức tăng trưởng tốt với doanh thu đạt tổng cộng 1.459 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ. Mảng Dịch vụ truyền hình cũng vượt kế hoạch phát triển thuê bao để ra và tăng trưởng mạnh mẽ.

Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) của lĩnh vực Dịch vụ viễn thông đã loại các chi phí liên quan đến dự án quang hóa đạt 1.934 tỷ đồng, tăng 35,4% so với năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 878 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2014, đạt 104% kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận thấp hơn tăng trưởng doanh thu do: (1) chi phí quang hóa tại Hà Nội, Tp.HCM và một số tỉnh thành tiếp theo; (2) số lượng thuê bao tiếp tục tăng trưởng tốt, trong đó tỷ lệ triển khai cáp quang cho các thuê bao mới tăng mạnh trong năm 2015, trong đó các chi phí liên quan phát triển khách hàng được ghi nhận phần lớn vào chi phí trong kỳ thay vì vốn hóa như đối với công nghệ cáp đồng.

Doanh thu Dịch vụ viễn thông

↑ **32%**

so với năm 2014

LNTT Dịch vụ viễn thông

↑ **5%**

so với năm 2014

Những dấu ấn trong năm 2015

Hoàn thành chuyển đổi hạ tầng quang tại Hà Nội và Tp.HCM giúp nâng cao chất lượng truyền dẫn và tốc độ đường truyền.

Tháng 07/2015, FPT trở thành doanh nghiệp nước ngoài đầu tiên được Bộ Truyền thông và CNTT Myanmar cấp giấy phép triển khai hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông tại Myanmar.

Mảng Dịch vụ truyền hình trả tiền (triển khai từ cuối năm 2014) đã hoàn thành nâng cấp phiên bản 2.3 với nhiều tính năng hiện đại, tiện lợi và hữu ích cho khách hàng như: tạo danh sách kênh cá nhân; xem nhiều kênh cùng lúc; giám sát nội dung và thời gian xem truyền hình; EPG – lịch phát sóng điện tử. Những ưu thế về công nghệ sẽ tiếp tục được phát huy triệt để, mang lại nhiều tiện ích thực sự hữu ích cho khách hàng.

Lĩnh vực Nội dung số

Tiếp tục duy trì vị thế báo điện tử tiếng Việt số 1 với 13,5 tỷ lượt xem trong năm 2015; hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015 với doanh thu 375 tỷ đồng, tăng 15,4% so với năm 2014 và 167 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 9,8% so với cùng kỳ.

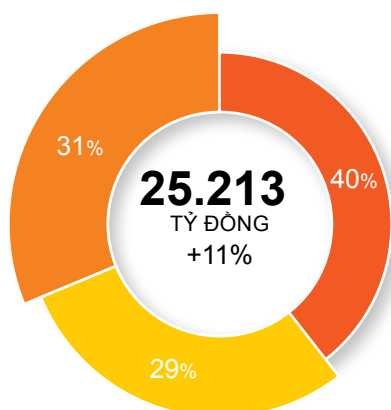
FPT ngừng kinh doanh mảng Trò chơi trực tuyến và các dịch vụ liên quan (phân phối thẻ viễn thông, cổng thanh toán,...) từ cuối năm 2014, do vậy năm 2015 doanh thu và lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực Nội dung số sẽ chỉ bao gồm mảng Quảng cáo trực tuyến.




Nếu loại doanh thu (528 tỷ đồng) và lỗ (50 tỷ đồng) của mảng Trò chơi trực tuyến và các dịch vụ liên quan trong năm 2014 thì doanh thu và lợi nhuận trước thuế lĩnh vực Nội dung số tăng trưởng tương ứng 15,4% và 9,8% trong năm 2015. Ngược lại, nếu giữ nguyên doanh thu và lỗ từ mảng Trò chơi trực tuyến và các dịch vụ liên quan trong năm 2014, doanh thu lĩnh vực Nội dung số trong năm 2015 giảm 56% và lợi nhuận trước thuế tăng 63% so với năm 2014.

Khối Phân phối và Bán lẻ sản phẩm công nghệ

Doanh thu

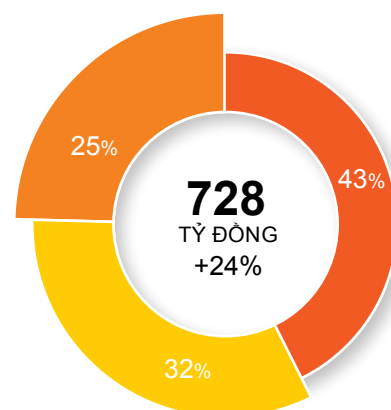
Đơn vị: tỷ VNĐ






	Bán lẻ	7.842	+50%
	Phân phối sản phẩm CNTT	7.417	+2%
	Phân phối Điện thoại di động	9.954	-3%

Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: tỷ VNĐ



	Bán lẻ	180	+335%
	Phân phối sản phẩm CNTT	237	+21%
	Phân phối Điện thoại di động	311	-11%



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

(tiếp theo)

Lĩnh vực Phân phối sản phẩm công nghệ

Doanh thu đạt 17.371 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,8% so với năm 2014, lợi nhuận trước thuế đạt 548 tỷ đồng, bằng lợi nhuận năm 2014. Tỷ suất sinh lời trên vốn (ROE) tiếp tục được duy trì ở mức cao 46%.

Kết quả kinh doanh 2015

Thị trường điện thoại di động tiếp tục chứng kiến sự hoán đổi vị trí giữa các dòng sản phẩm điện thoại thông minh và điện thoại phổ thông. Tuy vậy, việc Apple chia lại thị phần phân phối iPhone khiến doanh thu phân phối điện thoại di động không đạt như mong đợi.

Thị trường phần cứng CNTT trong năm 2015 có sự phục hồi nhẹ, trong đó đặc biệt đáng chú ý là việc tăng trưởng trở lại của các dòng sản phẩm máy tính xách tay (MTXT, tăng 8,7%) và máy tính để bàn (tăng 10,9%). Trong khi đó, các dòng máy tính bảng (vốn tăng trưởng mạnh trong các năm trước) lại có doanh thu sụt giảm trong năm 2015 (giảm 14,7%). Điều này là do trong năm 2015, thị trường máy tính xách tay xuất hiện nhiều sản phẩm máy tính xách tay cỡ nhỏ (ultra portable) cạnh tranh về kích thước màn hình nhỏ và các dòng MTXT có thể tách rời màn hình và bàn phím (cạnh tranh về màn hình) so với máy tính bảng. Bên cạnh việc "hoán đổi" vị thế giữa MTXT và máy tính bảng, một số dòng sản phẩm như máy chủ, ổ đĩa cứng (HDD) gặp sự cạnh tranh khốc liệt khiến doanh số suy giảm, khiến doanh thu phân phối các sản phẩm CNTT nói chung chỉ tăng trưởng 1,7% so với năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế năm 2015 của lĩnh vực Phân phối đạt 3,2%, tăng 0,1% so với năm 2014; tỷ suất sinh lời trên vốn (ROE) duy trì ở mức cao, đạt 46% trong năm 2015.

Những bước đi mới trong năm 2016

Trước những chuyển biến trên thị trường phân phối điện thoại di động, FPT xác định cần có những thay đổi trong định hướng phát triển nhằm duy trì tăng trưởng. Năm 2016, bên cạnh các hoạt động hiện tại, FPT **sẽ mở rộng kênh phân phối cho các đối tác thương mại điện tử**, đồng thời **đầu tư cho chuỗi bảo hành điện thoại di động chuyên nghiệp**. Đây là những phân khúc thị trường chưa được khai thác, hứa hẹn nhiều tiềm năng. Theo Báo cáo Thương mại điện tử 2014 (Cục Thương mại Điện tử và CNTT - Bộ Công thương), tỷ trọng bán hàng qua kênh trực tuyến tại Việt Nam chỉ chiếm 2,12% tổng mức bán lẻ hàng hóa cả nước. Trong khi đó, tại một số thị trường phát triển như Mỹ, Hàn Quốc, Úc tỷ lệ này tương ứng là 6,1%; 12,8%; 6,6%.

Ở khía cạnh khác, thị trường điện thoại thông minh tại Việt Nam đã tăng trưởng khá mạnh trong một thời gian, khiến nhu cầu bảo hành điện thoại hết thời hạn bảo hành chính hãng, hay việc xử lý các vấn đề khác liên quan đến bảo hành thông qua việc mua bảo hiểm cho sản phẩm là những nhu cầu khá lớn. Đây sẽ là những cơ hội lớn đối với lĩnh vực Phân phối của FPT trong năm 2016.

Doanh thu lĩnh vực Phân phối

17.371

tỷ VNĐ

Lợi nhuận trước thuế lĩnh vực Phân phối

548

tỷ VNĐ

ROE lĩnh vực Phân phối

46%

Lĩnh vực Bán lẻ sản phẩm công nghệ

Lĩnh vực Bán lẻ có một năm thành công với việc vượt xa kế hoạch mở cửa hàng so với dự kiến đầu năm, vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, trong đó lợi nhuận trước thuế tăng hơn 4 lần so với 2014.

Những kết quả đạt được trong năm 2015

Kết thúc năm 2015, lĩnh vực Bán lẻ của FPT mở thêm 89 cửa hàng (đạt gần gấp đôi so với kế hoạch ban đầu), nâng tổng số cửa hàng lên 252 cửa hàng phủ khắp 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Lĩnh vực Bán lẻ ghi nhận doanh thu năm 2015 đạt 7.842 tỷ đồng, tăng trưởng 50% so với 2014 và lợi nhuận trước thuế 180 tỷ đồng, tăng 335% so với năm 2014. Doanh thu từ bán hàng qua kênh thương mại điện tử cũng tăng trưởng ấn tượng với mức tăng 75,8%, chiếm 7,4% tổng doanh thu lĩnh vực Bán lẻ.

Bên cạnh việc tiếp tục mở rộng mạnh mẽ về quy mô, lĩnh vực Bán lẻ không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng thông qua các chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mại, trải nghiệm công nghệ mới tại hệ thống các cửa hàng với nhiều hình thức độc đáo như: thanh toán hóa đơn điện nước cho khách hàng, hoàn tiền xăng, tương tác với máy tính thông qua các cử chỉ và cảm xúc khuôn mặt,...

Như vậy, sau 04 năm thay đổi chiến lược và mở rộng, tới nay FPT đã sở hữu chuỗi bán lẻ các sản phẩm CNTT và điện thoại di động lớn thứ 2 trên thị trường, có một vị trí nhất định trong tâm trí người tiêu dùng.



Khối Giáo dục và Khác

Lĩnh vực Giáo dục

Đi đầu trong đào tạo nhân lực chất lượng cao và đổi mới phương thức đào tạo

Tính tới cuối năm 2015, lĩnh vực Giáo dục của FPT có 17.900 sinh viên, trong đó số lượng sinh viên tuyển mới năm 2015 đạt 7.853 sinh viên, tăng 15,4% so với năm 2014, trong đó hệ Đại học có mức tăng trưởng tốt với mức tăng 32,6% về số lượng sinh viên mới nhập học, so với năm 2014.

Lĩnh vực Giáo dục cũng không ngừng thay đổi để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo. Trong đợt tái kiểm định của tổ chức QS Stars, Đại học FPT đã trở thành trường đại học Việt Nam duy nhất đạt 5 sao – mức cao nhất – cho 04 hạng mục Chất lượng đào tạo, Việc làm, Cơ sở vật chất và Trách nhiệm xã hội. Đại học FPT tiếp tục khẳng định định hướng chất lượng đào tạo gắn liền với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường nhân lực chất lượng cao.

Nhằm tiếp tục mở rộng về quy mô và hình thức đào tạo, lĩnh vực Giáo dục đã khai trương FUNiX – Đại học trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam, mở thêm 04 chuyên ngành tại hệ Cao đẳng FPT Polytechnic thuộc các khối ngành Du lịch – Khách sạn – Nhà hàng và lên kế hoạch mở thêm phân hiệu tại các thành phố khác trên cả nước trong năm 2016.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá kết quả kinh doanh

Năm 2015, FPT đã hoàn thành cam kết về doanh thu và lợi nhuận theo đúng kế hoạch được ĐHCĐ thông qua. Cụ thể, doanh thu kinh doanh hợp nhất năm 2015 đạt 40.003 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 2.851 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch.

Đây là nỗ lực rất lớn của tất cả các đơn vị thành viên trong bối cảnh tình hình kinh doanh năm 2015 có rất nhiều diễn biến bất lợi như: lĩnh vực Phân phối bị tác động do việc thay đổi chính sách phân phối của đối tác; lĩnh vực Dịch vụ viễn thông chịu nhiều sức ép cạnh tranh hay thị trường công nghệ thông tin trong nước chưa hồi phục như dự kiến.

Định hướng Toàn cầu hóa tiếp tục có những tín hiệu tích cực với doanh thu tăng trưởng 40,9% trong năm 2015. Định hướng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại các thị trường đang phát triển đạt những cột mốc ấn tượng như: ký kết hợp đồng triển khai hệ thống thuế VAT cho Chính phủ Bangladesh trị giá 33,6 triệu USD, lấy được giấy phép viễn thông tại Myanmar, đưa vào vận hành Dự án ERP cho Tập đoàn sơn hàng đầu Myanmar - United Paints Group (UPG), ...

Doanh thu kinh doanh hợp nhất

40.003
tỷ VNĐ

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

2.851
tỷ VNĐ



Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra

Hướng tới Tập đoàn toàn cầu

Trong năm 2015, định hướng toàn cầu hóa của FPT tiếp tục duy trì kết quả khả quan, hầu hết các chỉ tiêu chính của chiến lược 2015 - 2017 đều đạt được những bước tiến vững chắc, làm tiền đề cho những năm tiếp theo. Cụ thể là:

- **Doanh thu toàn cầu hóa** tăng trưởng 40,9% so với năm 2014.
- **Tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ tại thị trường các nước đang phát triển**, trong đó, tại hai thị trường nổi bật là Myanmar và Bangladesh, FPT đã mở được những hướng đi mới tạo đà phát triển trong những năm tiếp theo trong lĩnh vực Dịch vụ viễn thông và mảng Giải pháp CNTT.
- **Đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái công nghệ của một số tập đoàn công nghệ lớn** như Amazon Web Services (AWS), Microsoft..., sánh ngang cùng các tên tuổi lớn đến từ Nhật Bản, Ấn Độ như Hitachi, Fujitsu, NEC, Accenture, Tata, Cognizant.
- **Số nhân viên người nước ngoài** là 1.135 người, chiếm 4,2% tổng số CBNV của toàn Tập đoàn.
- **Chương trình “10.000 Kỹ sư Cầu nối”**: trong năm 2015, đã có gần 1.000 học viên của chương trình được đào tạo tại Nhật Bản và Việt Nam.

Doanh thu toàn cầu hóa

↑40,9%
so với năm 2014

CBNV nước ngoài

4,2%
tổng số CBNV toàn Tập đoàn

Trở thành công ty số 1 về S.M.A.C

Với mong muốn đi tiên phong trong cuộc cách mạng SMART thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ S.M.A.C vào các hoạt động quản trị, kinh doanh, FPT đã chú trọng đầu tư và ứng dụng công nghệ mới vào những giải pháp/dịch vụ cung cấp cho khách hàng cũng như trong việc vận hành hoạt động kinh doanh, góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng doanh thu.

- **Tăng cường ứng dụng công nghệ S.M.A.C vào hoạt động kinh doanh của Tập đoàn** nhằm giảm chi phí, tăng doanh thu, như công tác tuyển sinh của Đại học FPT; bán hàng của FPT Retail; cung cấp dịch vụ Internet của FPT Telecom; vận hành hoạt động cung cấp dịch vụ, giải pháp của FPT Software, ...
- **Liên tiếp có những hợp đồng cung cấp dịch vụ theo xu hướng công nghệ S.M.A.C** với các tập đoàn lớn trong lĩnh vực hàng không, truyền hình, năng lượng, công nghiệp ô tô,... tại thị trường các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ và Nhật Bản.
- **Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ cung cấp các dịch vụ/ giải pháp trên nền công nghệ S.M.A.C (SMART)** cho khách hàng trên phạm vi toàn cầu năm 2015 đạt 74%.



FPT đã chú trọng đầu tư và ứng dụng công nghệ mới vào những giải pháp/dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Mở rộng quy mô các hợp đồng

Năm 2015, FPT đã nỗ lực và giành được nhiều hợp đồng cung cấp giải pháp, dịch vụ trọn gói với quy mô lớn và dài hạn.

- **Thắng thầu hợp đồng kỷ lục 33,6 triệu USD** cung cấp Hệ thống Ứng dụng Quản lý Thuế VAT tại Bangladesh. Đây là hợp đồng theo dạng "chìa khóa trao tay" lớn nhất Bangladesh.
- **Triển khai hợp đồng trị giá 25 triệu USD** với khách hàng hàng đầu thế giới trong lĩnh vực truyền hình vệ tinh.
- **Có thêm 01 khách hàng (trong lĩnh vực logistic) ủy thác dịch vụ CNTT với doanh thu 4 triệu USD.**

Hợp đồng với khách hàng trong lĩnh vực truyền hình vệ tinh

25

triệu USD



Về định hướng phát triển bền vững

Cùng với việc đạt được các mục tiêu tăng trưởng về kinh doanh, FPT đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của kinh tế, xã hội, môi trường. Năm 2015, FPT đã đóng góp 6.000 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước và tạo ra gần 5.000 việc làm mới, đồng thời tích cực triển khai nhiều hoạt động trách nhiệm xã hội, tuyên truyền bảo vệ môi trường.

Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước

6.000

tỷ VNĐ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Những thay đổi về tổ chức và nhân sự trong năm

Đạt được những thành công bước đầu trong việc tái cấu trúc FPT IS và FPT Education

Năm 2015 HĐQT tiếp tục phối hợp với Ban Điều hành theo dõi sát sao hoạt động của FPT IS và FPT Education sau khi tái cấu trúc thông qua việc dành nhiều thời gian chia sẻ kinh nghiệm, tri thức và trực tiếp cùng lãnh đạo của các đơn vị thành viên này tham gia các dự án trọng điểm, chương trình lớn trong năm.

Hoạt động tái cấu trúc đã thực sự mang lại hiệu quả trong kết quả sản xuất kinh doanh của 02 đơn vị thành viên này.

- FPT IS sau tái cấu trúc đã tăng trưởng nhẹ về doanh thu sau một thời gian không tăng trưởng; giành được nhiều hợp đồng kỷ lục tại nước ngoài và nhiều dự án quan trọng với khách hàng khối Chính phủ và các doanh nghiệp Nhà nước theo mô hình “thuê ngoài dịch vụ CNTT”.
- FPT Education, sau tái cấu trúc, khối đại học đã có sự tăng trưởng vượt bậc về chỉ tiêu tuyển sinh với con số tăng 32,6% so với năm 2014; tiếp tục tăng điểm theo đánh giá theo chuẩn QS với 04 tiêu chí đạt được xếp hạng cao nhất, 5 sao (QS là một trong các chuẩn xếp hạng uy tín dành cho trường đại học trên toàn thế giới).

Phê duyệt mô hình tổ chức mới của FPT Software

HĐQT đã phê duyệt mô hình tổ chức mới của FPT Software, nhằm thúc đẩy quá trình hướng tới mục tiêu 1 tỷ USD và 30.000 người vào năm 2020.

Bổ nhiệm một số vị trí lãnh đạo cấp cao để nâng cao năng lực cạnh tranh và trẻ hóa đội ngũ

- Tháng 04/2015: Bổ nhiệm Giám đốc M&A, ông Uwe Schlager nhằm đẩy mạnh hoạt động M&A của Công ty, một trong những hướng quan trọng trong chiến lược Toàn cầu hóa, nhằm nhanh chóng đưa FPT phát triển lên tầm cao mới.
- Tháng 04/2015: Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành, ông Hoàng Việt Hà nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong Công ty.
- Tháng 11/2015: Bổ nhiệm Giám đốc Công nghệ, ông Lê Hồng Việt nhằm tiếp tục thúc đẩy việc phát triển công nghệ trong Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2015, HĐQT đã giám sát chặt chẽ TGD và Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.



Phương pháp giám sát

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà TGD và Ban Điều hành đã cam kết.
- Yêu cầu TGD và Ban Điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Ngoài ra, tại các cuộc họp của Ban Điều hành, Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT vẫn sắp xếp tham gia và chỉ đạo việc thực hiện các công việc liên quan.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp TGD và Ban Điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.



Đánh giá chung

- HĐQT đánh giá rất cao nỗ lực và tính kỷ luật của TGD và Ban Điều hành FPT các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu của Công ty năm 2015. Vì vậy, trong bối cảnh kinh doanh còn nhiều khó khăn, FPT đã hoàn thành kế hoạch như cam kết và quay lại quỹ đạo tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số.
- Ban Điều hành đã đề xuất những thay đổi hợp lý, đảm bảo sự tăng trưởng của Tập đoàn như: tái cấu trúc một số đơn vị thành viên, bổ sung nguồn lực nhân sự cấp cao tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- Ban Điều hành đã thực sự đưa Thẻ điểm cân bằng (BSC) trở thành công cụ hữu hiệu để kiểm soát hiệu quả quản trị công ty và các chỉ tiêu quan trọng của Tập đoàn. Ngoài ra, nhờ việc tin học hóa công cụ quản trị này, Ban Điều hành luôn bám sát được việc thực hiện các chỉ tiêu quan trọng trong toàn Tập đoàn và kịp thời nhắc nhở, có biện pháp khi các chỉ tiêu không đạt kế hoạch theo định kỳ.
- Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2016 được dự báo là còn nhiều khó khăn về tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước. Tuy nhiên, vẫn có nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng trưởng tốt, đặc biệt là triển vọng ngành CNTT đối với các doanh nghiệp như FPT vẫn rộng mở. Do đó, HĐQT đưa ra định hướng phát triển cho năm 2016 như sau:



Về hoạt động tổ chức nhân sự

- Giám sát việc triển khai mô hình tổ chức mới tại FPT Software.
- Đôn đốc triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kế thừa ở cấp lãnh đạo điều hành doanh nghiệp.



Về quản trị công ty

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp.
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT độc lập.
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.



Về phát triển bền vững

- Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông, và đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh để tăng trưởng bền vững, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển đất nước.



TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH

Trên cơ sở phân tích, dự báo thị trường, đồng thời với mục tiêu giữ vững và phát huy những thành tựu đã đạt được trong năm 2015, HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh như sau:

Đơn vị: tỷ VNĐ	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế		
	2015	2016	Thay đổi	2015	2016	Thay đổi
Khối Công nghệ	8.605	9.990	16,1%	927	1.210	30,5%
Khối Viễn thông	5.484	6.550	19,4%	1.044	1.042	-0,2%
Khối Phân phối & Bán lẻ	25.213	28.586	13,4%	728	826	13,4%
Khối Giáo dục & Khác	702	670	-4,6%	151	73	-51,7%
Tổng cộng	40.003	45.796	14,5%	2.851	3.151	10,5%



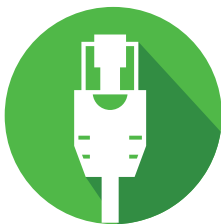
Mảng Xuất khẩu Phần mềm kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng doanh thu ở mức cao **28%** so với năm 2015



Khối Công nghệ - Thay đổi để tăng trưởng

Mảng Xuất khẩu Phần mềm đặt mục tiêu thách thức: nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tỷ suất lợi nhuận song song với việc duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức cao, 28% so với năm 2015. Điều này thể hiện rõ ở kế hoạch chung của khối Công nghệ với lợi nhuận trước thuế được đặt mục tiêu tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng doanh thu của Khối.

Mảng Giải pháp phần mềm, việc đẩy nhanh tiến độ, đưa các dự án “về đích” đúng hoặc sớm hơn dự kiến sẽ là yếu tố cốt lõi giúp tạo dựng niềm tin với khách hàng, làm tiền đề mở rộng hoạt động kinh doanh tại thị trường các nước đang phát triển.

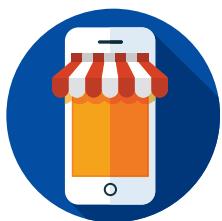


FPT tiếp tục thực hiện dự án quang hóa tại các thành phố lớn tiếp theo nhằm mang tới cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất



Khối Viễn thông – Đầu tư cho tăng trưởng

Lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông, sau khi đã hoàn thành kế hoạch quang hóa tại Hà Nội và Tp.HCM sẽ tiếp tục thực hiện dự án quang hóa tại các thành phố lớn tiếp theo nhằm mang tới cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất, đồng thời tạo tiền đề cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền tại các tỉnh/thành này. Trong lĩnh vực Nội dung số, báo điện tử VnExpress không những sẽ tiếp tục phục vụ tốt hơn nữa các độc giả trung thành thông qua việc phát triển phiên bản di động, mà sẽ tiếp tục cho ra mắt các trang tin mới, cũng như tích hợp thêm các tính năng hữu dụng, nâng cao trải nghiệm của độc giả.



FPT tiếp tục nhân rộng quy mô chuỗi bán lẻ trên toàn quốc



Khối Phân phối và Bán lẻ - Đổi mới để tăng trưởng

Lĩnh vực Phân phối phần đầu tiếp tục tăng trưởng sau những khó khăn phải đối mặt trong nửa cuối năm 2015. Nhằm tận dụng lợi thế danh mục sản phẩm phân phối đa dạng và uy tín, đơn vị sẽ mở rộng phân phối cho các kênh bán hàng trực tuyến, đồng thời cho ra mắt chuỗi cửa hàng bảo hành điện thoại uy tín trên cả nước.

Lĩnh vực Bán lẻ, nhân đà tăng trưởng mạnh trong năm 2015, sẽ tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng cao trong năm 2016, tiếp tục nhân rộng quy mô chuỗi bán lẻ trên toàn quốc.



Lĩnh vực Giáo dục tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh, đặt mục tiêu tiếp tục tăng số lượng sinh viên mới nhập học



Lĩnh vực Giáo dục – Tiếp tục thay đổi công tác tuyển sinh, đầu tư xây dựng trường

Năm 2015, nhờ áp dụng nhiều thay đổi trong công tác tuyển sinh, số lượng sinh viên nhập học đã tăng trưởng tương đối tốt với năm trước. Trên cơ sở đó, năm 2016, lĩnh vực Giáo dục tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh, đặt mục tiêu tiếp tục tăng số lượng sinh viên mới nhập học. Đồng thời, đại học FPT và các đơn vị liên quan sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng trường tại Tp.HCM và Đà Nẵng (dự án vẫn đang được thực hiện từ năm 2015) và đặt kế hoạch mở thêm các cơ sở đào tạo mới tại các thành phố trên cả nước, bên cạnh Hà Nội, Đà Nẵng và Tp.HCM.

CÁC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

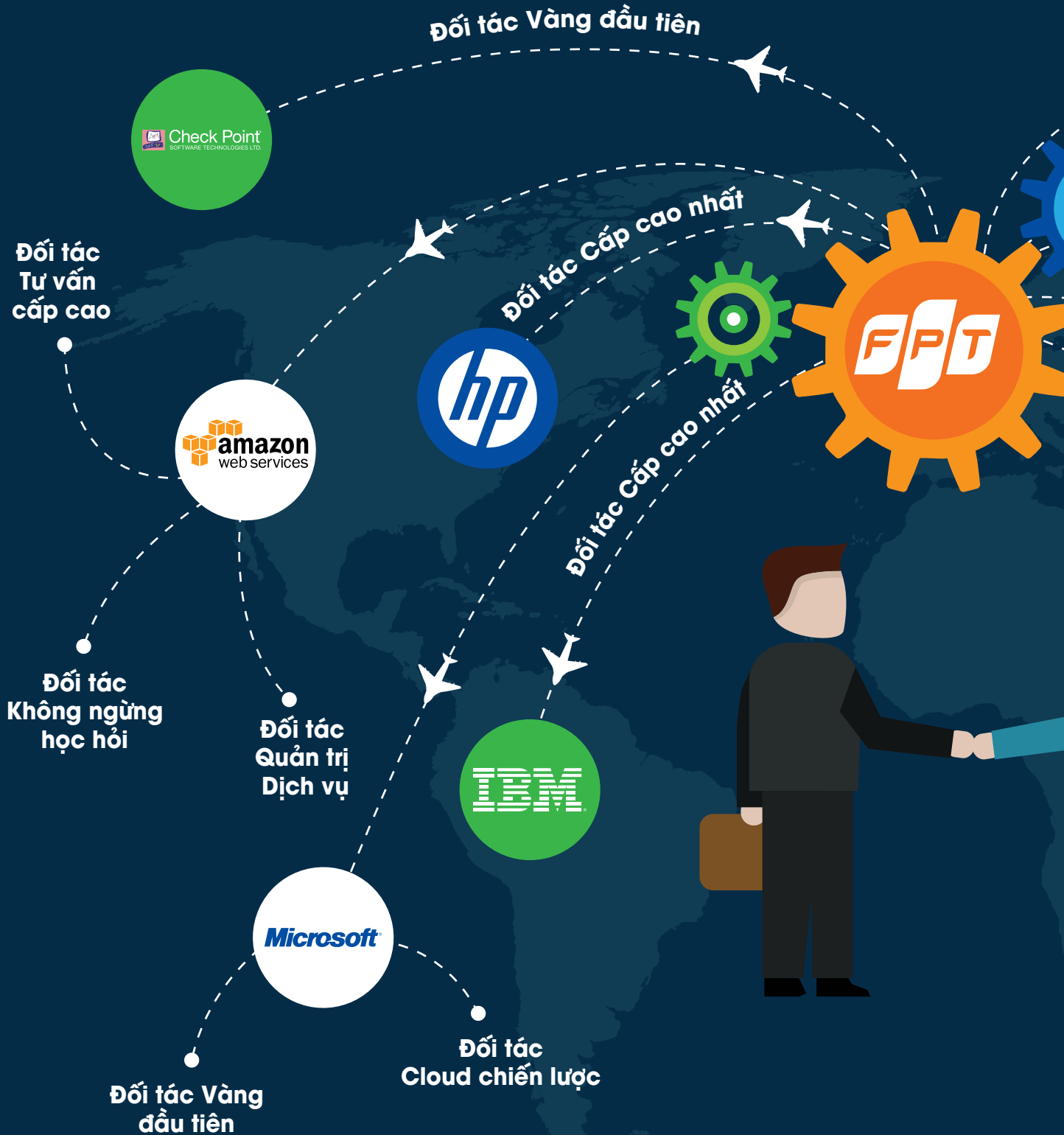
Các lĩnh vực dự kiến có mức đầu tư cao nhất vẫn tiếp tục là Dịch vụ viễn thông, Xuất khẩu Phần mềm và Giáo dục. Trong lĩnh vực Dịch vụ viễn thông, FPT dự kiến tăng cường đầu tư cho hạ tầng viễn thông và đẩy mạnh phát triển dịch vụ truyền hình trả tiền. Các mảng Xuất khẩu Phần mềm và lĩnh vực Giáo dục, do đặc thù sử dụng nhiều nhân lực và có lượng sinh viên lớn, các dự án đầu tư tập trung vào việc xây dựng các làng phần mềm và khu học xá tại các thành phố khác.

Kế hoạch đầu tư năm 2016 dự kiến như sau:

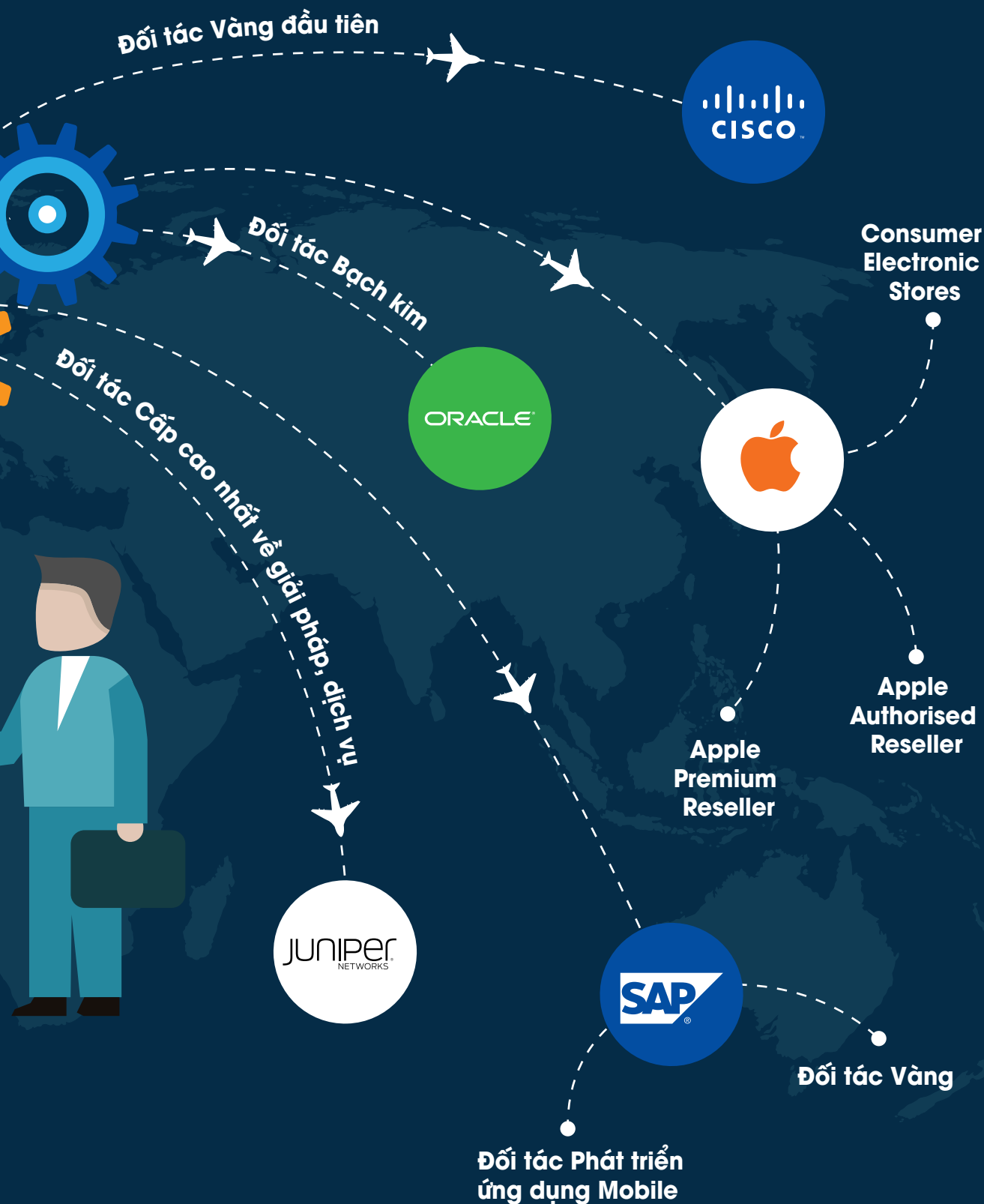
Đơn vị: tỷ VNĐ	Năm 2016
Khối Công nghệ	945
Khối Viễn thông	1.802
Khối Phân phối & Bán lẻ	127
Khối Giáo dục & Khác	45
Tổng đầu tư cho các lĩnh vực hoạt động hiện tại	2.919

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu: Việc trở thành đối tác của các hãng công nghệ lớn có vai trò dẫn dắt cuộc chơi đã tạo cơ hội để FPT nâng cao năng lực công nghệ và tiếp cận nhanh nhất những xu hướng công nghệ mới trên thị trường toàn cầu.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty bao gồm các chủ thể:

Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng cùng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty. BĐH bao gồm: TGD, các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc chức năng. TGD và BĐH chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở tuân thủ quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

Ban Kiểm soát

BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (Ủy ban NS<)

Ủy ban NS< là một tiểu ban thuộc HĐQT có chức năng chỉ đạo xây dựng khung chính sách và quy trình nhân sự cho Tập đoàn và toàn bộ các CTTV. Đồng thời hỗ trợ HĐQT trong việc lựa chọn, đề xuất, bổ nhiệm, bãi nhiệm, đãi ngộ và đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên BĐH, người đại diện và các chức danh quản lý cao cấp khác của Tập đoàn và các CTTV.

Ủy ban Chính sách phát triển (Ủy ban CSPT)

Ủy ban chính sách phát triển là một tiểu ban thuộc HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất định hướng phát triển lên HĐQT, xây dựng chiến lược đề trình HĐQT, chỉ đạo và giám sát các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của Tập đoàn và các CTTV.

Hội đồng Tư vấn

Hội đồng Tư vấn là bộ phận trực thuộc HĐQT Công ty, có nhiệm vụ tư vấn, kiến nghị cho Chủ tịch HĐQT, HĐQT về các vấn đề liên quan tới chiến lược phát triển dài hạn, bền vững và các vấn đề trọng yếu cho Tập đoàn; trợ giúp cho Tập đoàn và các CTTV thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ chiến lược với các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các cơ quan chính quyền nước ngoài, các đối tác trong và ngoài nước; tư vấn và trợ giúp Tập đoàn và các CTTV trong việc gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa, tinh thần đoàn kết của toàn Tập đoàn.

Văn phòng Chủ tịch HĐQT

Văn phòng Chủ tịch HĐQT đóng vai trò là Thư ký Tập đoàn và là cơ quan hỗ trợ trực thuộc HĐQT, có trách nhiệm trợ giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các công ty khác
1	Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	7,13%	<ul style="list-style-type: none"> Ủy viên HĐQT Công ty FPT Telecom. Ủy viên HĐQT Công ty FPT Education.
2	Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	3,72%	<ul style="list-style-type: none"> Ủy viên HĐQT Công ty FPT Telecom. Ủy viên HĐQT Công ty FPT Education.
3	Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	1,18%	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng.
4	Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0,00%	<ul style="list-style-type: none"> Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Ủy viên HĐQT Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh. Ủy viên HĐQT Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
5	Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT (Ủy viên không điều hành)	0,00%	<ul style="list-style-type: none"> Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Everpia. Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
6	Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)	0,00%	<ul style="list-style-type: none"> Ủy viên HĐQT IHI Corporation. Ủy viên HĐQT JR East Railway Company. Ủy viên HĐQT Kuraray Co.,Ltd.
7	Ông Dan E Khoo	Ủy viên HĐQT (Ủy viên độc lập)	0,00%	<ul style="list-style-type: none"> Không có

(Thời điểm chốt số lượng cổ phiếu 24/02/2016)

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Số lượng các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
3	Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	6/6	100%
4	Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT	6/6	100%
5	Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT	6/6	100%
6	Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên HĐQT	6/6	100%
7	Ông Dan E Khoo	Ủy viên HĐQT	6/6	100%



Nội dung và kết quả các cuộc họp

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
Phiên 1 Ngày 28/01/2015	HĐQT: 7/7 thành viên Quan sát viên: ✓ Ban Kiểm soát: 1/3 ✓ Ban Điều hành: 4/4	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kết quả kinh doanh 2014;• Báo cáo kế hoạch 2015 và kế hoạch kinh doanh 2015 – 2017;• Báo cáo định hướng tăng trưởng năm 2016 – 2017;• Báo cáo chiến lược 2015 – 2017;• Báo cáo phương án phát hành cổ phần cho CBNV có thành tích đóng góp trong năm 2014;• Đề xuất ngày chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ 2015.
Phiên 2 Ngày 19/03/2015	HĐQT: 7/7 thành viên Quan sát viên: ✓ Ban Kiểm soát: 1/3 ✓ Ban Điều hành: 2/4	<ul style="list-style-type: none">• Đề xuất nội dung và chương trình ĐHĐCĐ 2015;• Báo cáo HĐQT và Ngân sách thu nhập của HĐQT năm 2015;• Báo cáo tài chính kiểm toán 2014;• Báo cáo phương án sử dụng lợi nhuận 2014 và chính sách chi trả cổ tức 2015.
Phiên 3 Từ ngày 26/03 – 06/04/2015	Xin ý kiến bằng văn bản	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo Quy chế về Chương trình Phát hành cổ phiếu cho CBNV có thành tích đóng góp trong năm 2014;• Báo cáo đề xuất miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của bà Chu Thị Thanh Hà.
Phiên 4 Từ ngày 22/04 – 27/04/2015	Xin ý kiến bằng văn bản	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo phương án chi trả cổ tức còn lại năm 2014 bằng tiền mặt và cổ phiếu.
Phiên 5 Ngày 30/07/2015	HĐQT: 7/7 thành viên Quan sát viên: ✓ Ban Kiểm soát: 3/3 ✓ Ban Điều hành: 3/4	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch 6 tháng cuối năm;• Báo cáo đề xuất tăng vốn cho các CTTV: FPT Software, FPT Trading, FPT Investment;• Báo cáo phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt;• Báo cáo tiến độ thực hiện các Nghị quyết HĐQT 6 tháng đầu năm;• Trình bày về M&A.
Phiên 6 Ngày 13/11/2015	HĐQT: 7/7 thành viên Quan sát viên: ✓ Ban Kiểm soát: 2/3 ✓ Ban Điều hành: 1/4	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo tình hình kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch hoàn thành mục tiêu năm 2015;• Báo cáo tiến độ thực hiện các Nghị quyết HĐQT 9 tháng đầu năm 2015 và các hoạt động khác.



Các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành trong năm 2015

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01.01-2015/ NQ-HĐQT-FPT	29/01/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Phê duyệt kết quả kinh doanh năm 2014; • Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2015; • Thông qua định hướng tăng trưởng 2016-2017; • Phê duyệt chiến lược 2015-2017; • Thông qua ngày chốt danh sách ĐHĐCĐ và ngày họp ĐHĐCĐ thường niên; • Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014 về phát hành cổ phần cho CBNV, phê duyệt Chương trình Phát hành cổ phiếu cho CBNV có thành tích đóng góp trong năm 2014.
2	01.03-2015/ NQ-HĐQT-FPT	19/03/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2015, trình ĐHĐCĐ phê duyệt; • Thông qua Báo cáo HĐQT, ngân sách thu nhập của HĐQT 2015, trình ĐHĐCĐ phê duyệt; • Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2014, trình ĐHĐCĐ phê duyệt; • Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2014, phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2015, trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
3	03.04-2015/ NQ-HĐQT-FPT	31/03/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Phê duyệt Quy chế về Chương trình Phát hành cổ phiếu cho CBNV có thành tích đóng góp trong năm 2014.
4	04.04-2015/ NQ-HĐQT-FPT	06/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua đề xuất miễn nhiệm bà Chu Thị Thanh Hà thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc.
5	05.04-2015/ NQ-HĐQT-FPT	27/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua phương án chi trả cổ tức còn lại năm 2014 bằng tiền mặt; • Thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại cho cổ đông hiện hữu.
6	01.07-2015/ NQ-HĐQT-FPT	30/07/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua phương án tăng vốn điều lệ cho các CTTV: FPT Software, FPT Trading, FPT Investment; • Thông qua Phương án tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2015 bằng tiền mặt.



Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

Ông Jean-Charles Belliol: hoạt động tích cực thông qua việc tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Tập đoàn như giao ban hàng tuần, hội nghị chiến lược,... Ông thường xuyên đưa ra các ý kiến độc lập đóng góp về chiến lược và hoạt động của các CTTV và Tập đoàn nói chung. Đặc biệt, ông Jean-Charles Belliol theo dõi rất sát sao việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong năm của Tập đoàn.

Ông Tomokazu Hamaguchi: đã có các chuyến thăm và làm việc với các CTTV như FPT Telecom, FPT IS, FPT Software để tìm hiểu hoạt động và đưa ra những ý kiến tư vấn. Là người có nhiều kinh nghiệm trong việc đưa công ty NTT Data của Nhật Bản toàn cầu hóa, ông cũng đưa ra những khuyến nghị giá trị cho Ban Lãnh đạo FPT trong các hoạt động toàn cầu hóa. Đặc biệt, ông thường xuyên tham vấn và đóng góp ý kiến về M&A, một hướng đi quan trọng của FPT để đẩy nhanh tốc độ phát triển trong thời gian tới.

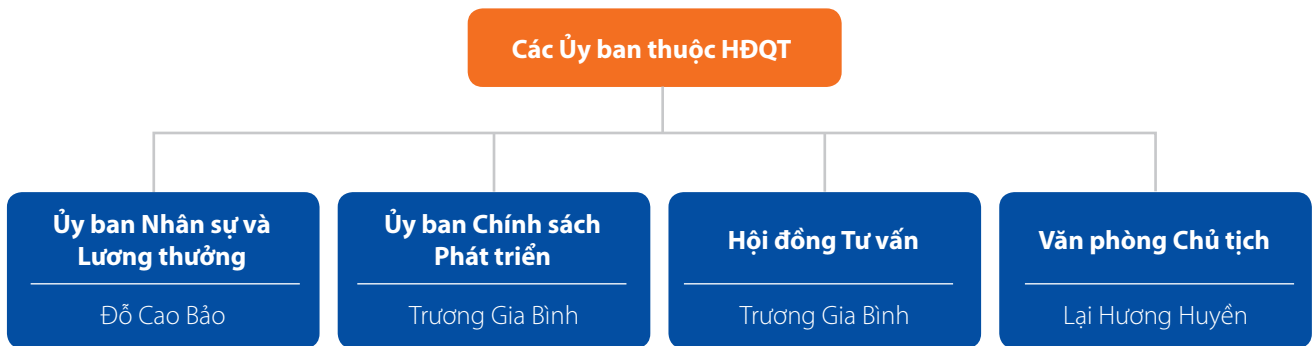
Ông Dan E Khoo: thường xuyên có những tư vấn về các xu hướng dịch chuyển công nghệ thế giới nhằm giúp FPT xác định đúng định hướng chiến lược và phát triển các dịch vụ CNTT phù hợp. Ngoài ra, với kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý nhiều năm tại thị trường quốc tế, ông Dan E Khoo còn có những đóng góp giá trị trong mảng M&A của Tập đoàn.



Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Ông Lê Song Lai



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT



Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng

Triển khai chương trình quy hoạch và phát triển đội ngũ lãnh đạo

Tiến hành quy hoạch, đánh giá, luân chuyển, đào tạo 16 cán bộ lãnh đạo cấp FPT (cấp 6 trở lên) và bổ nhiệm các Giám đốc Điều hành (COO) tại các CTTV.

Tiếp tục chỉ đạo các CTTV thực hiện công tác: phân cấp và phạm vi quy hoạch đội ngũ lãnh đạo tại các đơn vị; lập danh sách quy hoạch, tổ chức đánh giá, lựa chọn, đào tạo phát triển đội ngũ.

Hoàn thành việc đánh giá lãnh đạo/quản lý của CTTV theo 13 tiêu chí tại FPT IS và FPT Education.

Tổ chức triển khai việc Tái cấu trúc và Nâng cao Năng lực cạnh tranh theo định hướng của HĐQT

Tái cấu trúc công ty FPT IS theo hướng: xây dựng mô hình tổ chức mới cạnh tranh, phù hợp với chiến lược của Tập đoàn; tổ chức lại các CTTV trực thuộc FPT IS theo các ngành (business domain) chuyên sâu.

Tái cấu trúc công ty FPT Software theo hướng: xây dựng lại toàn bộ mô hình tổ chức mới cạnh tranh, phù hợp với chiến lược S.M.A.C và Toàn cầu hóa của Tập đoàn; tổ chức lại các CTTV trực thuộc FPT Software tại nước ngoài (Nhật, Mỹ, châu Á Thái Bình Dương, châu Âu) và các đơn vị sản xuất chiến lược theo các ngành chuyên sâu, các khách hàng chiến lược.

Tiếp tục công tác chỉ đạo hoàn thiện các vấn đề/giải pháp được đưa ra sau chương trình Nâng cao Năng lực cạnh tranh cho 07 CTTV trực thuộc FPT và cùng lãnh đạo CTTV triển khai các vấn đề/giải pháp này thành các chương trình hành động/dự án cụ thể nhằm cải tổ bộ máy của các CTTV, trên cơ sở đó đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của FPT.

Ban hành các chính sách liên quan đến nhân sự của Tập đoàn

Nghiên cứu đổi mới để ban hành và triển khai Chính sách Đãi ngộ FPT trên toàn hệ thống trong năm 2015.

Ban hành hiệu chỉnh, sửa đổi một số chính sách/quy chế: Quy chế Bổ nhiệm miễn nhiệm, Quy định Công tác phí trong nước, Quy định Công tác phí đi nước ngoài, Quy chế hoạt động của 02 công ty toàn cầu hóa (FPT Myanmar, FPT Asia Pacific), Hệ thống Thang bảng lương cơ bản.

Chỉ đạo kiểm soát việc xây dựng và ban hành, áp dụng các quy chế, chính sách liên quan đến nhân sự tại CTTV nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Tập đoàn.

Xây dựng chiến lược nhân sự

Chỉ đạo xây dựng chiến lược nhân sự toàn Tập đoàn theo mô hình BSC xuống đến từng CTTV với các kế hoạch hoạt động chi tiết và các chỉ số đánh giá cho từng giai đoạn của mỗi đơn vị.

Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch hành động dự kiến năm 2016 theo chiến lược nhân sự.

Chỉ đạo xây dựng bản mô tả công việc (dự án MyFPT) triển khai ở các CTTV và các vị trí công việc Toàn cầu hóa.

Chỉ đạo xây dựng và triển khai Dự án Xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán

Xác định danh sách cán bộ cốt cán của Tập đoàn và CTTV; chỉ đạo việc triển khai đào tạo và chăm sóc dành cho cán bộ cốt cán.

Quản lý, theo dõi và chăm sóc cho cán bộ cốt cán thông qua các chương trình đào tạo và phát triển chuyên môn/quản lý cho từng nhóm chung hoặc riêng biệt, xây dựng chính sách đối với đội ngũ cán bộ cốt cán.

Chỉ đạo xây dựng và triển khai Dự án Nâng cấp toàn bộ nguồn nhân lực FPT phù hợp với chuẩn mực công ty toàn cầu

Chỉ đạo việc xây dựng đầy đủ chuẩn JD (Job Description) cho các vị trí Toàn cầu hóa và các chuẩn mực làm việc trong môi trường toàn cầu; xây dựng kho nguồn lực cho Toàn cầu hóa từ các nguồn trong và ngoài nước; xây dựng thương hiệu FPT trong tuyển dụng.

Chỉ đạo việc xây dựng và theo dõi triển khai các kế hoạch và chương trình đào tạo, huấn luyện cho CBNV về ngoại ngữ, kỹ năng, chuyên môn phù hợp yêu cầu Toàn cầu hóa (đã triển khai tích cực tại FPT Software và FPT IS); chỉ đạo thực hiện việc tuyển truyền, hướng dẫn cho CBNV đi làm việc tại nước ngoài như: Global Talk, phát hành bộ sổ tay toàn cầu hóa online với thông tin cần thiết của 09 quốc gia có CBNV FPT đang làm việc.

Phối hợp với Trường Đào tạo Cán bộ FPT trong việc triển khai đào tạo sâu rộng đến mọi CBNV trong toàn FPT; đảm bảo chỉ số giờ học và giờ dạy của mỗi cá nhân trong hệ thống; đặc biệt là đưa việc đào tạo online trên các trang đào tạo MOOC của thế giới vào sử dụng.

Ủy ban Chính sách Phát triển

Theo dõi, nghiên cứu và đánh giá xu thế phát triển của kinh tế trong nước và thế giới để trình HĐQT các đề xuất về định hướng phát triển chiến lược dài hạn và ngắn hạn của Tập đoàn.

Theo dõi và đánh giá chất lượng các chính sách của HĐQT trong Tập đoàn.

Hỗ trợ xây dựng chiến lược FPT và các CTTV.

Giám sát và báo cáo việc triển khai chiến lược trong toàn Tập đoàn.

Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT và các cán bộ cao cấp tổ chức các chuyến đi phát triển quan hệ quốc tế như tham gia Diễn đàn Kinh tế thế giới tại Davos, ASOCIO, gặp gỡ các doanh nghiệp lớn tại Nhật Bản, Mỹ,...

Hội đồng Tư vấn

Trong năm 2015, bên cạnh việc thường xuyên trao đổi thông tin trực tiếp hoặc email, điện thoại, Hội đồng Tư vấn đã tiến hành các cuộc họp định kỳ hàng quý nhằm:

Tư vấn, kiến nghị cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT về các vấn đề liên quan đến chiến lược, định hướng phát triển dài hạn của Tập đoàn.

Đưa ra ý kiến về các vấn đề trọng yếu của Tập đoàn.

Văn phòng Chủ tịch HĐQT

Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT và HĐQT trong việc tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản; soạn thảo và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các Quy chế hoạt động, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác.

Phối hợp tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2015 vào tháng 04/2015 và các cuộc họp của Hội đồng Tư vấn trong năm.

Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin cho các ủy viên HĐQT, thành viên BKS và cổ đông của Tập đoàn khi có yêu cầu.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2015, HĐQT FPT đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy công tác giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BĐH nhằm đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đề ra.

Công tác xây dựng chiến lược tiếp tục được cải tiến mạnh mẽ theo hướng huy động sức mạnh của cả hệ thống nhằm đạt mục tiêu chung. Mô hình xây dựng chiến lược được triển khai ở cấp Tập đoàn, xác định rõ các mục tiêu chiến lược, hành động chiến lược và các chương trình hành động cần triển khai ngay. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát việc phổ biến và thực thi mô hình xây dựng chiến lược tại tất cả các CTTV để đảm bảo sự nhất quán trong định hướng và hành động ở mọi cấp.

Công tác quản trị tiếp tục được minh bạch hóa. Các thành viên HĐQT độc lập đều là người nước ngoài, giữ vị trí lãnh đạo lâu năm, có uy tín cao trong ngành CNTT khu vực, có bề dày kinh nghiệm sâu sắc và mạng lưới quan hệ rộng rãi. Trong năm 2015, các thành viên này đã hỗ trợ đắc lực về mặt định hướng và phát triển thị trường mới trong chiến lược Toàn cầu hóa của FPT.



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BKS

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Việt Thắng	Trưởng ban	0,01%
2	Nguyễn Khải Hoàn	Ủy viên	0,03%
3	Cao Duy Hà	Ủy viên	0,00%

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

BKS nhiệm kỳ 2012-2017 gồm 03 thành viên được ĐHĐCĐ thường niên bầu ra nhằm thực hiện các hoạt động giám sát theo luật định và quy chế hoạt động của Công ty. BKS có các nhiệm vụ chính sau: thực hiện các quyền giám sát việc thực thi Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; giám sát các hoạt động tài chính; giám sát tính thực thi của HĐQT và BĐH theo luật định. Trong năm tài chính 2015, BKS tiếp tục giám sát và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động Công ty, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Công ty rõ ràng và minh bạch.



Các phiên họp của BKS

BKS tiến hành họp định kỳ hàng quý để nghe báo cáo, đánh giá các hoạt động của các thành viên BKS cũng như xem xét và đánh giá số liệu Báo cáo Tài chính hàng quý của BĐH.

Năm 2015 BKS tổ chức 04 phiên họp thường kỳ với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email,... nhằm giải quyết kịp thời các công việc đột xuất hoặc trao đổi để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan.

Chi tiết và nội dung chính các cuộc họp:

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
Phiên 1 Ngày 03/04/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none">Giao chi tiết lại công việc đảm trách của các thành viên;Thống nhất các kế hoạch hành động của BKS và chi tiết các thành viên trong năm 2015;Xem xét và đánh giá Báo cáo Tài chính Quý I.
Phiên 2 Ngày 14/07/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none">Xem xét Báo cáo Tài chính Quý II và tình hình thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm của Công ty và thảo luận ý kiến đóng góp của BKS cho cuộc họp HĐQT Quý II;Xem xét việc chi trả cổ tức 2014 hợp lệ với Nghị quyết ĐHĐCĐ;Phân công kế hoạch tham gia đoàn kiểm soát nội bộ cùng Ban Giám sát tuần thủ.

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
Phiên 3 Ngày 13/11/2015	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thảo luận Báo cáo Tài chính Quý III và tình hình dự kiến mức hoàn thành kế hoạch năm 2015 của Công ty; Đánh giá tính an toàn về các đề án M&A do BDH soạn thảo; Lên kế hoạch kiểm soát báo cáo nợ xấu 2015; báo cáo hiệu quả dự án M&A sau 01 năm hoạt động.
Phiên 4 Ngày 26/01/2016	3/3	<ul style="list-style-type: none"> Thảo luận và đánh giá Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2015; Đánh giá kết quả kế hoạch kinh doanh năm 2015 do BDH chuẩn bị cho cuộc họp HĐQT Quý IV; Đánh giá công tác giám sát tính tuân thủ các quy định của các ủy viên HĐQT, BDH và các vị trí quản lý công ty trong năm 2015; Thảo luận, phân công chuẩn bị công tác báo cáo tình hình hoạt động BKS năm 2015 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2016.

Kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2015

Năm 2015 tuy vẫn là một năm khó khăn chung của nền kinh tế nhưng Tập đoàn đã hoàn thành được gần như đầy đủ các mục tiêu chính đã thông qua trong nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015.

- Công ty đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo luật định; đảm bảo nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ.
- Công ty đã chi trả cổ tức 2014: 10% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu theo đúng Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 phê chuẩn.
- Kết quả kinh doanh năm 2015: doanh thu đạt 40.003 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm và tăng 13,9% so với 2014. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 2.438 tỷ đồng, hoàn thành 102% so kế hoạch và tăng 17,3% so với 2014. Đây là một kết quả hết sức khả quan mặc dù nền kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động trong năm 2015.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2015 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ 2015 phê duyệt.



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

(tiếp theo)

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn

- Xem xét toàn bộ các Báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập đánh giá tình hình hoạt động và các biện pháp phòng ngừa rủi ro của các hoạt động tài chính của Công ty.
- Đánh giá rủi ro công nợ quá hạn của Tập đoàn và các CTTV dựa trên báo cáo do kế toán các đơn vị cung cấp và đưa ra những khuyến nghị về qui trình quản trị liên quan nhằm hạn chế nhất những rủi ro tài chính do những khoản công nợ quá hạn này mang lại. Đây là năm thứ 02 liên tiếp BKS tiến hành việc này.
- Đánh giá và giám sát việc chi trả cổ tức 2014 bằng tiền mặt và chi trả bằng cổ phiếu như đã báo cáo ở trên đúng theo tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 thông qua.
- Đánh giá hiệu quả sau 18 tháng hoạt động của dự án M&A với RWE IT Slovakia, mục tiêu ban đầu của Dự án căn bản hoàn thành.
- Phối hợp với Ban Giám sát tuân thủ của HĐQT đánh giá, kiểm soát một số hoạt động của các CTTV trong năm theo kế hoạch.

Giám sát thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý

Năm 2015 HĐQT hoạt động ổn định về nhân sự với 07 thành viên, trong đó có 3/7 thành viên là người nước ngoài. BKS ghi nhận sự tích cực của HĐQT trong năm 2015, đã theo sát mọi hoạt động, chiến lược phát triển của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao.

Về giám sát tính tuân thủ

Trong năm 2015 BKS không ghi nhận bất cứ dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định của Nhà nước cũng như của Công ty trong hoạt động của các thành viên HĐQT, BDH cũng như các cán bộ quản lý Công ty.

Xét chọn kiểm toán độc lập cho năm 2015

BKS phối hợp với BDH đánh giá và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2015 là Công ty TNHH Deloitte Vietnam.

TỔNG KẾT THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Trong năm 2015, các thành viên BKS đã có nỗ lực trong việc thực thi dựa trên chức năng và nhiệm vụ của mình. Về tổng thù lao cho các thành viên BKS năm 2015 đã tạm ứng chi trả 585.000.000 VNĐ trong tổng số 710.000.000 VNĐ đã được ĐHĐCĐ năm 2015 thông qua.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2016

Một số hoạt động trọng tâm:

- ✓ Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015. BKS tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc xem xét các báo cáo đánh giá của Kiểm toán độc lập và giám sát việc thực thi các vấn đề được các bên kiểm toán đưa ra.
- ✓ Tiếp tục rà soát, xem xét, giám sát các quy chế tài chính, quy chế hoạt động cũng như các quy định chính sách do HĐQT và BDH ban hành trong năm. Đồng thời, đảm bảo tính tuân thủ luật pháp, đánh giá sự ảnh hưởng đến lợi ích cổ đông của việc thực thi các quy định này.
- ✓ Tăng cường sự phối hợp giữa BKS và Ban Giám sát tuân thủ để đánh giá, xử lý kịp thời các sự vụ phát sinh. Đồng thời, giám sát việc xử lý sau thanh/kiểm tra. Năm 2016, BKS có kế hoạch phối/kết hợp tham gia từ 03 - 04 đoàn cùng Ban Giám sát tuân thủ trong kế hoạch kiểm soát định kỳ cũng như theo chuyên đề trong năm.



CÁC GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, TGD

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ vào ngân sách thù lao ĐHĐCĐ thường niên 2015 đã phê duyệt, tình hình chi trả thù lao đối với HĐQT, TGD và BKS trong năm 2015 như sau:

	Lương (triệu VNĐ)		Thưởng (% lợi nhuận sau thuế)		Thù lao (triệu VNĐ)	
	ĐHĐCĐ phê duyệt	Thực chi năm 2015	ĐHĐCĐ phê duyệt	Thực chi năm 2015	ĐHĐCĐ phê duyệt	Thực chi năm 2015
Thành viên HĐQT điều hành	10.760	9.200	0,49%	0,44%	Không	Không
Thành viên HĐQT không điều hành	Không	Không	Không	Không	4.920	4.980(*)
Ban Kiểm soát	Không	Không	Không	Không	710	585

(*): Thu nhập thù lao cho các thành viên HĐQT không điều hành vượt do tỷ giá tăng

Chi tiết cấu trúc thu nhập của từng thành viên HĐQT và TGD năm 2015 như sau:

Thành viên HĐQT	Chức danh	Chuyên trách, Kiểm điều hành	Độc lập, Không điều hành	Mức thù lao theo tháng (VNĐ)	Lương (%)	Thưởng (%)	Thù lao (%)
Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	x			43%	57%	Không có
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	x			39%	61%	Không có
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	x			47%	53%	Không có
Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT		x	20.000.000	Không có	Không có	100%
Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT		x	20.000.000	Không có	Không có	100%
Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên HĐQT		x	187.117.515	Không có	Không có	100%
Ông Dan E Khoo	Ủy viên HĐQT		x	187.117.515	Không có	Không có	100%

Chi tiết thù lao của các thành viên BKS như sau:

Thành viên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
Nguyễn Việt Thắng	Trưởng ban	252.200.000
Nguyễn Khải Hoàn	Ủy viên	166.400.000
Cao Duy Hà	Ủy viên	166.400.000



CÁC GIAO DỊCH VÀ THỦ LAO CỦA HĐQT, BKS, TGD (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (cổ phiếu)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Một thành viên SCIC	Lê Song Lai - Ủy viên HĐQT	318.710	0,09%	18.962	0,005%	Bán 299.748
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Lê Song Lai - Ủy viên HĐQT	0	0%	100.000	0,025%	Mua 100.000
3	Amersham Industries Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	6.120.987	1,78%	7.651.391	1,93%	Mua 1.530.404
4	Balestrand Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	613.281	0,18%	705.273	0,18%	Mua 91.992
5	Grinling International Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	697.287	0,20%	801.880	0,20%	Mua 104.593
6	Venner Group Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	708.270	0,21%	814.510	0,21%	Mua 106.240
7	Vietnam Enterprise Investments Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	5.541.909	1,61%	7.273.195	1,83%	Mua 1.731.286
8	Wareham Group Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	5.568.062	1,62%	6.403.271	1,61%	Mua 835.209
9	Norges Bank	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	4.912.296	1,43%	6.069.140	1,53%	Mua 1.156.844
10	DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	364.463	0,11%	402.402	0,10%	Mua 37.939
11	The CH/SE Asia Investment Holdings (Singapore) PTE. LTDC	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	115.000	0,03%	0	00%	Bán 115.000
12	Tổng nhóm NĐT liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital		24.641.555	7,17%	30.121.062	7,58%	Mua 5.479.507

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2015, không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch được ký kết giữa Tập đoàn, các công ty con và các công ty mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.



VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

FPT luôn nỗ lực tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty nói chung cũng như các quy định quản trị riêng đối với các công ty cổ phần đại chúng niêm yết, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2014.
- Thông tư 121/2012/TT-BTC quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó, để nâng cao tính tuân thủ thực hiện quy định pháp luật về quản trị công ty, FPT cụ thể hóa các quy định này trong hoạt động của Công ty tại các quy định nội bộ sau:

- Điều lệ công ty.
- Quy chế Quản trị công ty.

Năm 2015, FPT đã nỗ lực và tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của pháp luật về quản trị công ty, liên quan đến cơ cấu thành viên HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và công bố thông tin.

Đặc biệt, Tập đoàn luôn nằm trong số các công ty niêm yết nộp Báo cáo tài chính quý và Báo cáo tài chính năm sớm nhất (thông thường trước thời hạn từ 10 - 15 ngày so với quy định). Đây cũng là điểm được Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán đánh giá rất cao.

Bên cạnh các quy định của pháp luật, FPT cũng đang nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị theo chuẩn quốc tế, thông qua việc áp dụng và ngày càng bám sát các tiêu chí trong nguyên tắc Quản trị quốc tế của OECD, bao gồm các vấn đề chính sau:



Ngoài ra, trong năm 2015, FPT cũng đã thực hiện được một số hoạt động quản trị tiêu biểu như:

- Phê duyệt phương hướng, chiến lược kinh doanh;
- Tổ chức Hội thảo Chiến lược cấp Tập đoàn và chỉ đạo công tác xây dựng chiến lược của tất cả các CTTV theo mô hình và mục tiêu nhất quán với chiến lược chung của Tập đoàn;
- Phê duyệt kế hoạch trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm. Năm 2015, các hoạt động xây dựng kế hoạch đều được thực hiện và kiểm soát bằng công cụ BSC trong toàn Tập đoàn. Việc bảo vệ kế hoạch và phê duyệt kế hoạch được triển khai chi tiết và chặt chẽ từ tháng 12/2015 đến hết tháng 01/2016.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động quản trị rủi ro của Tập đoàn là một cấu phần không tách rời trong chiến lược tổng thể nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Rủi ro được phân nhóm để đánh giá khả năng tác động tới các mục tiêu kinh doanh chính. Đó sẽ là cơ sở để FPT đưa ra các quy trình nhận diện sớm rủi ro, lượng hóa, gắn với kế hoạch kinh doanh và có cơ chế giám sát, loại trừ. Các nhóm rủi ro chủ yếu sau khi được nhận diện sẽ được lồng ghép vào các nội dung trong BSC – Hệ thống lập kế hoạch và quản trị được áp dụng toàn diện tại FPT và các CTTV.

Bộ máy quản trị rủi ro được phân cấp quản lý từ Tập đoàn đến các CTTV, đảm bảo rủi ro được xác định, quản lý bởi lãnh đạo/cá nhân chịu trách nhiệm và có thẩm quyền. Bộ máy quản trị rủi ro cũng được phân cấp và tạo thành một hệ thống thống nhất, xuyên suốt giữa FPT và các CTTV. FPT cũng xây dựng bộ máy về kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn và phối hợp với kiểm toán nội bộ tại các CTTV để kiểm soát các rủi ro tuân thủ trong toàn hệ thống.

Các bộ phận chức năng thực hiện quản lý rủi ro

TẦNG
04

Giám sát rủi ro *Hội đồng Quản trị*

HĐQT giám sát rủi ro ở mức cao nhất của Tập đoàn.
Thiết lập chiến lược và mức chấp nhận rủi ro.



Đảm bảo độc lập

Kiểm toán nội bộ/ kiểm toán tuân thủ

Đảm bảo những quy định và qui trình quản lý rủi ro được tuân thủ một cách đầy đủ.

TẦNG
03



TẦNG
02

Kiểm soát và báo cáo rủi ro *Bộ phận chức năng QLRR*

Xây dựng và phát triển khung quản lý rủi ro chung và giám sát việc áp dụng khung quản lý rủi ro.



Thực hiện QLRR

Tất cả Đơn vị kinh doanh/ Phòng/Ban chức năng

Chấp nhận rủi ro và quản lý rủi ro hàng ngày.
Là đơn vị sở hữu quy trình quản lý rủi ro.

TẦNG
01

FPT cũng thành lập bộ phận Quản lý chiến lược (SMO) nhằm theo dõi đánh giá biến động của hệ thống chỉ số KPIs, trong đó bao gồm các chỉ số quản lý rủi ro trong toàn hệ thống đảm bảo các rủi ro liên quan tới hoạt động, vận hành được xác định và quản lý kịp thời. Rủi ro được xử lý thông qua một quy trình khép kín bao gồm 05 bước: (1) Xác định rủi ro; (2) Đánh giá và phân tích rủi ro; (3) Kế hoạch hành động; (4) Xử lý rủi ro; (5) Đo và kiểm soát rủi ro.

Mô hình quản trị rủi ro Tập đoàn FPT



CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Nhóm rủi ro về chiến lược		
Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn	Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu; không phát triển được những sản phẩm hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng và những dịch vụ tin học đặc thù có khả năng khai thác bền vững trên quy mô lớn.	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng công cụ BSC để xác định rõ các mục tiêu chiến lược lớn và các hành động cụ thể nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng và được theo dõi đánh giá thường xuyên nhằm đạt tới các mục tiêu đã đề ra.
Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh	Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh dẫn tới yếu thế so với đối thủ, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường. Đa phần các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn có rào cản gia nhập ngành thấp, đã và đang đối diện với những khó khăn lớn khi các công ty nước ngoài hoặc các công ty mới nổi, năng động ở trong nước phát triển nhanh chóng và giành thị phần.	<ul style="list-style-type: none"> Đưa ra các dịch vụ tổng thể đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và đáp ứng toàn diện nhu cầu khách hàng; Liên tục cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ để tối ưu hóa việc vận hành và tối ưu hóa chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại; Tổ chức Hội nghị Nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm lấy ý kiến đóng góp của CBNV theo cả hình thức online và offline về các giải pháp, sáng kiến giúp Tập đoàn đổi mới toàn diện.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Nhóm rủi ro về hoạt động		
Rủi ro về nguồn lực	Rủi ro về nguồn nhân lực dẫn tới số lượng, chất lượng nguồn nhân lực không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những chuẩn mực quốc tế để toàn cầu hóa hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng lâu dài; Tiếp tục đầu tư cho hoạt động đào tạo của Trường Đại học FPT; Đầu tư cho chương trình đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng cao thông qua hoạt động của Trường Đào tạo Cán bộ FPT (FCU).
Rủi ro bảo mật thông tin	Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với tổ chức doanh nghiệp. Những rủi ro đối với các thông tin như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của tổ chức, doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> FPT đã áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Tập đoàn. Hàng năm, Tập đoàn cập nhật các quy trình và giải pháp an toàn thông tin, áp dụng các tiêu chuẩn bảo mật mới nhất, và gán trách nhiệm an toàn thông tin với các thành viên tổ chức nhằm tránh vi phạm an toàn thông tin dẫn tới hậu quả nghiêm trọng.
Nhóm rủi ro tài chính		
Rủi ro tỷ giá	Tỷ giá biến động lớn ảnh hưởng tới lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Một số hoạt động kinh doanh của FPT như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm tiềm ẩn rủi ro liên quan tới biến động tỷ giá.	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá; Áp dụng các biện pháp bảo hiểm tỷ giá phù hợp như giao dịch ngoại tệ theo kỳ hạn, giao dịch quyền chọn hay hợp đồng tương lai; Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt dựa trên biến động tỷ giá.
Rủi ro kinh doanh thông thường	Rủi ro kinh doanh thông thường như nợ xấu mất kiểm soát, hàng tồn tăng cao.	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chính sách kiểm soát công nợ khách hàng; Xây dựng chính sách quản lý tồn kho. Phân tích, kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu dự báo nhu cầu để nhập hàng.
Rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư	Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, đặc thù công nghệ, rủi ro liên quan khác trước khi Hội đồng Đầu tư thông qua.
Rủi ro về luật định		
Rủi ro về pháp lý	Hoạt động kinh doanh có quy mô ngày càng lớn không chỉ ở lãnh thổ Việt Nam, như yêu cầu phải tuân thủ quy định về lao động nhập cư. Bên cạnh đó, những khác biệt về văn hóa của lực lượng lao động đa quốc gia và của đối tác đang là thách thức ngày càng lớn.	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát các chính sách, định hướng lớn của Chính phủ, chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất cho các cơ quan hữu quan hướng tới việc nâng cao vai trò của CNTT trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng sống cho người dân; Nghiên cứu, cập nhật và tuân thủ luật định cũng như môi trường văn hóa, kinh doanh của các thị trường nước ngoài có liên quan.

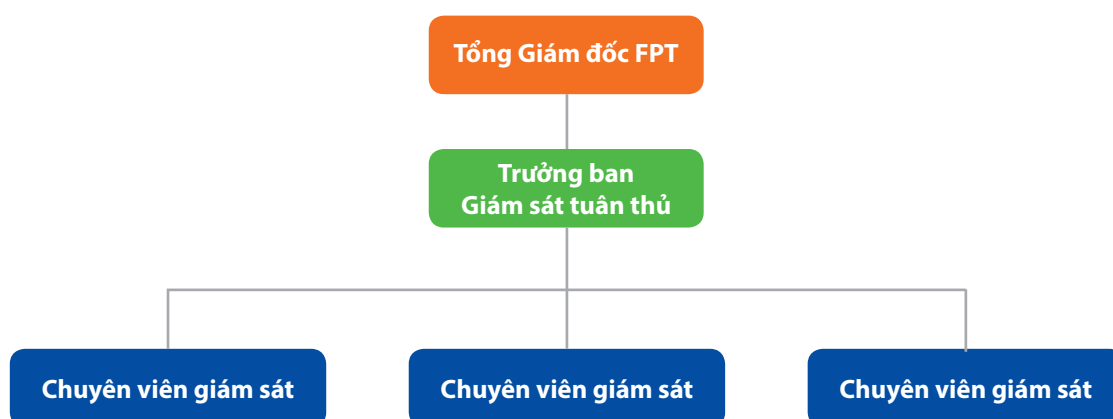
TUÂN THỦ VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

FPT đánh giá việc tuân thủ và kiểm soát nội bộ là biện pháp hữu hiệu nhằm phòng chống và giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phạm vi đánh giá trong năm 2015 bao gồm việc tuân thủ: các quy định pháp luật; các quy định, quy trình nội bộ của Tập đoàn FPT; các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tập đoàn như lương thưởng và các chính sách nhân sự.

Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động đánh giá các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ sẽ giúp FPT đảm bảo chiến lược phát triển bền vững được thực hiện trong từng lĩnh vực kinh doanh của FPT và xuyên suốt trong toàn hệ thống.

Tổ chức Ban Giám sát tuân thủ Tập đoàn FPT



QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong những năm qua, FPT luôn chú trọng tới việc thực hiện quản lý rủi ro liên quan tới phát triển bền vững dựa trên các góc độ về:

- Đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững của FPT.
- Đánh giá và quản lý rủi ro của môi trường xã hội tác động đến FPT và các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của FPT tác động đến môi trường xã hội.
- Xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn vào chiến lược kinh doanh.
- Xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan.

Bên cạnh đó, Tập đoàn FPT cũng thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. BCPTBV là công bố và cam kết chịu trách nhiệm của Tập đoàn trước các bên liên quan về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Thông qua Báo cáo, Tập đoàn đánh giá và công bố thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên các khía cạnh môi trường và xã hội bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị vốn. BCPTBV là cách thức mới để xây dựng và định lượng giá trị của doanh nghiệp.



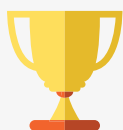
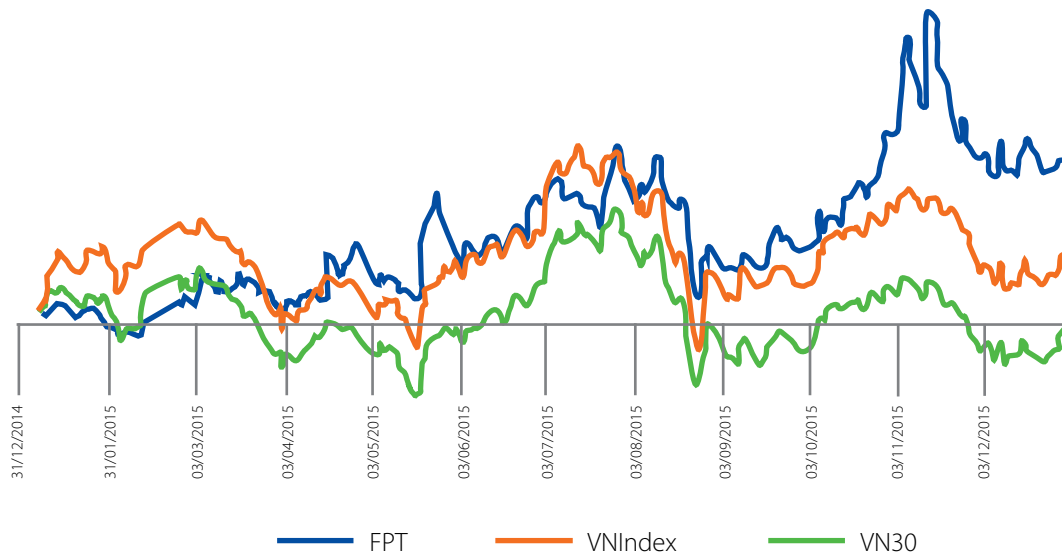
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

 **Thống kê khối lượng giao dịch và diễn biến của cổ phiếu FPT năm 2015**

STT	Hạng mục	Số lượng
1	Tổng số phiên	248 phiên
2	Tổng khối lượng khớp lệnh	182.859.290 cổ phiếu
3	Tổng giá trị khớp lệnh	8.867 tỷ VNĐ
4	Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân/phiên	737.336 cổ phiếu
5	Khối lượng khớp lệnh cao nhất 52 tuần (26/06/2015)	4.210.260 cổ phiếu
6	Khối lượng khớp lệnh thấp nhất 52 tuần (15/09/2015)	91.140 cổ phiếu
7	Giá cao nhất 52 tuần (13/11/2015)	54.500 VNĐ/cổ phiếu

*Giá cổ phiếu sử dụng giá đóng cửa, điều chỉnh hồi tố cho cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%.

**Tỷ suất sinh lời của cổ phiếu FPT
trong năm 2015 so với thời điểm 31/12/2014**



Năm thứ 8 liên tiếp lọt



**TOP 10
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



Thống kê giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài năm 2015

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại FPT luôn đạt mức trần 49% trong năm 2015, số phiên có giao dịch của khối ngoại gồm 202 phiên với tổng khối lượng bán là 642.970 cổ phiếu và tổng khối lượng mua là 524.250 cổ phiếu. Khối lượng chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại ngày 31/12/2015 là 03 cổ phiếu.



Tình hình chi trả cổ tức

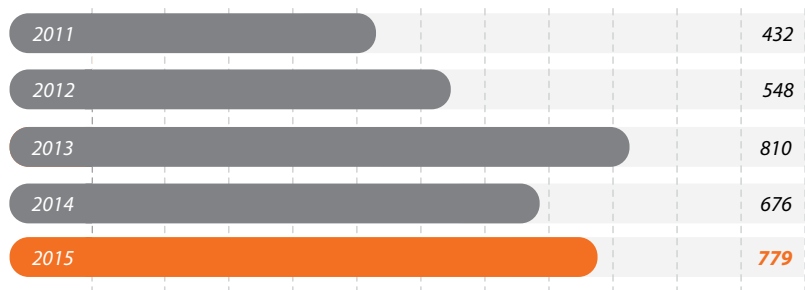
Năm 2015, theo xếp hạng của Vietstock, FPT nằm trong Top 20 doanh nghiệp trả cổ tức tiền mặt lớn nhất.

Lịch sử chi trả cổ tức 2011 - 2015

Đơn vị: tỷ VNĐ

Cổ tức tiền mặt 2015

799 tỷ VNĐ



Lưu ý: Cổ tức tiền mặt thống kê trong biểu đồ trên được tính theo tỷ lệ cổ tức tiền mặt được ĐHCĐ phê duyệt cho năm đó. Do vậy, không trùng với số "cổ tức đã trả cho cổ đông" trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ do số này bao gồm tạm ứng cổ tức của năm hiện tại và các khoản thanh toán cổ tức của năm liền trước (nếu có).

Trong năm 2015, FPT đã thực hiện các đợt trả cổ tức như sau:

- Trả phần cổ tức còn lại năm 2014 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/mệnh giá vào ngày 12/06/2015;
- Trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho cổ đông theo tỷ lệ 15%, chốt tại ngày 01/06/2015. Cổ phiếu mới được giao dịch chính thức vào ngày 21/07/2015;
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10%/mệnh giá vào ngày 09/09/2015.



Phát hành thêm cổ phiếu

Trong năm 2015, FPT thực hiện phát hành thêm 1.719.317 cổ phiếu cho CBNV có thành tích đóng góp trong năm 2014. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày phát hành, ngày giao dịch dự kiến là ngày 23/04/2018.

Vốn điều lệ trong năm 2015 tăng 02 đợt, lên 3.456.959.170.000 VNĐ do Công ty phát hành cổ phiếu cho CBNV có thành tích đóng góp trong năm 2014 và lên 3.975.316.400.000 VNĐ do Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015.



Tình hình giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2015, Công ty không thực hiện việc mua lại cổ phiếu ưu đãi nhân viên khi cán bộ nhân viên nghỉ việc nên cổ phiếu quỹ không thay đổi, vẫn giữ nguyên như thời điểm đầu năm là 82.376 cổ phiếu.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Dựa theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/02/2016)

Dựa theo loại cổ phần

Loại cổ phần	Cổ phần	Tỷ lệ	Mệnh giá (VNĐ)	Quyền biểu quyết
Cổ phần phổ thông	397.449.264	99,98%	10.000	1:1
Quỹ cổ phiếu ưu đãi nhân viên	82.376	0,02%	10.000	1:0
Tổng	397.531.640	100,00%		

Dựa theo các mức cổ phần sở hữu

Số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ
1-999	11.629	66,88%	2.101.599	0,53%
1.000-10.000	4.556	26,20%	14.360.317	3,61%
10.001-1.000.000	1.151	6,62%	107.582.240	27,07%
1.000.001 trở lên	52	0,30%	273.405.108	68,79%
Tổng	17.388	100,00%	397.449.264	100,00%

Dựa theo đối tượng sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước (SCIC)	1	0,01%	23.919.712	6,02%
Cổ đông nội bộ	2.003	11,52%	92.016.343	23,15%
- HĐQT, BDH, BKS và KTT	9	0,05%	50.108.603	12,61%
- Nhân viên	1.994	11,47%	41.907.740	10,54%
Cổ đông ngoài (cá nhân)	15.087	86,77%	61.922.571	15,58%
Cổ đông ngoài (tổ chức)	297	1,71%	219.590.638	55,25%
Tổng	17.388	100,00%	397.449.264	100,00%

Dựa theo địa lý

Vị trí địa lý	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phần	Tỷ lệ
Việt Nam	16.143	92,84%	202.669.448	50,99%
- Cá nhân	15.990	91,96%	150.359.306	37,83%
- Tổ chức	153	0,88%	52.310.142	13,16%
Nước ngoài	1.245	7,16%	194.779.816	49,01%
- Cá nhân	1.100	6,33%	3.579.608	0,90%
- Tổ chức	145	0,83%	191.200.208	48,11%
Tổng	17.388	100,00%	397.449.264	100,00%

10 cổ đông lớn nhất

10 cổ đông lớn nhất	Cổ phần	Tỷ lệ
Trương Gia Bình	28.336.410	7,13%
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	23.919.712	6,02%
Red River Holding	22.646.457	5,70%
Bùi Quang Ngọc	14.784.035	3,72%
Government of Singapore	14.181.548	3,57%
The Caravel Fund (International) Ltd	9.000.000	2,26%
Kuroto Fund Lp	8.511.994	2,14%
Cashew Investments Pte. Ltd	8.397.256	2,11%
Wasatch Frontier Emerging Small Countries Fund	8.174.792	2,06%
Amersham Industries Limited	8.080.638	2,03%

CÁC HOẠT ĐỘNG VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Hướng đến tính chuyên nghiệp trong các hoạt động với nhà đầu tư, năm 2015, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động đã thực hiện trong các năm trước đây nhằm đưa hình ảnh của FPT tới nhà đầu tư ngày càng minh bạch và đáng tin cậy hơn. Ngoài ra, bộ phận IR cũng luôn nỗ lực duy trì kênh thông tin liên lạc hai chiều giữa Tập đoàn với Nhà đầu tư, nhằm giải đáp thỏa đáng các thắc mắc về chiến lược, tình hình kinh doanh giúp Nhà đầu tư có những nhận định xác đáng và quyết định đúng đắn.

Một số hoạt động tiêu biểu trong năm 2015 như sau:

- Công bố kết quả kinh doanh hàng tháng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và các phương tiện thông tin đại chúng;
- Cung cấp bản tin định kỳ hàng tháng cho nhà đầu tư;
- Tổ chức các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư công bố kết quả kinh doanh hàng quý với nhiều hình thức đổi mới;
- Đảm bảo các thông tin trong mục Quan hệ Nhà đầu tư trên website của Tập đoàn luôn chính xác và kịp thời;
- Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công bố thông tin theo luật định;
- Thực hiện 69 cuộc họp, tiếp xúc với 129 quỹ đầu tư có trụ sở tại nước ngoài (không tính các quỹ đầu tư nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam).

Những nỗ lực này của bộ phận IR được thể hiện qua

rất nhiều các báo cáo phân tích về FPT của các công ty chứng khoán hàng đầu thị trường được phát hành hàng tháng. Trong năm 2015, có tổng cộng 12 công ty chứng khoán phát hành các báo cáo phân tích cổ phiếu FPT.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty cũng tham dự một số cuộc hội thảo được các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán lớn tổ chức như:

- Hội thảo của CLSA tại Thái Lan vào tháng 03/2015;
- Hội thảo Vietnam Access Day do Công ty Chứng khoán Bản Việt tổ chức tại Tp.HCM vào tháng 03/2015;
- Hội thảo Invest ASEAN do Công ty Chứng khoán Maybank Kim Eng tổ chức tại Tp.HCM vào tháng 05/2015;
- Hội thảo Vietnam Corporate Day do HoSE phối hợp với Daiwa tổ chức tại Singapore vào tháng 08/2015.

Năm 2016, bộ phận Quan hệ nhà đầu tư tiếp tục đặt mục tiêu:

- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đưa thông tin chất lượng hơn tới nhà đầu tư qua các buổi công bố kết quả kinh doanh hàng quý và bản tin hàng tháng;
- Cải tiến mục Quan hệ nhà đầu tư trên website của công ty chuyên nghiệp hơn nhằm giúp nhà đầu tư dễ tiếp cận với các thông tin cần tìm kiếm;
- Duy trì các kênh giải đáp thông tin cho nhà đầu tư luôn đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhất.

05

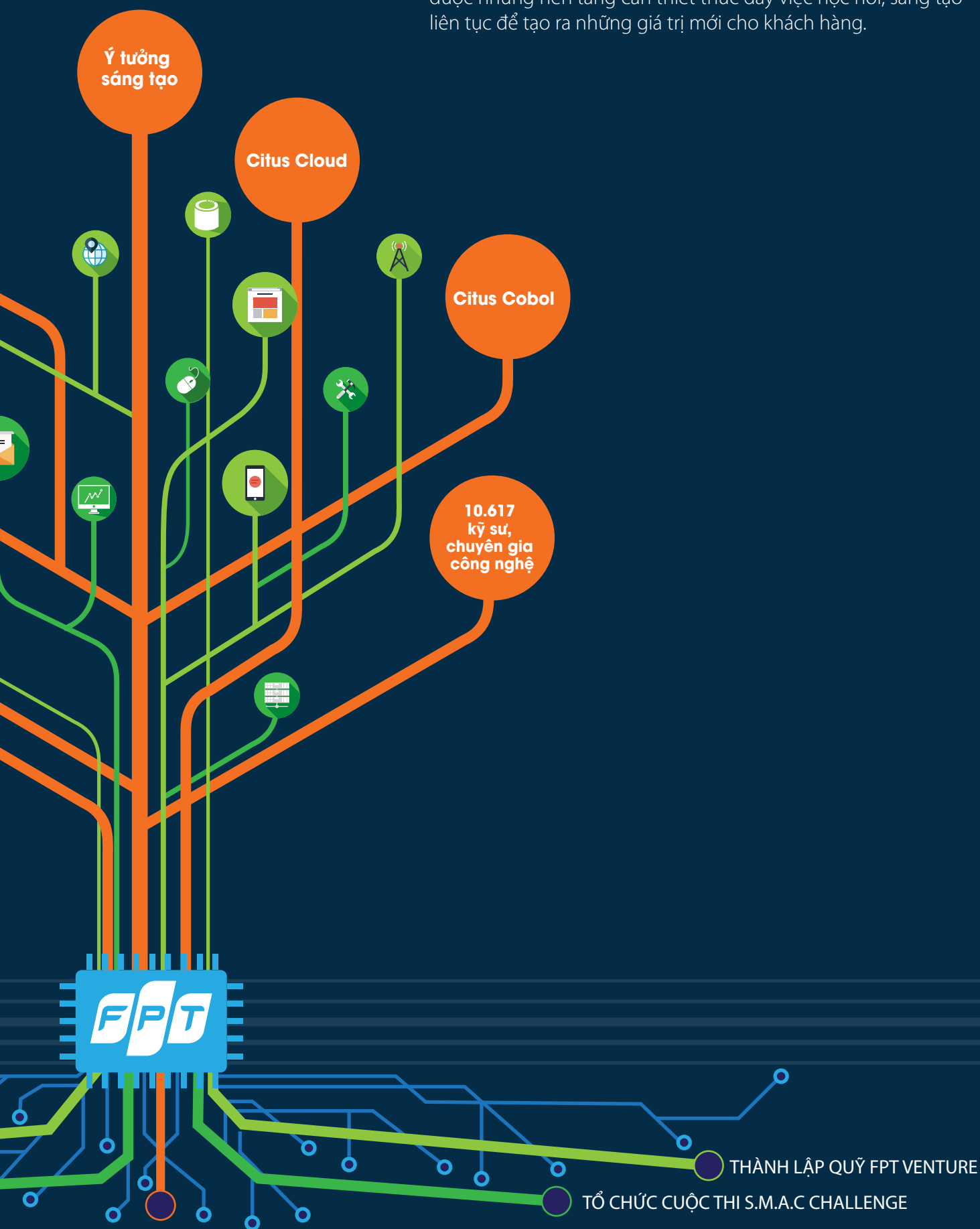
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRÍCH 5% LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CHO R&D

ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ

Đầu tư phát triển nguồn lực công nghệ: FPT đã xây dựng được những nền tảng cần thiết thúc đẩy việc học hỏi, sáng tạo liên tục để tạo ra những giá trị mới cho khách hàng.





THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



"Qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, chúng tôi hiểu, doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững, đảm bảo được lợi ích cao nhất cho các bên liên quan khi đạt được các mục tiêu tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận gắn liền với sự phát triển chung của nền kinh tế, xã hội và môi trường."

Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan,

Ngay từ những ngày đầu thành lập, định hướng phát triển bền vững đã được thể hiện qua tầm nhìn, sứ mệnh của Công ty. Đó là "trở thành một tổ chức kiểu mới, hùng mạnh" và "làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia".

Qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, chúng tôi hiểu, doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững, đảm bảo được lợi ích cao nhất cho các bên liên quan khi đạt được các mục tiêu tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận gắn liền với sự phát triển chung của nền kinh tế, xã hội và môi trường.

Chính vì vậy, từ năm 2010, FPT đã đưa các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững vào chiến lược phát triển của Công ty như một hoạt động song hành cùng các hoạt động phát triển kinh doanh khác. Chiến lược phát triển bền vững của FPT xác định ba mục tiêu rõ ràng về kinh tế, xã hội và môi trường gồm: tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận; phát triển nguồn nhân lực và hoạt động cộng đồng; bảo vệ môi trường. Đây cũng chính là những nội dung quan trọng được đề cập đến trong Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty trong các năm qua.

Năm 2015, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô khó khăn, FPT đã quay lại quỹ đạo tăng trưởng hai con số cả về doanh thu và lợi nhuận, quy mô nhân sự đạt gần 27.000 người. Bên cạnh sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, FPT cũng đã nỗ lực tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường và xã hội Việt Nam, đặc biệt là triển khai các chương trình hỗ trợ cho giáo dục, tạo điều kiện tốt nhất cho thế hệ trẻ phát triển trong tương lai. Năm 2015, FPT đã chi gần 33,6 tỷ đồng cho các hoạt động trách nhiệm xã hội.

FPT mong muốn tiếp tục đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên liên quan bằng chính các giá trị công nghệ cốt lõi và sự phát triển bền vững của Công ty. Đồng thời, chúng tôi cũng mong muốn các hoạt động xã hội sẽ gắn kết 27.000 CBNV FPT cùng chung sức, đồng lòng vì sự phát triển chung của cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

Tổng Giám đốc FPT

Bùi Quang Ngọc



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU XÂY DỰNG VÀ CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của FPT ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.



Cách thức xác định nội dung Báo cáo

Báo cáo được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn "Cốt lõi". Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của FPT có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2015, bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc ngày 31/12/2015. Bắt đầu từ năm 2013, FPT tiến hành lập Báo cáo Phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần FPT, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực CNTT-VT và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam cũng như tại một số quốc gia trên thế giới mà FPT đang hoạt động.

Thông tin liên hệ

Báo cáo do Ban Truyền thông FPT thực hiện.

Mọi ý kiến đóng góp, vui lòng liên hệ:

Bà Bùi Nguyễn Phương Châu

Trưởng ban Truyền thông, Công ty Cổ phần FPT

Trụ sở: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 7300 7300 hoặc gửi về hòm thư điện tử: chaubnp@fpt.com.vn

Tính đảm bảo của Báo cáo

FPT tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong Báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của FPT được nêu ra trong Báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Deloitte.
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực CNTT như CMMi, ISO, Tier3 được xác nhận bởi SEI (Viện Công nghiệp Phần mềm Mỹ), ISO (Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế), Uptime Institute.

Thông tin doanh nghiệp

Lĩnh vực kinh doanh: FPT hoạt động trải rộng trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng của ngành CNTT - VT từ phát triển phần mềm, tích hợp hệ thống, dịch vụ CNTT, viễn thông, phân phối – bán lẻ sản phẩm công nghệ đến đào tạo nhân lực CNTT chất lượng cao.

Quy mô doanh nghiệp: FPT có gần 27.000 CBNV làm việc tại 19 quốc gia trên toàn cầu gồm: Việt Nam, Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Đức, Anh, Pháp, Slovakia, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Bangladesh, Indonesia, Lào, Campuchia, Myanmar, Úc, Hà Lan, Kuwait.



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Thành viên của các tổ chức hiệp hội uy tín

- Thành viên Hiệp hội Doanh nghiệp Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (MINASA).
- Thành viên Hội Tin học Việt Nam (VAIP).
- Thành viên Liên minh Sản xuất tivi thông minh thế giới (SmartTV Alliance).
- Thành viên Hội đồng Quốc gia về Phát triển Bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA FPT LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việc đánh giá các tác động từ hoạt động của FPT lên 3 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường sẽ giúp FPT xác định được vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và đóng góp vào sự phát triển bền vững chung của đất nước.



Tác động đối với nền kinh tế

Đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế thông qua việc luôn đảm bảo tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận, đồng thời là một trong những công ty đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Đóng góp vào việc hiện đại hóa hoạt động của các bộ, ngành và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế, các doanh nghiệp thông qua việc nghiên cứu, phát triển và cung cấp các giải pháp, dịch vụ công nghệ tiên tiến.

Tiên phong trong các xu hướng công nghệ mới góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế của ngành CNTT Việt Nam trên thị trường quốc tế.



Tác động đối với xã hội

Tạo công ăn việc làm, đem lại thu nhập ổn định cho CBNV: FPT hiện có gần 27.000 CBNV làm việc tại 19 quốc gia trên toàn cầu. Trung bình trong 05 năm gần đây, Công ty tuyển dụng gần 4.000 nhân viên mới/năm, tạo công ăn việc làm tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, tạo thu nhập ổn định và đảm bảo cuộc sống cho hàng ngàn người, góp phần mang lại sự ổn định cho xã hội.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội:

Trường ĐH FPT đang đào tạo 17.900 sinh viên, học viên theo tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, FPT còn thiết kế các chương trình đào tạo nội bộ cho toàn thể CBNV theo hướng xây dựng một đội ngũ giỏi về chuyên môn và các kỹ năng trong công việc.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc giải quyết các

vấn đề xã hội: FPT đã và đang tích cực tham gia vào các dự án trọng điểm góp phần phát triển giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh,... mang lại lợi ích thiết thực cho người dân.

Chung tay hỗ trợ sự phát triển của xã hội:

coi con người là giá trị cốt lõi, FPT tập trung đầu tư cho giáo dục, cho thế hệ trẻ và xem đây là đầu tư cho tương lai.



Tác động đối với môi trường

CNTT – VT là ngành nghề thân thiện với môi trường nên các tác động đến môi trường của FPT chủ yếu đến từ việc xả thải, tiêu thụ năng lượng tại các văn phòng làm việc và văn phòng giao dịch, các cửa hàng và ý thức của CBNV trong việc bảo vệ môi trường nói chung.

Do vậy, FPT xác định trước hết cần tuân thủ các quy định liên quan đến xử lý nước thải, tiêu thụ năng lượng khi vận hành các tòa nhà làm việc. FPT cũng chú trọng tìm kiếm các thiết kế xanh, các giải pháp công nghệ để giảm thiểu việc sử dụng năng lượng khi vận hành các văn phòng, các cửa hàng trên phạm vi toàn quốc. Ngoài ra, Công ty cũng tuyên truyền, nâng cao ý thức của CBNV trong việc bảo vệ môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2015 - 2018

Mô hình phát triển bền vững



Định hướng và chiến lược phát triển bền vững

Phát triển bền vững là chiến lược quan trọng hàng đầu mà mọi tổ chức, doanh nghiệp trên toàn cầu đang nỗ lực thực hiện. FPT nhận thức rõ tầm quan trọng của chiến lược này và luôn nỗ lực kết hợp thực hiện mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội giúp đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới các hoạt động hiện tại và tương lai.

FPT cũng xác định chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp chỉ có thể được thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo. Trước hết, doanh nghiệp phải tăng trưởng và phát triển thì mới có thể đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Một số mục tiêu chính trong chiến lược phát triển bền vững của FPT:

Mục tiêu	Nội dung	Giải pháp thực hiện
Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng bền vững doanh thu từ các mảng kinh doanh truyền thống. Tăng nhanh doanh thu từ Toàn cầu hóa; Tăng doanh thu từ S.M.A.C/ dịch vụ thông minh/IoT; Tăng doanh thu từ giải pháp/dịch vụ mới giá trị cao. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên tục mở rộng địa bàn hoạt động và cung cấp các sản phẩm/dịch vụ mới; Liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm toàn diện; Nâng cao hiệu quả hoạt động của marketing/sales; Xây dựng và phát triển quan hệ với đối tác, khách hàng chiến lược. Tham gia Hệ sinh thái của các công ty hàng đầu thế giới; Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế; Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển các giải pháp/dịch vụ theo xu hướng công nghệ S.M.A.C/IoT; Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh, tư vấn chuyên ngành và công nghệ phù hợp với toàn cầu hóa và S.M.A.C/IoT; Triển khai M&A
Phát triển nguồn nhân lực và hoạt động cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Luôn nằm trong danh sách nhà tuyển dụng được ưa thích nhất trong lĩnh vực CNTT. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường làm việc tốt nhất để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho Công ty; Xây dựng chính sách phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng, và đãi ngộ nhân tài; Giữ gìn và phát huy giá trị, tinh thần văn hóa cốt lõi "Tôn Đồi Đồng - Chí Gương Sáng" của FPT.
	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng FPT thành tổ chức học hỏi và nâng cấp toàn bộ nguồn nhân lực FPT theo nhu cầu phát triển kinh doanh, phù hợp với Toàn cầu hóa và S.M.A.C/IoT. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức các khóa đào tạo trực tiếp và online cho CBNV; Tuyển dụng nguồn nhân lực FPT theo nhu cầu phát triển kinh doanh, phù hợp với Toàn cầu hóa và S.M.A.C/IoT.
	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển công nghệ vì cộng đồng, lan tỏa và ươm mầm nhân ái ra toàn xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì và tổ chức thường xuyên các cuộc thi về công nghệ cho học sinh, sinh viên; Hỗ trợ các chương trình giáo dục thông qua áp dụng công nghệ; Trao học bổng cho các tài năng công nghệ trẻ; Xây dựng văn hóa nhân ái, có trách nhiệm với cộng đồng, tăng tỷ lệ tham gia của người FPT vào các hoạt động xã hội.
Bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng; Xanh hóa hoạt động kinh doanh và lối sống. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường; Sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị xanh; Áp dụng công nghệ để tối thiểu hóa sử dụng tài nguyên môi trường; Thực hiện tuyên truyền về ý thức bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty.



33,6

tỷ VNĐ

chi cho các
hoạt động
cộng đồng

6.000 tỷ đồng
đóng góp ngân sách

**Đóng góp
cho cộng
đồng 2015**

Tạo mới gần **5.000**
việc làm cho xã hội



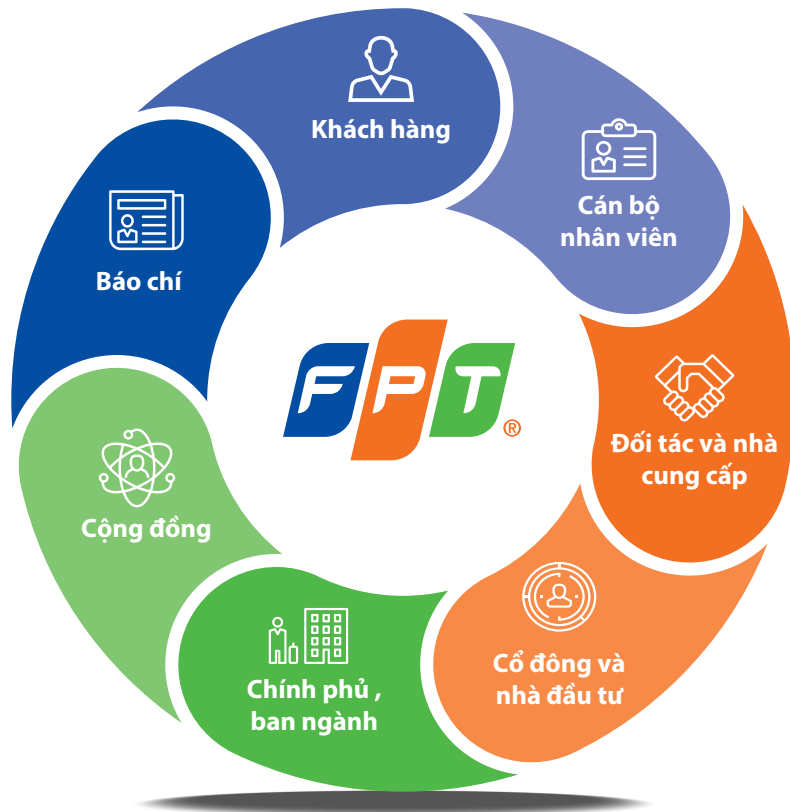
Hơn **20**
triệu người
thụ hưởng
từ hoạt động
cộng đồng





SỰ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

FPT xác định các bên liên quan là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định từ hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm: khách hàng; cổ đông và nhà đầu tư; cán bộ nhân viên; đối tác và nhà cung cấp; cộng đồng; Chính phủ, ban ngành; báo chí. Thông tin, ý kiến phản hồi từ các bên liên quan là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến tư duy, cách thức hành động của FPT trong việc quản lý và vận hành các hoạt động của Công ty.



Trong năm 2015, FPT đã củng cố mối quan hệ với các bên liên quan thông qua việc tăng cường và chủ động gặp gỡ, trao đổi thông tin qua các kênh khác nhau như: gặp mặt, tọa đàm, hội thảo, bản tin, website....

Đối tượng	Kênh tương tác
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trực tiếp; Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline của các bộ phận liên quan; Mạng xã hội như: Facebook, diễn đàn; Website FPT và CTTV; Triển lãm, hội chợ, hội thảo...; Bản tin cho khách hàng.
Cổ đông và nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trực tiếp hàng quý và theo yêu cầu; Đại hội đồng Cổ đông; Bản tin Nhà đầu tư; Website FPT.

Đối tượng	Kênh tương tác
Cán bộ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Trang tin nội bộ Chungta.vn và các ấn phẩm nội bộ khác; Mạng xã hội như Facebook, Yammer; Các chương trình đào tạo nội bộ; Các sự kiện hoạt động nội bộ về thể thao, văn nghệ, tổng kết năm....
Đối tác nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trao đổi trực tiếp; Bản tin cho đối tác.
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức các hoạt động tìm kiếm, ươm mầm tài năng trẻ; Tổ chức các hoạt động từ thiện, các chương trình về bảo vệ môi trường; Tổ chức các chương trình ứng dụng CNTT phục vụ cộng đồng.
Chính phủ, ban ngành TW	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia các hội nghị, hội thảo về ngành CNTT do Chính phủ, các bộ ngành tổ chức; Tham gia các hội nghị nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nghị chuyên ngành của các Bộ, Ngành; Tham gia các tổ chức, hiệp hội.
Báo chí	<ul style="list-style-type: none"> Hợp báo; Trả lời phỏng vấn, thông cáo báo chí định kỳ; Website FPT; Các mạng xã hội như Facebook, Youtube; Bản tin FPT.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN



Khách hàng

Nỗ lực làm khách hàng hài lòng trên cơ sở hiểu biết sâu sắc và đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của họ với lòng tận tụy và năng lực không ngừng được nâng cao.

Mục tiêu	Hành động của FPT
<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đầy đủ cam kết với khách hàng; Bàn giao sản phẩm và dịch vụ đúng hạn và đúng chất lượng; hỗ trợ đầy đủ trước và sau bán hàng; Cung cấp sản phẩm, dịch vụ với chất lượng, công nghệ tiên tiến và phong cách phục vụ tận tình, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức kinh doanh; Nâng cao năng lực cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho thị trường và khách hàng tiềm năng. 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định rõ và chính xác yêu cầu của khách hàng bao gồm các yêu cầu về sản phẩm, giao tiếp, đối xử, thương hiệu và công nghệ; Xác định và quản lý thông tin thị trường nhằm đánh giá sự cạnh tranh, điểm yếu và lợi thế cạnh tranh của Công ty; Nghiên cứu và thấu hiểu khách hàng, xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu khách hàng, trao đổi đầy đủ với khách hàng về các vấn đề có liên quan đến sản phẩm/dịch vụ; Xây dựng và áp dụng các chuẩn mực làm việc và ứng xử với khách hàng; Đánh giá sự hài lòng khách hàng để có hành động thích hợp nâng cao mức độ thỏa mãn khách hàng; Nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ mới.



SỰ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)



Cổ đông - nhà đầu tư

Nỗ lực mang lại lợi ích cao nhất và bền vững cho cổ đông.

Mục tiêu	Hành động của FPT
<ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả đầu tư cao và bền vững; Tạo niềm tin vững chắc cho cổ đông; Thực hiện tốt cơ chế kiểm soát nội bộ bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng lớn, có tiềm năng làm tăng giá trị và duy trì tăng trưởng bền vững; Thiết lập và áp dụng các cơ chế kiểm soát nội bộ, chính sách phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro bên trong và bên ngoài trong mọi hoạt động của Công ty; Thông tin hai chiều kịp thời, đầy đủ và minh bạch với cổ đông.



Cán bộ nhân viên

Nỗ lực xây dựng đội ngũ vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của tổ chức, gìn giữ và phát huy giá trị cốt lõi của Công ty, tạo cơ hội cho mỗi cá nhân thể hiện hết mình và thành công vượt trội, đảm bảo các quyền lợi vật chất và tinh thần của CBNV.

Mục tiêu	Hành động của FPT
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và phát triển đội ngũ lãnh đạo vững mạnh ở các cấp, có tính kế thừa; tạo điều kiện và cơ hội cho từng cán bộ lãnh đạo phát huy cao nhất năng lực của mình để thành công cùng Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng cán bộ lãnh đạo phù hợp với năng lực; Liên tục tạo cơ hội và thách thức, đảm bảo môi trường hợp tác, đầy đủ thông tin, bình đẳng trong thăng tiến và khuyến khích sáng tạo; Thực hiện thường xuyên việc đánh giá cán bộ lãnh đạo và hiệu quả công tác. Xây dựng và áp dụng các chế độ, chính sách khuyến khích, cổ vũ, động viên, đãi ngộ cán bộ lãnh đạo phù hợp với công lao và đóng góp, ưu đãi trong trường hợp đặc biệt; Thực hiện việc quy hoạch lãnh đạo các cấp, đảm bảo cân bằng lãnh đạo và quản lý ở mọi cấp. Xây dựng và duy trì liên tục chương trình đào tạo và huấn luyện đội ngũ lãnh đạo kế cận trung thành với lý tưởng và sự nghiệp của Công ty.
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và phát triển đội ngũ vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty; đảm bảo các quyền lợi chính đáng của nhân viên cả về vật chất lẫn tinh thần. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và thực thi kế hoạch phát triển nhân lực phù hợp với các mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty; tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; Xây dựng và áp dụng các chế độ chính sách khuyến khích, cổ vũ, động viên và bù đắp phù hợp với kết quả công việc và sự đóng góp của nhân viên; Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân viên; Định kỳ khảo sát, thu thập ý kiến của nhân viên về Công ty và có hành động phù hợp thông qua các khảo sát định kỳ và các trao đổi trực tiếp, gián tiếp; Thực hiện các chế độ bảo hiểm, các chế độ phúc lợi theo quy định của Công đoàn Công ty.

Mục tiêu	Hành động của FPT
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng; gìn giữ và phát huy giá trị tinh thần cốt lõi Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo các yêu cầu an toàn và an ninh trong công việc và môi trường làm việc theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và bảo hiểm riêng cho CBNV (FPT Care); Đánh giá sự hài lòng của nhân viên đối với công việc và sự phát triển cá nhân, từ đó có hành động phù hợp; Xây dựng và phát triển văn hoá, các giá trị cốt lõi của Công ty; Triển khai các hoạt động truyền thông nội bộ để nâng cao sự hiểu biết của nhân viên về chiến lược phát triển, văn hoá/giá trị của Công ty, duy trì sự tự hào và mức độ gắn bó lâu dài với Công ty.



Đối tác, nhà cung cấp

Nỗ lực thiết lập quan hệ với các đối tác trên cơ sở thấu hiểu sâu sắc, phát huy tối đa sức mạnh hợp tác, gắn bó lâu dài, cùng thành công và phát triển bền vững.

Mục tiêu	Hành động của FPT
<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập quan hệ bền vững với các đối tác; Hiểu biết sâu sắc điểm mạnh của mỗi bên để xây dựng quan hệ liên minh, cùng có lợi, đem lại thành công cho cả hai bên; Cùng đối tác mở rộng lĩnh vực kinh doanh, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và áp dụng các chuẩn mực làm việc và ứng xử với đối tác; Lựa chọn và phân loại đối tác trên các tiêu chí cơ bản: công nghệ, thị phần, thương hiệu và sự hợp tác; Xây dựng liên minh lâu dài với các đối tác theo lĩnh vực, theo địa lý hoặc theo phân khúc thị trường/khách hàng; Thực hiện đầy đủ các cam kết với đối tác; Thiết lập việc trao đổi thông tin hai chiều giữa các đơn vị trong Tập đoàn và đối tác, phối hợp hành động để tạo điều kiện giải quyết nhanh nhất các vấn đề phát sinh; Thường xuyên đánh giá khả năng của đối tác trong việc phối hợp, cung cấp sản phẩm/dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu.



Cộng đồng

Nỗ lực đóng góp cho cộng đồng, coi đó là điểm tựa cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Mục tiêu	Hành động của FPT
<ul style="list-style-type: none"> Đóng góp và mang lại lợi ích cho cộng đồng; Nâng cao hình ảnh và niềm tin trong cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật; Triển khai các chương trình trao học bổng, hỗ trợ tài năng trẻ; Phát triển các chương trình ứng dụng CNTT vào giáo dục, hoạt động xã hội để tri thức và công nghệ mới được phát triển khắp cộng đồng; Tổ chức Ngày Vì cộng đồng (13/03) để toàn thể CBNV đóng góp những hành động thiết thực cho xã hội; Thành lập và triển khai Quỹ Người FPT vì cộng đồng để chủ động, kịp thời hỗ trợ đồng nghiệp, đồng bào khi gặp khó khăn; Đẩy mạnh các chương trình thiện nguyện của Công ty như xây dựng tủ sách, trao học bổng cho những trẻ em nghèo; tặng quà bệnh nhi; hiến máu nhân đạo,...



SỰ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)



Chính phủ và các bộ, ban ngành

Tích cực trong việc phối hợp với các cơ quan ban ngành thực thi các chính sách của Chính phủ; các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước vì sự phát triển bền vững của Công ty và góp phần hưng thịnh quốc gia.

Mục tiêu	Hành động của FPT
Thực thi tốt nhất nghĩa vụ đối với Nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của doanh nghiệp như nghĩa vụ nộp thuế, đóng bảo hiểm xã hội,...
Tuân thủ đầy đủ quy định công bố thông tin đối với các tổ chức niêm yết.	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn theo quy định; Áp dụng bộ tiêu chuẩn thực hiện công bố thông tin qua cổng IDS của Ủy ban Chứng khoán, tham gia các lớp tập huấn, khóa đào tạo khi có yêu cầu.
Tăng cường mối quan hệ tốt với Chính phủ và các bộ, ban ngành.	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia các hiệp hội ngành CNTT như Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA), Hiệp hội An Toàn thông tin, Hội Tin học,...; Tích cực tham gia góp ý vào các văn bản, văn kiện liên quan khi được yêu cầu; Tích cực tham gia các chương trình xúc tiến kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư, quảng bá của Chính phủ, bộ ngành có liên quan tại thị trường trong nước và nước ngoài; Hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp cùng ngành.



Báo chí và các cơ quan truyền thông

Cung cấp kịp thời và minh bạch các thông tin liên quan đến hoạt động của FPT cũng như các đơn vị thành viên.

Mục tiêu	Hành động của FPT
Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động của FPT nói riêng và của ngành CNTT - VT nói chung.	<ul style="list-style-type: none"> Chủ động cung cấp thông tin thường xuyên cho báo chí, thông qua: Bản tin FPT, Thông cáo báo chí, họp báo, bài viết, ...; Hỗ trợ và giải đáp các câu hỏi của báo chí thường xuyên và kịp thời; Đưa ra các phân tích, đánh giá về xu hướng phát triển của ngành CNTT-VT trong nước cũng như dự báo xu hướng thế giới... giúp báo chí có thông tin tổng quan về Ngành.



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

NGUYÊN TẮC VÀ QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Nguyên tắc

Dựa trên bối cảnh thị trường CNTT trong nước và thế giới, thông tin phản hồi và mối quan tâm của các bên liên quan, Báo cáo đánh giá và xác định các vấn đề trọng yếu trong mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quy trình

Quy trình đánh giá và xác định các vấn đề trọng yếu gồm:



DANH SÁCH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

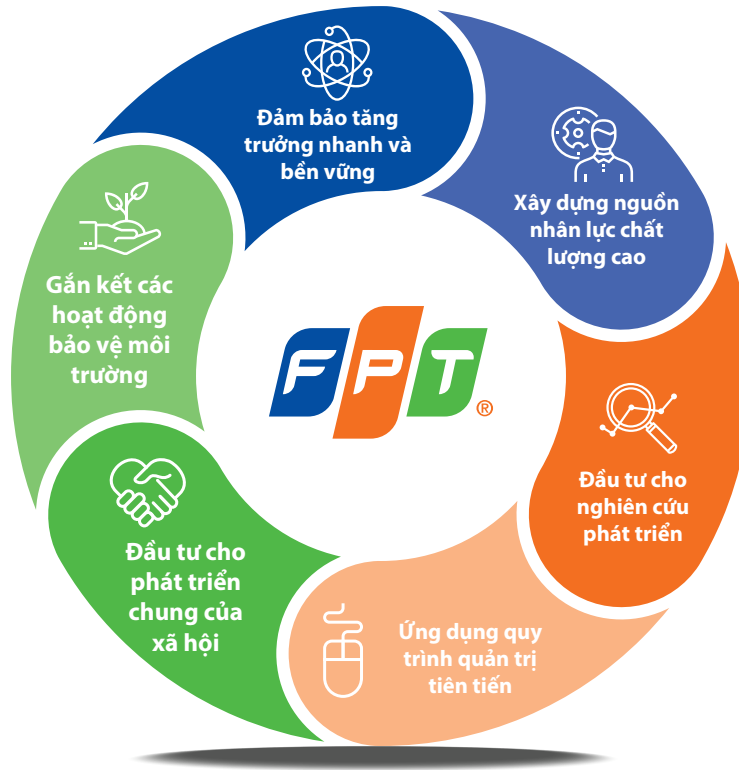
Danh sách các vấn đề trọng yếu trong mối tương quan với các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường

Các vấn đề trọng yếu	Nội dung chính
Đảm bảo tăng trưởng vững chắc về kinh tế	Các định hướng, giải pháp tăng trưởng vững chắc về kinh tế
Đầu tư nghiên cứu phát triển	Các định hướng và hoạt động nghiên cứu phát triển
Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao	Tổng quan nguồn nhân lực, định hướng, chính sách liên quan đến phát triển nguồn nhân lực
Ứng dụng các quy trình quản trị tiên tiến	Mô hình và hoạt động quản trị
Đầu tư cho sự phát triển chung của xã hội	Định hướng và các hoạt động liên quan đến đầu tư cho sự phát triển chung của xã hội
Gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường	Định hướng và các hoạt động, sáng kiến liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

Ma trận các vấn đề trọng yếu



PHÂN TÍCH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



Đảm bảo tăng trưởng vững chắc về kinh tế

FPT hiểu rằng chỉ có đảm bảo các mục tiêu kinh tế, Công ty mới có thể phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.

FPT xác định phải đảm bảo các vấn đề trọng yếu sau:

- Liên tục tìm kiếm và mở rộng địa bàn hoạt động tại thị trường trong nước và quốc tế, tạo động lực tăng trưởng cho Công ty, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Liên tục tìm kiếm các mô hình kinh doanh phù hợp, mang lại lợi ích cho khách hàng, xã hội và tạo nguồn doanh thu mới cho Công ty;
- Liên tục nghiên cứu, đưa ra các giải pháp công nghệ mới có giá trị gia tăng cao và nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Kết quả đạt được năm 2015:

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng hai con số

Năm 2015, doanh thu của toàn Tập đoàn đạt 40.003 tỷ đồng, tăng 13,9% so với 2014 và lợi nhuận đạt 2.851 tỷ đồng, tăng trưởng 15,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng trưởng 40,9%, tương đương 4.851 tỷ đồng.

Đóng góp cho phát triển kinh tế Việt Nam

- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước

	Đơn vị: tỷ VND	Tỷ lệ tăng trưởng
2013	4.043	8,8%
2014	4.913	21,5%
2015	6.000	22,1%

- Thuộc TOP 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Trong Bảng xếp hạng 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam (V1000) 2015, FPT đứng vị trí thứ 36.
- Góp phần giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế và giải quyết các bài toán của xã hội. Cụ thể như sau:
 - ✓ **Trong lĩnh vực Chính phủ điện tử:** Hệ thống Thông tin Chính quyền điện tử (FPT.eGOV) do FPT phát triển được triển khai trong 539 cơ quan Nhà nước tại 22 tỉnh thành trên toàn quốc.
 - ✓ **Trong lĩnh vực Tài chính công:** FPT làm tổng thầu dự án “Ứng dụng CNTT đáp ứng quản lý thuế thu nhập cá nhân”, phục vụ việc quản lý 20 triệu đối tượng nộp thuế, với 7.000 người sử dụng, 800 điểm triển khai tại 63 tỉnh thành.
 - ✓ **Trong lĩnh vực Giao thông:** FPT phối hợp cùng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xây dựng Hệ thống Bán vé điện tử tạo thuận lợi cho người dân khi mua vé tàu, giúp ngành Đường sắt giảm thiểu các vấn đề tiêu cực trong việc bán vé. Bên cạnh đó, FPT cũng đã thực hiện thí điểm Đề án Xây dựng Hệ thống giám sát xử lý vi phạm giao thông trên tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm luật giao thông.
 - ✓ **Trong lĩnh vực Y tế:** Hệ thống Quản lý tổng thể bệnh viện (FPT.eHospital) do FPT phát triển được triển khai tại hơn 100 bệnh viện và phòng khám trên toàn quốc góp phần giảm thời gian tiếp nhận bệnh nhân, thời gian khám – chữa bệnh cho bệnh nhân và các thủ tục viện phí, phát thuốc... FPT cũng đã triển khai Hệ thống Giám định BHYT trực tuyến (FPT.eClaim) tại Hải Phòng, kết nối thông tin với 100% cơ sở khám chữa bệnh tại tuyến xã, huyện, tỉnh; thực hiện thanh quyết toán 700.000 hồ sơ (tính từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2015).
 - ✓ **Trong lĩnh vực Hải quan:** FPT xây dựng và triển khai hệ thống thông quan điện tử (FPT.eCustoms) hỗ trợ 34 Cục Hải quan, 300 Chi cục Hải quan, 6.000 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ thông quan xuống còn 1-3 ngày.
 - ✓ **Trong lĩnh vực Giáo dục:** FPT tiên phong trong đào tạo và thực hành gắn liền với thực tiễn công việc. Hiện, Đại học FPT có khoảng 17.900 sinh viên, học viên đang theo học các hệ đào tạo, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc phát triển đất nước.

Đóng góp cho ngành CNTT

Thành công trong xuất khẩu phần mềm, góp phần đưa

Việt Nam có tên trong bản đồ số của thế giới thông qua việc:

- Trở thành đối tác quan trọng của các hãng công nghệ lớn như Microsoft, Amazon Web Services,...
- Cung cấp dịch vụ/giải pháp cho 400 tập đoàn/công ty lớn trong các lĩnh vực công nghệ, hàng không, điện tử, tài chính ngân hàng, thiết bị y tế, ... trên thế giới.
- Trong 03 năm liên tiếp (2014-2016), FPT lọt vào danh sách 100 nhà cung cấp dịch vụ ủy thác hàng đầu thế giới do Hiệp hội các chuyên gia ủy thác chuyên nghiệp quốc tế (IAOP) đánh giá.

Đóng góp tích cực cho lĩnh vực Internet của Việt Nam thông qua việc là một trong những nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên; là thành viên của các tuyến cáp quang biển quốc tế; sở hữu hạ tầng viễn thông lớn với tổng chiều dài trên 9.200km.

Tiên phong trong việc nghiên cứu, phát triển các dịch vụ theo xu hướng công nghệ mới S.M.A.C/IoT. Hiện FPT đang là đối tác phát triển ứng dụng trên nền công nghệ S.M.A.C cho nhiều công ty lớn trên phạm vi toàn cầu.



Đầu tư nghiên cứu phát triển

Hoạt động trong ngành CNTT - VT, ngành có sự phát triển và thay đổi nhanh chóng, FPT xác định đầu tư nghiên cứu và phát triển là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp Công ty bắt kịp các xu hướng công nghệ mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Theo đó, FPT sẽ tập trung theo hướng:

- **Tiên phong trong thế giới số**
 - ✓ Nghiên cứu phát triển giải pháp, dịch vụ thông minh dựa trên công nghệ mới nhất;
 - ✓ Tạo ra mô hình kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ S.M.A.C, IoT;
 - ✓ Xây dựng môi trường phát triển cho các ý tưởng công nghệ sáng tạo.
- **Thúc đẩy việc ứng dụng Big Data** mở rộng hoạt động và mô hình kinh doanh sản xuất tại các CTTV.
- **Nâng cao năng lực, chất lượng chuyên gia công nghệ** thông qua việc cải tiến các hội thảo công nghệ; nghiên cứu, xây dựng kế hoạch đào tạo bài bản và khoa học.
- **Phát triển cộng đồng công nghệ** cho những người làm công nghệ tại FPT và Việt Nam thông qua các kênh online, offline, chia sẻ kiến thức, các công nghệ mới, các nền tảng công nghệ cho cộng đồng sử dụng (dự án Open FPT).



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

Kết quả và hoạt động tiêu biểu đạt được năm 2015

Đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển

Từ năm 2012, HĐQT FPT đã quyết định trích 5% lợi nhuận trước thuế hàng năm cho công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) chung của Công ty. Bên cạnh đó, mỗi đơn vị thành viên của Công ty cũng dành một khoản ngân sách riêng đáng kể cho lĩnh vực R&D.

Thành lập Quỹ đầu tư FPT (FPT Ventures)

Quỹ là nơi đầu tư và ươm mầm cho các startup thông qua việc cung cấp tài chính, nguồn lực cũng như hỗ trợ đào tạo các kỹ năng về công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Hiện Quỹ đã tiếp nhận khoảng 350 hồ sơ đăng ký và đang lựa chọn các ý tưởng phù hợp để đầu tư.

Xếp hạng cán bộ công nghệ cấp Tập đoàn

Năm 2015 là năm thứ ba FPT xếp hạng cán bộ công nghệ cấp Tập đoàn. Các cán bộ công nghệ được xếp hạng theo 09 tiêu chí: học vấn (bằng cấp, chứng chỉ công nghệ); ngoại ngữ; kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ toàn cầu; kinh nghiệm làm việc với chức danh công nghệ; mức độ quan trọng đối với tổ chức; doanh số ảnh hưởng; mức độ ảnh hưởng với các cán bộ công nghệ khác; hiểu biết về ngành CNTT; khả năng làm việc với khách hàng, đối tác. Tính đến nay, FPT đã vinh danh 113 cán bộ công nghệ cấp Tập đoàn.

Thử nghiệm dự án Rogo

Rogo là một thử nghiệm nghiên cứu, phát triển giải pháp IoT dựa trên nền tảng công nghệ S.M.A.C. FPT mong muốn biến Rogo trở thành trung tâm điều khiển, kết nối các thiết bị thông minh trong gia đình. Trong năm 2016, sản phẩm sẽ được triển khai thử nghiệm tại thị trường Việt Nam.

Ứng dụng và ươm mầm một số sản phẩm/dự án liên quan đến xu hướng công nghệ mới

- FPT đã ứng dụng công nghệ Big Data vào một số sản phẩm cốt lõi của Tập đoàn như tự động hoá việc khuyến nghị nội dung phù hợp cho độc giả của trang tin VnExpress, công nghệ cá nhân hoá cho FPT Play.

- Ra mắt Hệ thống phát hiện mối đe dọa nâng cao CyRadar. Hệ thống này đã lọt Top 10 startup tiềm năng khu vực châu Á do Echelon (e27.co), diễn đàn hàng đầu châu Á về khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, bình chọn. Đồng thời, CyRadar cũng được Hiệp hội An toàn Thông tin Việt Nam công nhận là Sản phẩm an toàn thông tin chất lượng cao 2015.

- Ươm mầm và tách (spin-off) thành công Sàn giao dịch mua bán trực tuyến ANTS, mở ra mảng kinh doanh mới về quảng cáo ứng dụng Big Data.

Xây dựng quan hệ đối tác với một số hãng công nghệ lớn

- Trở thành đối tác Cloud chiến lược của AWS và Microsoft Nhật Bản.
- Trở thành một trong những đối tác đầu tiên của GE trong việc triển khai Industrial IoT.
- Tham gia và có tham luận tại một số hội thảo khoa học quốc tế; tham gia các hội thảo về công nghệ trên thế giới: Gartner, AWS re:Invent...

Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ:

- Tổ chức 50 hội thảo chuyên về các chủ đề công nghệ liên quan đến thực tế triển khai các dự án công nghệ như: Cloud, Security, Data Analytics, IoT...
- Triển khai chương trình đào tạo Solution Architect, các chứng chỉ cao cấp.



Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao

Với định hướng “đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển đầy đủ nhất về tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần”, FPT luôn chú trọng thu hút nhân tài và xây dựng một môi trường làm việc năng động, sáng tạo cùng những chính sách đãi ngộ tốt nhất. Năm 2015, Tập đoàn đã tuyển mới gần 5.000 CBNV, tăng gần 21,8% so với năm 2014 và chi 71,4 tỷ đồng cho các hoạt động đào tạo nội bộ.

Tổng quan nguồn nhân lực

Tính đến hết tháng 12/2015, quy mô nhân sự FPT đạt 26.818 người, tăng 21,8% so với 2014, trong đó tổng số kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ đạt 10.617 người, tăng 24,4% so với cùng kỳ.

Số lượng nhân sự qua các năm và tốc độ tăng trưởng

	Đơn vị: Người	Tỷ lệ tăng trưởng
2011	12.969	5,4%
2012	14.912	14,9%
2013	17.417	16,8%
2014	22.016	26,3%
2015	26.818	21,8%

Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi năm 2015

	Số lượng (người)	Tỷ lệ %/tổng nhân sự
Dưới 25 tuổi	8.853	33,0
Từ 25 đến 30 tuổi	11.375	42,4
Từ 31 đến 40 tuổi	5.940	22,1
Từ 41 đến 50 tuổi	517	2,0
Trên 50 tuổi	133	0,5

Cơ cấu nhân lực theo trình độ năm 2015

	Số lượng (người)	Tỷ lệ %/tổng nhân sự
Trên Đại học	1.069	4,0
Đại học	16.337	60,9
Dưới Đại học	9.412	35,1

Chính sách cho người lao động

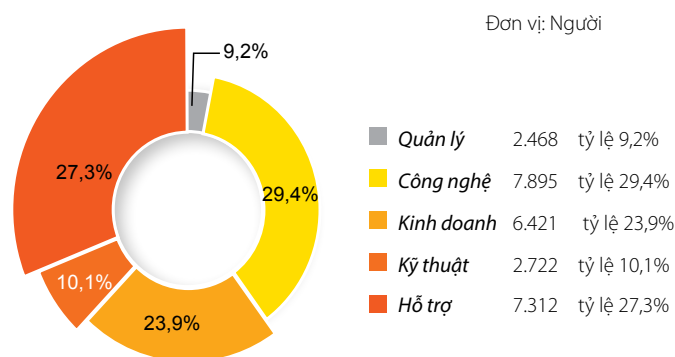
Tài sản lớn nhất của FPT là con người, vì vậy chúng tôi luôn ghi nhận và hiện thực hóa những nỗ lực và đóng góp của CBNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tập đoàn thông qua những chính sách cụ thể.

- **Chính sách đãi ngộ:** FPT rất chú trọng đến chính sách đãi ngộ, quan tâm đến đời sống của CBNV với phương châm tạo cơ hội để họ có một cuộc sống "đầy đủ về vật chất và phong phú về tinh thần".

Chính sách đãi ngộ của FPT được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí:

- ✓ Tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho FPT.

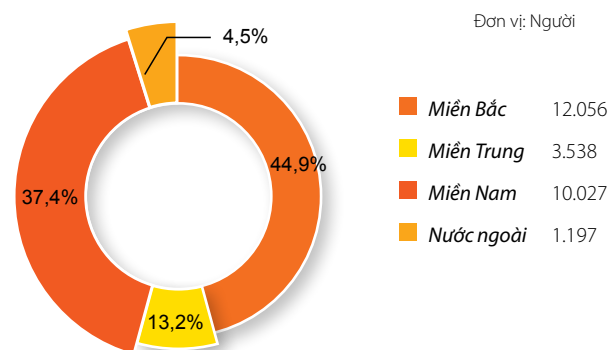
Cơ cấu nhân lực theo chức năng công việc 2015



Cơ cấu nhân lực theo giới tính năm 2015

	Số lượng (người)	Tỷ lệ %/tổng nhân sự
Tổng số	26.818	
Nam	16.793	62,6
Nữ	10.025	37,4

Cơ cấu nhân lực theo khu vực địa lý 2015



- ✓ Cạnh tranh theo thị trường.
- ✓ Khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc.
- ✓ Công bằng và minh bạch.

Hệ thống đãi ngộ FPT được phân thành:

- ✓ Lương: lương sản xuất kinh doanh (12 tháng).
- ✓ Lương tháng thứ 13 được thưởng vào dịp thành lập Tập đoàn và Tết Dương lịch.
- ✓ Phụ cấp: đi lại, cước điện thoại, kiêm nhiệm.
- ✓ Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc.
- ✓ Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp...



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

- **Chính sách đào tạo:** Công nghệ đòi hỏi sự thay đổi và sáng tạo không ngừng, để làm được điều đó FPT đã xây đắp nên các thể hệ nhân viên không ngừng học hỏi và phấn đấu đưa FPT đến hết thành công này đến thành công khác.

Kết quả đạt được trong năm 2015:

- ✓ Chi 71,4 tỷ đồng cho các hoạt động và chương trình đào tạo nội bộ với 195.240 lượt người được đào tạo.
- ✓ Thành lập Trường Đào tạo cán bộ (FPT Corporate University - FCU) trên cơ sở Học viện Lãnh đạo (FPT Leadership Institutes - FLI) trước đây với quyết tâm đưa Tập đoàn trở thành một tổ chức học hỏi. Năm 2015 FCU đã tổ chức hơn 220 lớp học như MiniMBA, cán bộ cốt cán, đào tạo ngành dọc,... thu hút trên 7.000 lượt CBNV tham gia. Đồng thời triển khai thành công 10 chương trình “72h trải nghiệm” cho gần 700 tân binh trên toàn quốc.
- ✓ Ban hành Quy định Đào tạo nội bộ cho Tập đoàn và các CTTV. Theo đó CBNV FPT từ level 3 trở lên sẽ tham gia học tập hàng năm theo chương trình đào tạo do FCU quy định hoặc hoàn thành ít nhất 01 khóa học online trên MOOC (Massive Open Online Course). Tính đến hết năm 2015, tỷ lệ CBNV đăng ký học và hoàn thành học trên MOOC chiếm 73% trên tổng số CBNV trong diện cần hoàn thành chương trình học tập. Có gần 50% cán bộ từ level 5 trở lên tham gia giảng dạy, đặc biệt tổng số giờ dạy của cán bộ quản lý lên đến 12.488 giờ.

Một số chương trình đào tạo chính: đào tạo tân binh; đào tạo cán bộ công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn; đào tạo lực lượng cán bộ kế cận.

- **Chính sách phúc lợi:** Để CBNV có thể trạng tốt nhất từ đó phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc, FPT luôn quan tâm, chú trọng thiết kế các chính sách phúc lợi khác biệt. Cụ thể như sau:
 - ✓ Phối hợp với các bệnh viện, phòng khám uy tín để kiểm tra sức khỏe tổng thể định kỳ miễn phí 01 lần/năm cho toàn thể CBNV của Tập đoàn và các CTTV;
 - ✓ Phối hợp với các đơn vị bảo hiểm thực hiện chương trình bảo hiểm phúc lợi cho cán bộ nhân viên và người thân (FPT Care) nhằm giảm bớt áp lực về kinh tế và được sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao khi người lao động gặp rủi ro do tai nạn, ốm đau, bệnh tật với tổng mức chi lên đến hơn 20 tỷ đồng;
 - ✓ Khuyến khích CBNV rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao, các câu lạc bộ thể thao, xây dựng các phòng tập và bể bơi trong khuôn viên Công ty;
 - ✓ Chế độ nghỉ mát hàng năm cho CBNV với chi phí hỗ trợ từ Công ty.

Thu hút và bồi dưỡng nhân tài

Chúng tôi chấp nhận mọi người như họ vốn có, cả mặt mạnh, mặt yếu, cả điểm tốt và chưa hoàn thiện, đồng thời, tạo điều kiện tối đa để các thành viên được là chính mình, được thực hiện những hoài bão của mình.

- **Tổ chức thi Trạng:** từ năm 2003, FPT tổ chức thi Trạng nhằm tìm kiếm và phát triển những tài năng mới cho Công ty. Nhiều Trạng nguyên đã được bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc FPT, Tổng Giám đốc FPT IS, Tổng Giám đốc FPT Software,...
- **Sinh viên thực tập tài năng:** được triển khai từ năm 2003 đến nay nhằm tuyển chọn những sinh viên xuất sắc ở cả hai khối Kinh tế và Công nghệ làm hạt giống cho các vị trí quản lý tiềm năng.
- **Quy hoạch cán bộ:** nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ trẻ, được rèn luyện và trải nghiệm thực tế, hiểu biết sâu rộng về hoạt động kinh doanh, giá trị cốt lõi FPT để có thể sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo và quản lý cấp cao của Tập đoàn và các CTTV.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Tăng/ giảm so với 2014
Ngân sách dành cho đào tạo	71,4 tỷ VNĐ	52,8%
Số lượt đào tạo	195.240 lượt	149,2%
Số giờ đào tạo	1.246.175 giờ	466,0%
Chi phí đào tạo/ người	3,1 triệu VNĐ/ người	47,6%
Số lượt đào tạo/ người	8,5 lượt/người	136,2%
Số giờ đào tạo/người	54,3 giờ/người	443,0%
Số các chứng chỉ công nghệ của CBNV FPT	3.000 chứng chỉ	50,0%

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp độc đáo

FPT là một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng và duy trì được các giá trị văn hóa doanh nghiệp độc đáo tạo lợi thế riêng cho Tập đoàn trong thu hút nhân tài, cũng như tạo sự gắn kết giữa các CBNV và giữa CBNV với Công ty.

Văn hóa ở FPT được hiểu là tổng hợp các quy tắc ứng xử trong mọi hoạt động kinh doanh sản xuất cũng như các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBNV.

Quy tắc ứng xử xuyên suốt của FPT chính là tinh thần người FPT hướng tới: “Tôn trọng – Đổi mới – Đồng đội”.

Theo đó, mỗi CBNV FPT cần có tinh thần “Tôn trọng – Đổi mới – Đồng đội”.

- **TÔN TRỌNG** - là Tôn trọng cá nhân, bao gồm: **Nói thẳng, Lắng nghe và Bao dung**. Ở FPT, cấp dưới có thể nói thẳng với cấp trên, không phân biệt vị trí cao thấp, quan hệ thân sơ.
- **ĐỔI MỚI** - là Tinh thần đổi mới, bao gồm: **Học hành, Sáng tạo và STCo** (là sự hài hước, hóm hỉnh đặc trưng của người FPT).
- **ĐỒNG ĐỘI** - là Tinh thần đồng đội, bao gồm: **Đồng tâm, Tập thể và Chân tình**.

Mỗi người lãnh đạo của FPT cần có được 3 giá trị cốt lõi là **“Chí công – gương mẫu – Sáng suốt”**.

- **CHÍ CÔNG** - là nền tảng quan trọng nhất để lãnh đạo xây dựng niềm tin trong nhân viên và để nhân viên làm việc hết mình thay vì xu nịnh lãnh đạo.
- **GƯƠNG MẪU** – lãnh đạo là người thể hiện rõ nét nhất về Tinh thần FPT, về giá trị của ba chữ “Tôn Trọng – Đổi Mới”.
- **SÁNG SUỐT** – lãnh đạo phải có tầm nhìn xa và tính quyết đoán.

Bên cạnh đó, FPT rất chú trọng triển khai các hoạt động văn hóa, đảm bảo đời sống tinh thần phong phú cho CBNV, tạo cho mọi người sự phấn khởi và hăng say trong công việc thông qua các sự kiện được tổ chức thường niên như: ngày Vì cộng đồng (13/03); ngày thành lập Công ty; ngày Văn nghệ FPT (19/05); ngày Hướng về Cội nguồn (dịp 10/03 Âm lịch); ngày Phụ huynh (19/11); hội làng FPT (22/12 Âm lịch)...

Cam kết của FPT trong sử dụng nguồn nhân lực

Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực tại FPT

- Xây dựng đội ngũ nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn cao có đủ khả năng làm việc trên phạm vi toàn cầu;
- Đầu tư phát triển đội ngũ kỹ sư, chuyên gia công nghệ sẵn sàng tiếp cận với các xu hướng công nghệ mới nhất và đủ năng lực làm việc với các đối tác công nghệ lớn trên thế giới.

Cam kết của FPT trong sử dụng lao động

- Thực hiện đúng các điều khoản trong bộ Luật Lao động và các điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể;
- Đảm bảo quyền tự do tham gia hoạt động Công đoàn của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn hoạt động theo Luật Công đoàn và Bộ luật Lao động;
- Ký hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty;
- Bố trí người lao động vào các công việc phù hợp với trình độ, chuyên môn, năng lực, sở trường, sức khỏe, vị trí công tác và giới tính của người lao động;
- Tuyển dụng theo đúng quy trình được đăng tải công khai trên website của Công ty. Theo đó, các đối tượng tham gia dự tuyển không phải đóng bất kỳ lệ phí thi tuyển nào và việc tuyển chọn dựa trên năng lực cá nhân, độ tuổi;
- Tạo môi trường làm việc sáng tạo. FPT chú trọng phát triển cơ sở vật chất, xây dựng môi trường làm việc hiện đại, thân thiện môi trường. Trong đó, có những khu văn phòng được xây dựng theo mô hình campus như F-Ville (khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội), F-Town (khu Công nghệ cao Quận 9, Tp.HCM), FPT Complex (khu đô thị công nghệ cao Đà Nẵng).



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)



Ứng dụng các quy trình quản trị tiên tiến hướng đến phát triển bền vững

FPT xác định quản trị doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững. Bên cạnh việc xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và vận dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới, FPT cũng đã ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt.

Mô hình quản trị và vai trò của các bên



	Vai trò, hoạt động	Bộ phận chịu trách nhiệm
Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt, ban hành Chiến lược và Định hướng Phát triển Bền vững trên toàn Tập đoàn. 	<ul style="list-style-type: none"> HDQT
Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng mục tiêu phát triển bền vững cụ thể cho từng khối, ban chức năng của Tập đoàn và đơn vị thành viên; Chỉ đạo triển khai các vấn đề phát triển bền vững; Giám sát kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của các khối, ban chức năng của Tập đoàn và đơn vị thành viên. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc và Giám đốc Trách nhiệm Xã hội.
Các phòng/ ban của Tập đoàn	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai các hoạt động phát triển bền vững tại Tập đoàn; Tư vấn và hỗ trợ việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững tại các CTTV. 	<ul style="list-style-type: none"> Ban Truyền thông kết hợp với các phòng/ban của Tập đoàn.
Kiểm soát nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá độc lập và khách quan hệ thống kiểm soát quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động; Báo cáo, đề xuất theo định kỳ và đột xuất khi phát sinh vấn đề trong hoạt động phát triển bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> Đội Quản lý về Thẻ điểm cân bằng (BSC); Ban Quản lý chất lượng; Ban Truyền thông.
Các công ty thành viên	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai các hoạt động phát triển bền vững tại đơn vị theo kế hoạch; Báo cáo hoạt động trách nhiệm xã hội tại đơn vị đến Ban Điều hành Tập đoàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận chịu trách nhiệm phát triển bền vững tại các CTTV.

Quản trị rủi ro liên quan tới phát triển bền vững

Trong những năm qua, Tập đoàn FPT luôn chú trọng tới việc thực hiện quản lý rủi ro liên quan tới phát triển bền vững dựa trên các góc độ về:

- Đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống của FPT.
- Đánh giá và quản lý rủi ro của môi trường xã hội tác động đến FPT và các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của FPT tác động đến môi trường xã hội.
- Xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn vào chiến lược kinh doanh.
- Xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan.

Bên cạnh đó, Tập đoàn FPT cũng thực hiện BCPTBV theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. BCPTBV là công bố và cam kết chịu trách nhiệm của Tập đoàn trước các bên liên quan về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Thông qua báo cáo, Tập đoàn đánh giá và công bố thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên các khía cạnh môi trường và xã hội bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị vốn. BCPTBV là cách thức mới để xây dựng và định lượng giá trị của doanh nghiệp.

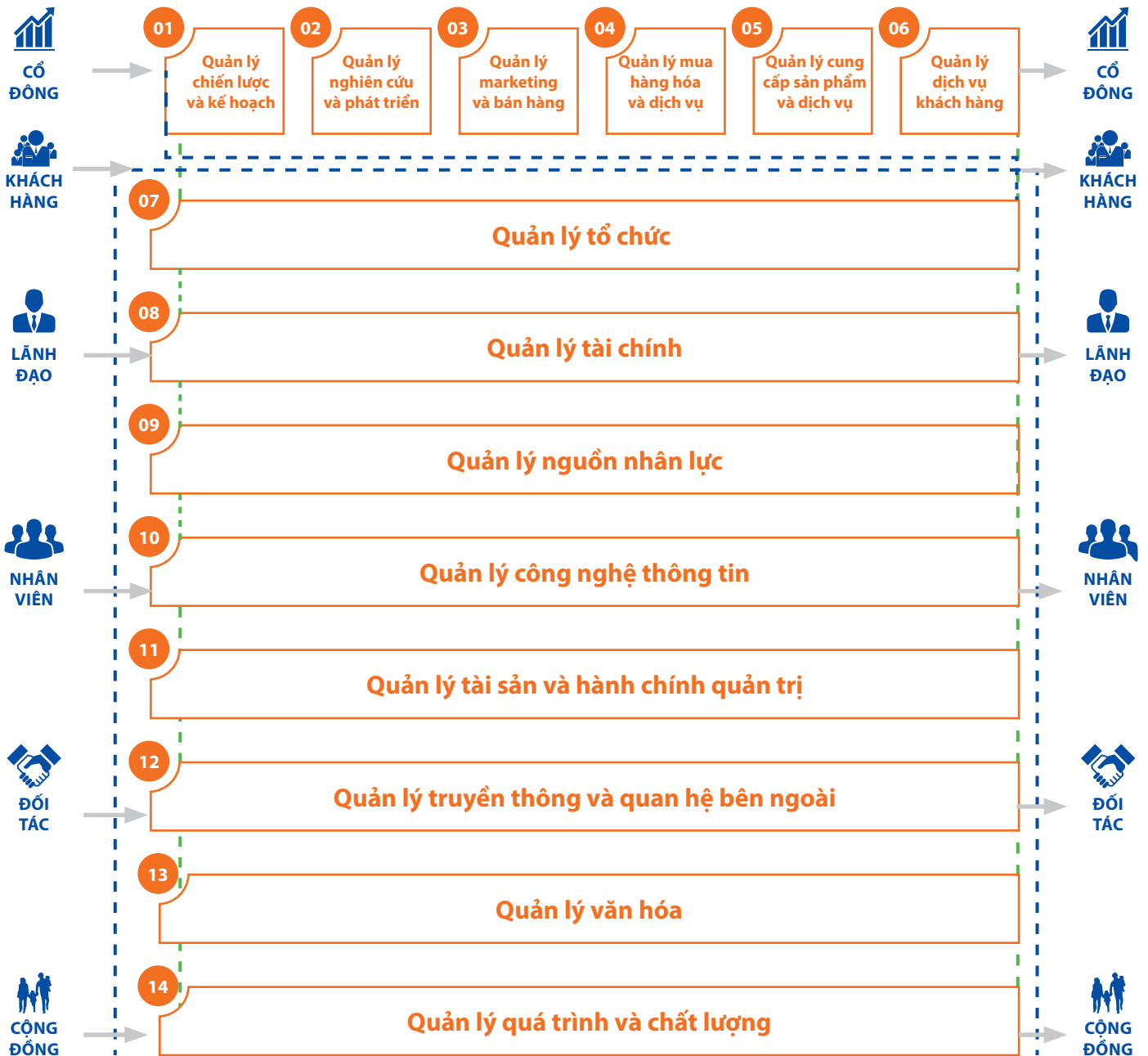


XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

Gắn kết môi trường, xã hội, quản trị (ESG) trong chuỗi giá trị của FPT

Phát triển bền vững luôn được lồng ghép trong chiến lược phát triển của Công ty như một hoạt động song hành cùng các hoạt động phát triển kinh doanh và luôn được xem xét trên 03 khía cạnh: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Mô hình các yếu tố đầu vào, đầu ra và ảnh hưởng từ hoạt động của doanh nghiệp tới các bên liên quan, môi trường và xã hội



Để đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động, FPT tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi (CNTT - VT) và hướng đến mục tiêu trở thành Tập đoàn Công nghệ toàn cầu hàng đầu của Việt Nam, đặc biệt là trong các xu hướng công nghệ mới.

Nâng tầm quản trị doanh nghiệp

Ban Lãnh đạo FPT tin tưởng: liên tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và quản lý sản xuất là phương thức hiệu quả nhất đảm bảo hài lòng khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và đem lại lợi ích bền vững cho cổ đông.

Triển khai BSC nhằm xây dựng hệ thống quản lý triển khai chiến lược hiện đại. BSC được đánh giá là 1 trong 10 công cụ quản trị hiệu quả nhất thế giới và được áp dụng ở hầu hết các tập đoàn lớn trên toàn cầu. FPT đã xây dựng thành công đội ngũ quản lý triển khai chiến lược tại tất cả các CTTV. Năm 2014, BSC đã được triển khai tại mọi bộ phận sản xuất kinh doanh và các ban chức năng trong toàn FPT.

Triển khai cấu trúc thu nhập mới trên nền tảng mô hình quản trị nhân sự đẳng cấp quốc tế giúp nâng cao tính minh bạch; khuyến khích nhân viên trong công việc; gia tăng động lực cho những mũi tấn công chiến lược của công ty; tạo thuận lợi cho FPT mở rộng quy mô nhân sự tại nước ngoài, thúc đẩy chiến lược Toàn cầu hóa.

Bên cạnh đó, FPT không ngừng cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng các phương pháp quản trị và tiêu chuẩn quốc tế nhằm đem lại sự hài lòng cho khách hàng và tối ưu hóa chi phí.

FPT là doanh nghiệp CNTT đầu tiên tại Đông Nam Á nhận được chứng chỉ ISO 9001, áp dụng cho toàn Công ty. Ngoài ra, FPT còn đạt nhiều chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế cho từng lĩnh vực hoạt động.

Lĩnh vực hoạt động	Chứng chỉ/Chứng nhận
Công nghệ (Phát triển phần mềm; Tích hợp hệ thống; Dịch vụ CNTT)	<ul style="list-style-type: none"> CMMi5: Chứng chỉ dành riêng cho hoạt động phát triển phần mềm. ISO 27001: Chuẩn Hệ thống Quản lý bảo mật thông tin. ISO 20000: Chuẩn dành riêng cho hệ thống quản lý dịch vụ công nghệ thông tin
Viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> ISO 50001:2011: Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống Quản lý Năng lượng. Uptime Tier III: Chứng chỉ quốc tế dành cho Data Center. ISO 27001: Chuẩn Hệ thống Quản lý Bảo mật thông tin.
Phân phối, bán lẻ và sản xuất thiết bị công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> ISO 14001: Chuẩn về Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất/kinh doanh. ISO 17025: Chuẩn về năng lực của phòng thí nghiệm/kiểm thử.
Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> Xếp hạng quốc tế 3 sao theo chuẩn QS (một trong các chuẩn xếp hạng hàng đầu dành cho trường đại học trên toàn thế giới).



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)



Đầu tư cho sự phát triển chung của xã hội

Con người là sức mạnh cốt lõi của FPT, nên chúng tôi tập trung đầu tư cho giáo dục, cho thế hệ trẻ và xem đây là đầu tư cho tương lai. FPT tin tưởng rằng, với thế mạnh về công nghệ và lực lượng tri thức đông đảo cùng môi trường làm việc sáng tạo, FPT sẽ tạo lập giá trị chung cho công ty và cộng đồng thông qua việc góp phần phát triển nguồn nhân lực cho công ty và xã hội.

Chúng tôi cũng mong muốn xây dựng một tập thể người FPT có tấm lòng nhân ái và có trách nhiệm với cộng đồng, công ty cũng kêu gọi sự đóng góp, chung tay của các CBNV trong các hoạt động xã hội.

Năm 2015, FPT và CBNV đã chi 33,6 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội, trong đó:

- Từ ngân sách của Tập đoàn: gần 30 tỷ đồng
- Đóng góp của CBNV FPT: 3,6 tỷ đồng

Các chương trình hoạt động chính:

Đầu tư hỗ trợ giáo dục và thế hệ trẻ

FPT đã đầu tư 30,8 tỷ đồng hỗ trợ cho giáo dục và thế hệ trẻ, mang lại lợi ích cho hơn 20 triệu học sinh, sinh viên Việt Nam thông qua một số chương trình chính như cấp học bổng cho học sinh - sinh viên; triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ trong đào tạo; cung cấp phương tiện học tập cho học sinh; tôn vinh, khuyến khích học sinh - sinh viên có năng lực trong lĩnh vực. (Chi tiết xem bảng *Các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ năm 2015* trang 105).

Một số chương trình tiêu biểu

- **Trung tâm bồi dưỡng tài năng trẻ FPT** được thành lập với mục đích tập hợp những nhân tài trẻ tuổi của đất nước, tạo điều kiện để họ phát triển một cách toàn diện và tạo tiền đề cho họ trở thành người thành đạt trong xã hội, góp phần hưng thịnh quốc gia.

Năm 2015, Trung tâm đã tuyển thêm 26 thành viên khóa 16, trong đó có 03 thành viên đạt giải quốc tế và 16 thành viên đạt giải quốc gia. Tổng số thành viên 16 khóa của Trung tâm là 393 người, trong đó, có hơn 200 thành viên đang sống và làm việc ở nước ngoài và nhiều thành viên đã thành đạt như anh Đàm Quang Minh, Hiệu trưởng Đại học FPT; anh Vương Vũ Thắng, TGD VCCorp; anh Vương Quang Khải, Phó TGD VNG; anh Nguyễn Hòa Bình, TGD PeaceSoft...

- **Học bổng Nguyễn Văn Đạo** được thực hiện với mục đích mang đến điều kiện học tập tốt nhất và cơ hội phát triển cho những sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn và các tài năng trẻ.

Năm 2015, FPT đã thực hiện trao 682 suất học bổng với tổng giá trị trên 20 tỷ đồng. Tính từ năm 2010 đến nay, đã có 1.149 suất học bổng đã được trao với giá trị gần 88 tỷ đồng.

Cuộc thi giải toán qua mạng internet ViOlympic được triển khai với mục đích đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy và học; tạo sân chơi trực tuyến môn toán và rèn luyện tiếng Anh cho học sinh; tạo điều kiện cho học sinh sử dụng Internet là một phương thức học tập.

Năm 2015, Cuộc thi đã thu hút được **20** triệu thành viên tham gia (tăng gần 2 triệu thành viên so với năm 2014), phổ cập tới hàng nghìn trường tại 63 tỉnh thành. Mỗi ngày ghi nhận trung bình **90.000 – 100.000** thành viên mới.

Các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ năm 2015

STT	Chương trình	Đối tượng	Các chương trình cụ thể	Số người được hỗ trợ/ tham gia	Kinh phí từ công ty	Quyên góp từ CBNV	Tổng kinh phí
1	Cấp học bổng	Học sinh/ sinh viên	Thành lập Trung tâm Bồi dưỡng tài năng trẻ (FYT) Học bổng Nguyễn Văn Đạo Học bổng cho trẻ em nhiễm Dioxin	73 682 200	463.200.000 20.046.679.700		463.200.000 20.046.679.700 240.000.000
2	Triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ trong việc đào tạo	Học sinh từ cấp 1 - cấp 3 Học sinh từ cấp 1 - cấp 3	VíOlympic – cuộc thi giải toán qua mạng bằng tiếng Anh và tiếng Việt giúp hàng triệu học sinh nâng cao kiến thức toán học, tiếng Anh; tiếp cận với tin học hiện đại, đồng thời mở ra hướng mới cho việc ứng dụng CNTT vào chương trình dạy và học. Alice & Scratch - Mục đích của cuộc thi nhằm tạo ra sân chơi mới lạ, hấp dẫn về lập trình cho học sinh. Bên cạnh đó, cuộc thi còn nhằm phổ biến ngôn ngữ lập trình Alice tới các trường THCS và THPT, xóa bỏ những quan điểm cho rằng lập trình rất khó và phổ biến tư duy "Ai cũng lập trình được".	20.000.000 42.514	6.370.000.000 702.000.000		6.370.000.000 702.000.000
3	Cung cấp các phương tiện học tập (máy tính, sách vở...)	Học sinh từ cấp 1 – cấp 3	153 bộ máy tính; 41 Tủ sách "Chắp cánh ước mơ"	15.000	380.910.689	1.751.420.863	2.132.331.552
4	Tôn vinh, khuyến khích học sinh sinh viên có năng lực trong lĩnh vực	Học sinh/ sinh viên	Tổ chức cuộc thi S.M.A.C Challenge cho sinh viên; Olympic Cơ học; Breaking the Limit; Hội thi tin học trẻ; Olympic Tin học Sinh viên Việt Nam lần thứ 24.	1.446	849.753.000		849.753.000
Tổng hợp				20.059.915	28.812.543.389	1.991.420.863	30.803.964.252



XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

Năm 2015 hơn 20.000 CBNV FPT đã tham gia quyền góp cho Quỹ người FPT Vì cộng đồng với tổng số tiền quyền góp được là 4,95 tỷ đồng và gần 6.500 lượt CBNV tham gia trực tiếp hỗ trợ cộng đồng.

Các hoạt động từ thiện, nhân đạo

Kết quả triển khai 2015:

FPT là doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam tổ chức ngày Vì cộng đồng 13/3 hàng năm để toàn thể CBNV trên toàn quốc có những đóng góp và triển khai các hoạt động vì cộng đồng. Cũng trong ngày FPT Vì cộng đồng, FPT kêu gọi CBNV quyền góp 1 ngày lương cho Quỹ Người FPT vì cộng đồng để triển khai các hoạt động hỗ trợ kịp thời cho cộng đồng và CBNV gặp khó khăn.

Năm 2015, FPT và CBNV đã dành gần 2,8 tỷ đồng, tổ chức 71 chương trình từ thiện, nhân đạo như chăm sóc người người bệnh, thăm tặng quà những gia đình và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ thiên tai lũ lụt; tặng 10.000 mũ bảo hiểm cho người dân và học sinh; tổ chức 15 đợt hiến máu nhân đạo với 2.718 đơn vị máu được hiến tặng.

Các chương trình tiêu biểu

- **Ngày Vì cộng đồng 13/03:** vào ngày này hàng năm, CBNV FPT sẽ cùng tham gia các chương trình mang tính cộng đồng được FPT tổ chức trên toàn quốc như: hiến máu nhân đạo, trồng cây xanh, trao học bổng, trao quà cho những hoàn cảnh khó khăn,...

Ngày Vì cộng đồng năm 2015 đã thu hút **4.900 lượt CBNV FPT tham dự các sự kiện tại 59 tỉnh thành;** hiến tặng **625 đơn vị máu;** trao **2.572 phần quà** và **50 suất học bổng; trồng 133 cây xanh.**

- **Quỹ người FPT Vì cộng đồng:** từ năm 2013, trong ngày Vì cộng đồng 13/03, FPT kêu gọi mỗi CBNV đóng góp một ngày lương cho Quỹ người FPT Vì cộng đồng. Quỹ không có tư cách pháp nhân, hoạt động từ nguồn đóng góp tự nguyện của người FPT. Quỹ thể hiện trách nhiệm xã hội và tinh thần tương thân, tương ái của người FPT.

Năm 2015 hơn 20.000 CBNV FPT đã tham gia quyền góp cho Quỹ người FPT Vì cộng đồng với tổng số tiền quyền góp được là 4,95 tỷ đồng và gần 6.500 lượt CBNV tham gia trực tiếp hỗ trợ cộng đồng.

Gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường

Với định hướng doanh nghiệp xanh, FPT đã hướng sự quan tâm của mình đến các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên bằng các giải pháp cụ thể:

Xây dựng văn phòng làm việc thân thiện với môi trường

Với hệ thống văn phòng làm việc trải rộng trên toàn quốc, FPT luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBNV.

Theo đó, khi đầu tư xây dựng các khu văn phòng, FPT luôn thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường. Đồng thời, trong quá trình thiết kế, FPT luôn ưu tiên việc ứng dụng các công nghệ mới, chất liệu thân thiện với môi trường và tận dụng tối đa các nguồn năng lượng tự nhiên để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường cũng như tiêu thụ năng lượng.

- Khu phức hợp văn phòng FPT Complex (Đà Nẵng) được Bộ Xây dựng và Ngân hàng Thế giới trao Chứng chỉ EDGE (Excellence in Design for Greater Efficiencies) dựa trên việc đạt được mức tiết kiệm ít nhất 20% đối với cả ba tiêu chí năng lượng, nước và vật liệu so với các công trình điển hình.
- Năm 2014, tòa nhà hiệu bộ FPT (khu công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội) được vinh danh trong hạng mục Giáo dục tương lai tại Festival kiến trúc thế giới và dành giải nhất tại cuộc thi Kiến trúc xanh do Hội kiến trúc sư Việt Nam tổ chức về việc sử dụng vật liệu xanh và tiết kiệm năng lượng.
- Các khu văn phòng được xây dựng theo mô hình campus (khu nhà văn phòng tích hợp khu vui chơi, giải trí, cây xanh, cảnh quan,...) và thân thiện với môi trường: F-Ville (khu công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội); F-Town (khu công nghệ cao Quận 9, Tp.HCM).

Ứng dụng công nghệ để giảm thiểu tiêu thụ năng lượng

FPT luôn ý thức trong việc ứng dụng công nghệ để giảm thiểu tiêu thụ năng lượng:

- Triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng của Panasonic tại ĐH FPT giúp giảm 341.200kWh trị giá 500 triệu đồng và cắt giảm 192,2 tấn CO₂ hàng năm.
- Triển khai dự án Green IT giảm phát khí thải nhà kính và cắt giảm 255.000kWh điện năng với trị giá 300 triệu đồng hàng năm cho Data Center.
- Nhà máy sản xuất máy tính công suất 240.000 máy/năm đạt chứng nhận Quản lý môi trường ISO 14000 từ 2004 sau 02 năm thành lập.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV

FPT thường xuyên thực hiện các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong CBNV:

- Kết hợp cùng những tổ chức quốc tế và trong nước tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của toàn thể CBNV.
- Xây dựng, điều chỉnh hệ thống giờ sử dụng điện tại các toà nhà văn phòng của Công ty.
- Tuyên truyền, khuyến khích CBNV đi bằng cầu thang bộ và hạn chế sử dụng thang máy
- Thành lập CLB xe đạp, khuyến khích CBNV đạp xe đi làm.
- Hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất.





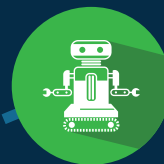
BẢNG THAM CHIẾU CÁC TIÊU CHUẨN TRONG HƯỚNG DẪN CỦA GRI

Chỉ số theo GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
Chiến lược và phân tích			
G4-1	Tuyên bố của lãnh đạo công ty	Thông điệp của Tổng Giám đốc	82
G4-2	Mô tả các tác động rủi ro và cơ hội	Các tác động của FPT liên quan đến PTBV Quản trị rủi ro liên quan đến PTBV Tham chiếu BCTN (Quản trị rủi ro)	84 101
Hỗ sơ tổ chức			
G4-3	Tên của doanh nghiệp	Tổng quan BC PTBV	83
G4-4	Thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính	Thông tin DN Tham chiếu BCTN (Ngành nghề kinh doanh)	83 16
G4-5	Địa chỉ trụ sở chính	Thông tin liên hệ Tham chiếu BCTN (Tầm nhìn sứ mệnh, giới thiệu Công ty)	83 14
G4-6	Số lượng các quốc gia hoạt động và tên các quốc gia mà DN có hoạt động đáng kể	Thông tin doanh nghiệp Tham chiếu BCTN (Địa bàn hoạt động)	83 22
G4-7	Loại hình kinh doanh và mô hình pháp lý	Thông tin liên hệ Tham chiếu BCTN (Ngành nghề kinh doanh; các công ty con và các công ty liên kết)	83 16 và 24
G4-8	Thị trường phục vụ	Thông tin doanh nghiệp Tham chiếu BCTN (Địa bàn hoạt động)	83 22
G4-9	Quy mô của doanh nghiệp	Tham chiếu BCTN (Sơ đồ tổ chức, các công ty con, và công ty liên kết)	23-25
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao	96
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng các thỏa ước tập thể	Cam kết của FPT trong sử dụng nguồn lực	99
G4-12	Chuỗi cung ứng của DN	Gắn kết môi trường, xã hội, quản trị (ESG) trong chuỗi giá trị của FPT	102
G4-13	Báo cáo về thay đổi quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng của tổ chức	Không có sự thay đổi đáng kể	
G4-14	Phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa và cách áp dụng xử lý	Ứng dụng các quy trình Quản trị tiên tiến hướng đến PTBV Tham chiếu BCTN (Quản trị rủi ro)	100
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường và xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành hoặc ủng hộ	Nâng tầm quản trị doanh nghiệp	103
G4-16	Các hiệp hội tham gia	Thành viên của các tổ chức hiệp hội uy tín	84
Xác định các lĩnh vực và ranh giới trọng yếu			
G4-17	Liệt kê các đơn vị bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương	Tham chiếu BCTN (Sơ đồ tổ chức, các công ty con, và công ty liên kết)	23-25
G4-18	Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và các lĩnh vực trọng yếu	Tổng quan BCPTBV	83

Chỉ số theo GRI	Thông tin công bố	Nội dung báo cáo	Trang
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng báo cáo	Xác định các vấn đề trọng yếu	93
G4-20; G4-21	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trong tổ chức	Tổng quan BCPTBV	83
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong các báo cáo trước đó và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó	Không có tác động đáng kể của việc trình bày lại thông tin	
G4-23	Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước	Mục tiêu xây dựng báo cáo và cách thức xác định nội dung báo cáo Các thông tin chung về báo cáo theo tiêu chuẩn GRI4 Nguyên tắc và quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu	83 83 và 108 93
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách các bên liên quan và sự tham gia của các bên liên quan	Sự gắn kết các bên liên quan	88
G4-25	Cơ sở lựa chọn và các định các bên liên quan	Sự gắn kết các bên liên quan	88
G4-26	Phương pháp tiếp cận của DN với sự tham vấn của các bên liên quan	Sự gắn kết các bên liên quan	88
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham vấn các bên liên quan và phản ứng của tổ chức với các chủ đề này	Sự gắn kết các bên liên quan	88
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Thông tin chung về báo cáo	83
G4-29	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất	Thông tin chung về báo cáo	83
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thông tin chung về báo cáo	83
G4-31	Đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến nội dung báo cáo	Thông tin chung về báo cáo	83
G4-32	Báo cáo phương án phù hợp mà DN đã chọn	Mục tiêu xây dựng báo cáo và cách thức xác định nội dung báo cáo	83
G4-33	Sử dụng đảm bảo bên ngoài cho báo cáo	Tính đảm bảo của báo cáo	83
Quản trị			
G4-34	Cơ cấu quản trị của DN	Ứng dụng quy trình Quản trị tiên tiến hướng tới PTBV Tham chiếu BCTN (Quản trị công ty)	100
G4-35; G4-41	Mô hình quản trị công ty	Ứng dụng quy trình Quản trị tiên tiến hướng tới PTBV	100
Đạo đức và tính chính trực			
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức.	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp độc đáo	99

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ



Tạo ra
mô hình kinh doanh mới
dựa trên ứng dụng công nghệ S.M.A.C, IoT



ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ



Tiên phong trong thế giới số: Với mong muốn mang lại giá trị mới cho khách hàng và sự phát triển bền vững cho công ty, FPT sẽ tiên phong trong việc thay đổi mô hình quản trị công ty theo phương thức số và đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các giải pháp, dịch vụ thông minh dựa trên công nghệ mới.

Nghiên cứu và phát triển
**giải pháp, dịch vụ
thông minh**
trên nền công nghệ mới

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ

Xây dựng
**môi trường phát
triển cho các
ý tưởng**
sáng tạo công nghệ





CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	113 - 114
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	115
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	116 - 119
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	120
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	121 - 122
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	123 - 165

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Lê Song Lai	Ủy viên
Ông Jean Charles Belliol	Ủy viên
Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên
Ông Dan E Khoo	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quang Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Dũng Triều	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 94.3-2013/QĐ-FPT-TGD
ngày 05 tháng 8 năm 2013

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2016, từ trang 116 đến trang 165, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Hồng Dương
Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2393-2015-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.959.009.136.105	16.709.157.051.316
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	3.584.709.151.769	4.336.282.447.769
	1. Tiền	111		1.879.397.318.868	2.072.206.319.316
	2. Các khoản tương đương tiền	112		1.705.311.832.901	2.264.076.128.453
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.617.441.917.720	1.428.479.061.776
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	2.617.441.917.720	1.428.479.061.776
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.534.209.011.621	4.823.596.166.951
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.477.122.078.998	3.919.542.671.301
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		346.030.178.124	399.989.196.061
	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	8	516.837.479.455	366.338.086.216
	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	476.421.501.226	380.809.281.784
	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(282.202.226.182)	(243.083.068.411)
IV.	Hàng tồn kho	140		5.268.099.617.220	4.572.636.184.140
	1. Hàng tồn kho	141	11	5.332.031.654.362	4.652.333.244.983
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	11	(63.932.037.142)	(79.697.060.843)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.954.549.437.775	1.548.163.190.680
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	829.521.434.436	592.794.479.662
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.106.181.985.080	921.625.024.678
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	18.846.018.259	33.743.686.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.086.579.408.323	5.949.186.899.417
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		348.638.580.505	318.095.904.998
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		242.327.520.000	242.327.520.000
	2. Phải thu dài hạn khác	216	9	160.161.888.733	128.140.867.635
	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(53.850.828.228)	(52.372.482.637)
II.	Tài sản cố định	220		4.292.253.138.079	3.300.546.513.939
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.971.402.119.342	2.998.002.341.729
	- Nguyên giá	222		6.937.072.376.415	5.352.532.953.679
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.965.670.257.073)	(2.354.530.611.950)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1.737.003.927	740.441.475
	- Nguyên giá	225		2.400.601.505	958.946.192
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(663.597.578)	(218.504.717)
	3. Tài sản cố định vô hình	227	15	319.114.014.810	301.803.730.735
	- Nguyên giá	228		610.345.105.736	529.387.560.020
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(291.231.090.926)	(227.583.829.285)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		692.575.366.258	537.241.674.698
	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		13.400.125.582	-
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	679.175.240.676	537.241.674.698
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		727.905.697.262	809.516.549.586
	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	271.434.002.318	251.078.173.392
	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7	632.649.372.195	725.588.838.379
	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(176.177.677.251)	(167.150.462.185)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.025.206.626.219	983.786.256.196
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	808.536.902.438	518.808.795.715
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	216.669.723.781	131.807.015.837
	3. Lợi thế thương mại	269	26	-	333.170.444.644
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		26.045.588.544.428	22.658.343.950.733

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		15.863.302.791.405	13.400.525.192.639
I.	Nợ ngắn hạn	310		14.967.554.324.100	12.969.956.085.573
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.815.055.125.562	3.018.857.084.191
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		296.629.535.411	347.339.275.912
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	318.469.453.775	250.837.100.459
	4. Phải trả người lao động	314		694.086.202.995	726.051.812.032
	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	518.769.375.019	345.478.484.975
	6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		12.916.413.403	15.756.096.426
	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.491.947.971.642	961.651.628.795
	8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	302.282.737.618	347.704.447.655
	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	8.191.325.008.702	6.722.412.217.259
	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	16.952.179.257	24.651.664.341
	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		309.120.320.716	209.216.273.528
II.	Nợ dài hạn	330		895.748.467.305	430.569.107.066
	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		54.207.388.091	54.437.517.680
	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	34.976.753.365	24.528.504.548
	3. Phải trả dài hạn khác	337	22	185.412.671.965	198.449.132.073
	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	614.354.593.251	142.418.459.294
	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2.929.410.611
	6. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	6.604.964.350	7.613.986.577
	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		192.096.283	192.096.283

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.182.285.753.023	9.257.818.758.094
I.	Vốn chủ sở hữu	410		10.179.535.753.023	9.255.068.758.094
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	3.975.316.400.000	3.439.766.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.975.316.400.000	3.439.766.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	49.465.703.201	49.465.703.201
	3. Cổ phiếu quỹ	415	26	(823.760.000)	(823.760.000)
	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	26	(6.549.325.268)	(12.569.673.745)
	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	26	79.036.549.084	79.400.040.851
	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26	87.227.790.014	87.203.093.024
	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26	4.394.554.749.025	4.268.153.638.489
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		3.051.113.855.690	3.138.836.839.165
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.343.440.893.335	1.129.316.799.324
	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.601.307.646.967	1.344.473.716.274
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000	2.750.000.000
	1. Nguồn kinh phí	431		2.750.000.000	2.750.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		26.045.588.544.428	22.658.343.950.733

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	38.707.143.264.487	32.873.026.689.955
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	747.444.508.465	228.370.331.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	37.959.698.756.022	32.644.656.358.895
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	30.465.878.878.610	26.456.135.040.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.493.819.877.412	6.188.521.318.664
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	452.546.690.212	367.644.565.708
7. Chi phí tài chính	22	31	620.411.567.508	354.076.323.129
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		262.502.327.611	166.165.287.204
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		34.474.687.218	40.858.599.445
9. Chi phí bán hàng	25		2.226.870.805.958	1.617.818.952.335
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.331.789.496.610	2.236.033.596.342
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		2.801.769.384.766	2.389.095.612.011
12. Thu nhập khác	31	32	146.796.066.673	166.755.638.459
13. Chi phí khác	32		97.416.623.718	96.627.048.433
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		49.379.442.955	70.128.590.026
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.851.148.827.721	2.459.224.202.037
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	497.001.075.715	399.000.144.668
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(83.937.013.159)	(18.900.741.566)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.438.084.765.165	2.079.124.798.935
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.930.895.920.629	1.632.085.087.193
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		507.188.844.536	447.039.711.742
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (trình bày lại, xem Thuyết minh số 34)	70	34	4.386	3.723
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.386	3.723

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.851.148.827.721	2.459.224.202.037
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	732.880.119.304	547.273.646.085
- Các khoản dự phòng	03	94.014.920.103	85.434.608.560
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.154.674.532)	(16.872.163.837)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(318.812.983.950)	(405.697.530.891)
- Chi phí lãi vay	06	262.502.327.611	166.165.287.204
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.618.578.536.257	2.835.528.049.158
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(863.521.059.691)	(680.600.489.029)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(693.098.534.961)	(1.311.691.368.768)
- Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	395.158.777.335	1.085.838.052.344
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(526.455.061.497)	(107.329.691.370)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(211.922.502.790)	(202.542.537.509)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(438.294.708.886)	(401.600.073.578)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(124.560.415.953)	(66.562.113.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.155.885.029.814	1.151.039.827.400
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.090.200.759.463)	(1.440.556.923.125)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	115.905.779.112	23.157.827.856
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.218.529.160.271)	(38.195.216.179)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	65.345.000.000	-
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	226.569.380.961	189.684.494.595
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		-	(203.239.205.312)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.900.909.759.661)	(1.469.149.022.165)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.953.970.000	16.388.910.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4.349.500.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	23.921.460.737.848	23.817.428.762.280
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.980.611.812.448)	(21.174.638.669.986)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(974.001.961.553)	(755.758.503.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	993.451.433.847	1.903.420.498.519
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(751.573.296.000)	1.585.311.303.754
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.336.282.447.769	2.750.971.144.015
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.584.709.151.769	4.336.282.447.769



Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu



Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") ban đầu là công ty Nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất ngày 26 tháng 6 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 3.975.316.400.000 VNĐ.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26.818 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22.016 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu: (i) Dịch vụ phát triển phần mềm gồm gia công xuất khẩu phần mềm, cung cấp giải pháp, dịch vụ phần mềm và hệ thống quản trị nguồn lực ERP; (ii) Tích hợp hệ thống; (iii) Dịch vụ tin học gồm dịch vụ quản trị hệ thống, dịch vụ BPO, dịch vụ Data center v.v.; (iv) Dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ internet và các dịch vụ giá trị gia tăng; (v) Dịch vụ nội dung số gồm các dịch vụ quảng cáo trực tuyến, hệ thống mạng quảng cáo v.v.; (vi) Dịch vụ đào tạo ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học; (vii) Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số dự án tích hợp hệ thống có thời gian triển khai trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần FPT có 9 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

và 2 công ty liên kết

- Công ty Cổ phần quản lý quỹ FPT;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Nếu sau ngày kiểm soát công ty con, công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con, công ty mẹ phải xác định giá phí khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con (không tính theo giá trị hợp lý như tại ngày mua). Khoản chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tài sản thuần được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (như giao dịch giữa các cổ đông nội bộ).

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo quy định hiện hành. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm theo phương pháp đường thẳng thì thực hiện phân bổ theo giá trị bị tổn thất.

Khi thoái vốn tại công ty con thì giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được ghi giảm tương ứng với tỷ lệ vốn bị thoái và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong trường hợp công ty mẹ vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con hoặc được ghi giảm toàn bộ và tính vào khoản lãi/lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp công ty mẹ mất quyền kiểm soát.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Trong một số trường hợp, theo ước tính của Ban Tổng Giám đốc, Tập đoàn thận trọng trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn nhiều hơn so với yêu cầu của các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng 10% lợi nhuận thuần sau thuế của các đơn vị thành viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của phát triển phần mềm, tích hợp hệ thống và dịch vụ tin học

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện, hoặc tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại và thẻ internet trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước nhưng chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty"), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- **Viễn thông:** bao gồm các dịch vụ internet cá nhân và hộ gia đình, dịch vụ internet cho doanh nghiệp như cho thuê kênh riêng (internet leased line), viễn thông trong nước, viễn thông quốc tế, tên miền, hosting, cổng dữ liệu Web, IPTV...;
- **Nội dung số:** bao gồm các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân như hệ thống báo điện tử (VnExpress.net, Ngoisao.net, iOne.net, PCWorld.com.vn, Gamethu.vn v.v...); quảng cáo trực tuyến; hệ thống mạng quảng cáo (AdNetwork), nhạc trực tuyến, thanh toán trực tuyến, v.v...;
- **Phát triển phần mềm:** bao gồm hoạt động sản xuất phần mềm; các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP);
- **Tích hợp hệ thống:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v...;
- **Dịch vụ tin học:** cung cấp dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO), dịch vụ xử lý điện tử kết nối Người dân - Doanh nghiệp - Chính phủ, điện toán đám mây (cloud computing), chứng thực chữ ký số, bảo mật, bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
- **Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ:** bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT.

Đầu tư và giáo dục: bao gồm các hoạt động chính:

- Dịch vụ đào tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học;
- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bất động sản phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Năm 2015

Đơn vị: triệu VND

Chi tiêu	Tin học và viễn thông							Loại trừ hợp nhất	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục và đầu tư	Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ		
Doanh thu theo bộ phận									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.104.331	448.551	5.185.371	2.417.858	834.258	731.345	23.237.985	-	37.959.699
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	14.745	-	74.159	111.983	38.638	168.583	2.399.372	(2.807.480)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	5.119.076	448.551	5.259.530	2.529.841	872.896	899.928	25.637.357	(2.807.480)	37.959.699
Chi phí theo bộ phận (i)									
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(4.229.600)	(298.391)	(4.485.903)	(2.369.703)	(817.642)	(863.513)	(24.777.779)	2.817.992	(35.024.539)
Trong đó:									
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định	(543.002)	(9.019)	(97.862)	(25.084)	(8.655)	(45.712)	(7.837)	4.291	(732.880)
- Tổng phân bổ chi phí trả trước dài hạn của bộ phận	(63.753)	(15.598)	(299.842)	(36.225)	(12.499)	(104.574)	(61.216)	-	(593.707)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận (ii)	889.476	150.160	773.627	160.138	55.254	36.415	859.578	10.512	2.935.160
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	877.505	166.940	741.346	96.306	89.663	1.885.196	728.176	(1.733.983)	2.851.149
Tài sản bộ phận	7.260.414	694.502	3.816.502	2.169.229	748.470	4.866.102	8.500.116	(2.009.746)	26.045.589
Nợ phải trả bộ phận	4.955.895	242.497	2.417.866	1.492.760	515.062	1.642.669	7.026.508	(2.429.954)	15.863.303
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	1.835.357	12.114	514.249	82.858	28.589	333.461	97.486	-	2.904.114

- (i) Chi phí theo bộ phận bao gồm giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý (không bao gồm chi phí lãi vay và chi phí khác).
(ii) Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận là doanh thu theo bộ phận trừ đi chi phí theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Năm 2014

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Tin học và viễn thông							Loại trừ hợp nhất	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục và đầu tư	Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ		
Doanh thu theo bộ phận									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.869.902	946.405	3.507.641	2.706.880	723.641	610.103	20.280.084	-	32.644.656
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	5.959	-	72.991	211.642	56.579	165.048	2.571.113	(3.083.332)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	3.875.861	946.405	3.580.632	2.918.522	780.220	775.151	22.851.197	(3.083.332)	32.644.656
Chi phí theo bộ phận									
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(3.066.834)	(853.413)	(3.035.960)	(2.788.836)	(745.551)	(700.838)	(22.260.244)	3.141.688	(30.309.988)
Trong đó:									
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định	(395.850)	(12.625)	(64.864)	(27.048)	(7.231)	(38.862)	(5.099)	4.305	(547.274)
- Tổng phân bổ chi phí trả trước dài hạn của bộ phận	(116.680)	(43.732)	(222.659)	(48.043)	(12.843)	(36.992)	(59.812)	-	(540.761)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	809.027	92.992	544.672	129.686	34.669	74.313	590.953	58.356	2.334.668
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	833.809	102.223	518.825	136.682	84.496	2.019.821	589.148	(1.825.780)	2.459.224
Tài sản bộ phận	8.803.915	937.495	2.849.138	2.677.263	715.724	4.113.872	8.294.629	(5.733.692)	22.658.344
Nợ phải trả bộ phận	6.308.059	545.401	1.534.916	1.891.701	505.716	1.542.253	6.950.611	(5.878.132)	13.400.525
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	1.087.160	28.573	486.089	86.575	23.144	172.458	101.342	6.852	1.992.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt	217.540.867.601	25.340.467.183
Tiền gửi ngân hàng	1.661.856.451.267	2.046.865.852.133
Các khoản tương đương tiền	1.705.311.832.901	2.264.076.128.453
	3.584.709.151.769	4.336.282.447.769

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: VND

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.646.233.222.047	2.617.441.917.720	1.428.479.061.776	1.428.479.061.776
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.517.867.140.271	2.517.867.140.271	1.299.337.980.000	1.299.337.980.000
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	128.366.081.776	99.574.777.449	129.141.081.776	129.141.081.776

Đơn vị: VND

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	137.500.000.000	-	137.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	27.500.000.000	-	27.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-
b2) Đầu tư dài hạn vào đơn vị khác	632.649.372.195	(176.177.677.251)	725.588.838.379	(167.150.462.185)
- Quỹ đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	(8.132.510.645)	44.870.000.000	(13.863.410.019)
- Quỹ đầu tư Việt Nam BVIM	10.650.000.000	-	21.300.000.000	-
- Các khoản đầu tư khác	577.129.372.195	(168.045.166.606)	659.418.838.379	(153.287.052.166)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác chưa được niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết, Tập đoàn chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Doanh thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng lũy kế đã ghi nhận	1.983.467.611.881	1.575.886.912.803
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ và khoản tạm ứng của khách hàng	(1.466.630.132.426)	(1.209.548.826.587)
	516.837.479.455	366.338.086.216

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
a. Ngắn hạn		
Phải thu theo tiến độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì	119.119.747.291	92.294.878.439
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	183.064.955.871	67.766.893.841
Ký cược, ký quỹ	82.961.439.470	17.841.043.789
Phải thu khác	91.275.358.594	202.906.465.715
	476.421.501.226	380.809.281.784
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	95.148.463.192	68.505.297.758
Phải thu khác	65.013.425.541	59.635.569.877
	160.161.888.733	128.140.867.635

10. NỢ XẤU

Đơn vị: VND

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	392.429.395.668	56.376.341.258	348.600.694.349	53.145.143.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	463.819.057.341	-	236.143.261.376	-
Công cụ, dụng cụ	107.035.823.637	-	47.795.028.308	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	891.024.964.660	-	923.735.613.682	-
Hàng hoá	3.870.151.808.724	(63.932.037.142)	3.444.659.341.617	(79.697.060.843)
Cộng	5.332.031.654.362	(63.932.037.142)	4.652.333.244.983	(79.697.060.843)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
a) Ngắn hạn		
Chi phí triển khai quang hóa	286.575.813.914	230.952.022.561
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	542.945.620.522	361.842.457.101
	829.521.434.436	592.794.479.662
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt truyền hình trả tiền	231.193.175.317	-
Chi phí thiết lập ban đầu các cửa hàng	138.602.169.735	107.326.688.302
Hệ thống máy tính, thiết bị điện tử	92.667.879.184	83.185.177.138
Trả trước cho các hợp đồng tích hợp hệ thống	83.124.925.964	60.151.963.706
Chi phí trả trước dài hạn khác	262.948.752.238	268.144.966.569
	808.536.902.438	518.808.795.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Bảng tổng hợp biến động thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp và được khấu trừ	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	84.277.382.292	5.225.221.438.017	5.192.224.451.737	117.274.368.572
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	83.540.166.906	3.330.731.528.402	3.297.702.594.312	116.569.100.996
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	737.215.386	1.894.489.909.615	1.894.521.857.425	705.267.576
Thuế nhập khẩu	277.672.080	23.163.378.562	23.393.631.436	47.419.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.546.113.726	487.718.512.520	438.294.708.886	158.969.917.360
Thuế thu nhập cá nhân	15.612.336.370	219.834.007.962	219.908.092.784	15.538.251.548
Thuế nhà thầu	6.553.617.502	39.455.463.845	39.379.027.812	6.630.053.535
Các loại thuế và phí khác	826.292.149	4.202.121.178	3.864.988.032	1.163.425.295
Cộng	217.093.414.119	5.999.594.922.084	5.917.064.900.687	299.623.435.516
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	33.743.686.340			18.846.018.259
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	250.837.100.459			318.469.453.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

Chi tiết số dư thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	953.442.792	1.775.552.997
Thuế nhập khẩu	34.802.629	34.802.629
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.955.759.914	31.338.876.708
Thuế thu nhập cá nhân	370.544.381	204.482.824
Các loại thuế và phí khác	531.468.543	389.971.182
Cộng	18.846.018.259	33.743.686.340

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	118.227.811.364	86.052.935.289
Thuế nhập khẩu	82.221.835	312.474.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	175.925.677.274	140.884.990.434
Thuế thu nhập cá nhân	15.908.795.929	15.816.819.194
Thuế nhà thầu	6.630.053.535	6.553.617.502
Các loại thuế và phí khác	1.694.893.838	1.216.263.331
Cộng	318.469.453.775	250.837.100.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VNĐ

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2015	1.083.082.451.265	3.311.993.128.420	81.309.965.688	838.905.278.671	37.242.129.635	5.352.532.953.679
Mua sắm mới	2.677.201.919	1.405.830.081.862	3.621.775.201	88.142.696.806	61.224.700.406	1.561.496.456.194
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	162.162.061.314	10.751.267.443	-	-	-	172.913.328.757
Thanh lý, nhượng bán	(119.458.050.364)	(6.826.725.230)	(1.645.182.175)	(19.120.523.968)	(1.793.659.632)	(148.844.141.369)
Tặng/(Giảm) khác	(297.559.000)	(73.359.958)	-	(655.301.888)	-	(1.026.220.846)
Tại ngày 31/12/2015	1.128.166.105.134	4.721.674.392.537	83.286.558.714	907.272.149.621	96.673.170.409	6.937.072.376.415
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	152.629.824.537	1.526.629.785.180	39.023.707.014	623.252.048.941	12.995.246.278	2.354.530.611.950
Trích khấu hao trong năm	56.275.330.057	492.377.649.500	5.847.004.063	92.692.237.710	19.512.506.686	666.704.728.016
Thanh lý, nhượng bán	(28.659.020.721)	(5.128.701.697)	(1.589.838.906)	(15.437.252.721)	(741.616.791)	(51.556.430.836)
Tặng/(Giảm) khác	-	(383.218.640)	-	(3.635.616.674)	10.183.257	(4.008.652.057)
Tại ngày 31/12/2015	180.246.133.873	2.013.495.514.343	43.280.872.171	696.871.417.256	31.776.319.430	2.965.670.257.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	947.919.971.261	2.708.178.878.194	40.005.686.543	210.400.732.365	64.896.850.979	3.971.402.119.342
Tại ngày 31/12/2014	930.452.626.728	1.785.363.343.240	42.286.258.674	215.653.229.730	24.246.883.357	2.998.002.341.729

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 947.480 triệu VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 849.055 triệu VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	58.371.486.650	208.909.106.057	262.106.967.313	529.387.560.020
Mua trong kỳ	-	30.106.384.634	13.902.528.995	44.008.913.629
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	38.810.225.916	12.684.097.922	51.494.323.838
Thanh lý, nhượng bán	(9.114.336.000)	(2.414.618.577)	(347.593.770)	(11.876.548.347)
Tặng/(Giảm) khác	-	310.804.373	(2.979.947.777)	(2.669.143.404)
Tại ngày 31/12/2015	49.257.150.650	275.721.902.403	285.366.052.683	610.345.105.736
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	3.015.098.853	137.712.811.370	86.855.919.062	227.583.829.285
Trích khấu hao trong năm	666.968.999	35.804.878.071	29.258.451.357	65.730.298.427
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.274.943.799)	(38.006.682)	(2.312.950.481)
Tặng/(Giảm) khác	-	6.553.941.911	(6.324.028.216)	229.913.695
Tại ngày 31/12/2015	3.682.067.852	177.796.687.553	109.752.335.521	291.231.090.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	45.575.082.798	97.925.214.850	175.613.717.162	319.114.014.810
Tại ngày 31/12/2014	55.356.387.797	71.196.294.687	175.251.048.251	301.803.730.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Biến động

Đơn vị: VNĐ

	Năm 2015	Năm 2014
Số dư đầu năm	537.241.674.698	539.102.696.805
Tăng trong năm	385.429.374.070	220.415.696.445
Kết chuyển sang tài sản cố định	(224.407.652.595)	(209.424.546.745)
Giảm khác	(19.088.155.497)	(12.852.171.807)
Số dư cuối năm	679.175.240.676	537.241.674.698

Chi tiết theo công trình

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Xây dựng cơ bản	679.175.240.676	537.241.674.698
Trong đó:		
- Dự án cấp quang biển Châu Á - Thái Bình Dương	158.813.175.651	155.652.668.002
- Dự án đầu tư tại Nam An Khánh	92.999.271.455	92.999.271.455
- Dự án văn phòng FPT tại Đà Nẵng	137.777.321.581	5.970.130.972
- Dự án F-Town 2	-	101.233.104.567
- Các công trình khác	289.585.471.989	181.386.499.702
	679.175.240.676	537.241.674.698

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền khoảng 3.441 triệu VNĐ (năm 2014: 6.515 triệu VNĐ).

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Tầng 22, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, E6 Phạm Hùng, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ ERP, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	45,64%	45,64%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	Số 408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	51,95%	84,08%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần FPT sở hữu 45,64% phần vốn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 45,64%) và nắm giữ 45,64% quyền biểu quyết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 45,64%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Ngày 08 tháng 8 năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: VND

	2015	2014
Số dư đầu năm	251.078.173.392	225.525.036.285
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	27.689.161.926	32.886.470.107
Cổ tức nhận được	(7.333.333.000)	(7.333.333.000)
Số dư cuối năm	271.434.002.318	251.078.173.392

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	Tầng 9, Tòa nhà TTC Lô B1A phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Đơn vị: VND

	Tài sản cố định	Các khoản dự phòng	Doanh thu	Tổng
Tại ngày 01/01/2015	20.456.079.360	7.644.891.746	103.706.044.731	131.807.015.837
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(944.111.590)	(1.202.071.413)	83.153.785.552	81.007.602.549
Tăng khác	-	-	3.855.105.395	3.855.105.395
Tại ngày 31/12/2015	19.511.967.770	6.442.820.333	190.714.935.678	216.669.723.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2015	31/12/2014
Trích trước giá vốn các dự án tích hợp hệ thống	242.366.174.929	155.168.156.355
Các khoản khác	276.403.200.090	190.310.328.620
	518.769.375.019	345.478.484.975

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2015	31/12/2014
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	1.141.049.275.657	658.488.407.066
Doanh thu nhận trước tiền học phí	104.112.569.879	106.146.332.360
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	246.786.126.106	197.016.889.369
	1.491.947.971.642	961.651.628.795
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	15.488.875.267	13.267.875.144
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	19.487.878.098	11.260.629.404
	34.976.753.365	24.528.504.548

22. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2015	31/12/2014
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	35.250.149.382	27.385.555.008
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	33.690.405.484	18.094.301.731
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	127.756.116.846	77.626.861.282
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.901.045.648	5.001.985.839
Chi phí hỗ trợ nhận trước từ nhà cung cấp	34.293.441.263	51.954.456.378
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	66.391.578.995	167.641.287.417
	302.282.737.618	347.704.447.655
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.051.178.357	17.487.587.117
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	165.361.493.608	180.961.544.956
	185.412.671.965	198.449.132.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	6.608.343.774.045	6.608.343.774.045	23.283.989.810.094	21.859.134.379.541	8.033.199.204.598	8.033.199.204.598
Vay và nợ dài hạn tới hạn trả	114.068.443.214	114.068.443.214	158.125.804.104	114.068.443.214	158.125.804.104	158.125.804.104
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 25)	113.838.052.738	113.838.052.738	157.608.397.509	113.838.052.738	157.608.397.509	157.608.397.509
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	230.390.476	230.390.476	517.406.595	230.390.476	517.406.595	517.406.595
Cộng	6.722.412.217.259	6.722.412.217.259	23.442.115.614.198	21.973.202.822.755	8.191.325.008.702	8.191.325.008.702

(i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VNĐ hoặc USD. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Đơn vị: VND

	Dự phòng bảo hành sản phẩm ngắn hạn	Dự phòng bảo hành sản phẩm dài hạn	Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay dài hạn	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2015	24.651.664.341	7.601.081.577	12.905.000	32.265.650.918
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	30.509.844.819	7.311.247.649	-	37.821.092.468
Hoàn nhập dự phòng	(4.100.648.509)	(2.356.522.910)	-	(6.457.171.419)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(34.108.681.394)	(5.963.746.966)	-	(40.072.428.360)
Tại ngày 31/12/2015	16.952.179.257	6.592.059.350	12.905.000	23.557.143.607

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Công ty, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	255.538.203.839	255.538.203.839	636.168.444.150	121.247.042.435	770.459.605.554	770.459.605.554
Nợ thuế tài chính dài hạn	948.698.669	948.698.669	1.302.483.604	230.390.472	2.020.791.801	2.020.791.801
Cộng	256.486.902.508	256.486.902.508	637.470.927.754	121.477.432.907	772.480.397.355	772.480.397.355
Trong đó						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	114.068.443.214				158.125.804.104	
- Số phải trả sau 12 tháng	142.418.459.294				614.354.593.251	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Vay dài hạn	770.459.605.554	255.538.203.839
- Kỳ hạn 3 năm	33.942.829.692	88.861.999.162
- Kỳ hạn 4 năm	553.729.286.688	54.705.000.000
- Kỳ hạn 5 năm	182.787.489.174	111.971.204.677
Nợ thuê tài chính dài hạn	2.020.791.801	948.698.669
Tổng cộng	772.480.397.355	256.486.902.508
Trong đó		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	158.125.804.104	114.068.443.214
- Số phải trả sau 12 tháng	614.354.593.251	142.418.459.294

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Trong vòng một năm	157.608.397.509	113.838.052.738
Trong năm thứ hai	250.434.604.057	76.178.575.356
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	362.416.603.988	65.521.575.745
Sau năm năm	-	-
	770.459.605.554	255.538.203.839
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	157.608.397.509	113.838.052.738
Số phải trả sau 12 tháng	612.851.208.045	141.700.151.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.752.017.550.000	49.465.703.201	(823.760.000)	4.302.490.092	78.666.938.875	114.943.857.509	4.207.341.884.795	7.205.914.664.472
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.632.085.087.193	1.632.085.087.193
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(158.874.063.869)	(158.874.063.869)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	687.748.450.000	-	-	-	-	-	(687.748.450.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(756.573.292.500)	(756.573.292.500)
Biến động khác	-	-	-	(16.872.163.837)	733.101.976	(27.740.764.485)	31.922.472.870	(11.957.353.476)
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.439.766.000.000	49.465.703.201	(823.760.000)	(12.569.673.745)	79.400.040.851	87.203.093.024	4.268.153.638.489	7.910.595.041.820
Phát hành cổ phiếu	17.193.170.000	-	-	-	-	-	-	17.193.170.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.930.895.920.629	1.930.895.920.629
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(190.005.736.294)	(190.005.736.294)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	518.357.230.000	-	-	-	-	-	(518.357.230.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(743.062.805.000)	(743.062.805.000)
Biến động khác (ii)	-	-	-	6.020.348.477	(363.491.767)	24.696.990	(353.069.038.799)	(347.387.485.099)
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.975.316.400.000	49.465.703.201	(823.760.000)	(6.549.325.268)	79.036.549.084	87.227.790.014	4.394.554.749.025	8.578.228.106.056

(i) Trong năm, Tập đoàn đã phát hành 51.835.723 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(ii) Biến động khác bao gồm phần điều chỉnh giảm Lợi thế thương mại (LTTM) phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 333.170.444.644 đồng đang được ghi nhận tại ngày 31/12/2014. Các khoản LTTM này phát sinh từ giao dịch đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ FPT tại một số công ty con trong các năm trước đây. Về bản chất, các khoản đầu tư này không hình thành quyền kiểm soát của Công ty mẹ FPT tại các công ty con; do vậy, không hình thành giao dịch hợp nhất kinh doanh như định nghĩa tại Thông tư 202/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, các giao dịch này không làm phát sinh LTTM như một dạng tài sản từ hợp nhất kinh doanh mà phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu. Vì vậy, để phản ánh chính xác hơn bản chất giao dịch cũng như tuân thủ Thông tư 202, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thận trọng đánh giá rằng số LTTM này không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản và quyết định dừng ghi nhận.

Cổ tức

Ngày 03 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2014 với tỷ lệ 15% (20 cổ phần hiện hữu được chia thêm 03 cổ phần mới); trả cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (1.000 VNĐ/cổ phiếu) và thông qua chính sách tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên mệnh giá (2.000 VNĐ/cổ phiếu).

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01.07-2015/NQ-HĐQT-FPT ngày 30 tháng 7 năm 2015, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2015 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (1.000 VNĐ/cổ phiếu). Mức chia cổ tức bằng tiền mặt của cả năm 2015 sẽ do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 quyết định.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Đơn vị: Cổ phần

	31/12/2015	31/12/2014
Vốn cổ phần được duyệt	397.531.640	343.976.600
Cổ phiếu đã phát hành	397.531.640	343.976.600
Cổ phiếu phổ thông	397.531.640	342.203.103
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</i>	<i>4.004.296</i>	<i>1.773.497</i>
Cổ phiếu quỹ	(82.376)	(82.376)
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</i>	<i>(82.376)</i>	<i>(82.376)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	397.449.264	343.894.224
Cổ phiếu phổ thông	397.449.264	342.203.103
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</i>	<i>3.921.920</i>	<i>1.691.121</i>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VND

	2015	2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.707.143.264.487	32.873.026.689.955
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	26.583.173.024.305	23.137.125.190.058
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.123.970.240.182	9.735.901.499.897
Các khoản giảm trừ doanh thu	747.444.508.465	228.370.331.060
- Giảm giá hàng bán	244.882.812	664.616.103
- Hàng bán bị trả lại	747.199.625.653	227.705.714.957
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	37.959.698.756.022	32.644.656.358.895

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị: VND

	2015	2014
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	37.959.698.756.022	32.644.656.358.895
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	2.043.363.930.736	2.485.838.459.847
Tổng doanh thu kinh doanh	40.003.062.686.758	35.130.494.818.742

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị: VND

	2015	2014
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	25.605.786.214.688	20.789.250.295.141
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.875.857.687.623	5.612.112.315.676
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.765.023.701)	54.772.429.414
	30.465.878.878.610	26.456.135.040.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị: VNĐ

	2015	2014
Chi phí giá vốn hàng mua	21.059.900.444.318	18.132.407.613.139
Chi phí nguyên vật liệu	3.159.346.972.946	3.356.674.095.833
Chi phí nhân công	4.722.452.975.719	3.091.000.395.774
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.326.587.798.427	1.088.035.837.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.016.977.543.294	4.601.546.584.762
Chi phí khác bằng tiền	653.079.815.673	453.996.798.691
	34.938.345.550.377	30.723.661.326.174

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VNĐ

	2015	2014
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	182.528.342.673	169.341.885.541
Lãi chênh lệch tỷ giá	164.042.301.703	111.798.087.890
Doanh thu tài chính khác	105.976.045.836	86.504.592.277
	452.546.690.212	367.644.565.708

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VNĐ

	2015	2014
Chi phí lãi vay	262.502.327.611	166.165.287.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá	247.952.957.200	113.278.556.862
Chi phí hoạt động tài chính khác	109.956.282.697	74.632.479.063
	620.411.567.508	354.076.323.129

32. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: VNĐ

	2015	2014
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.998.167.634	11.612.286.435
Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được	719.417.204	24.480.366.116
Các thu nhập khác	136.078.481.835	130.662.985.908
	146.796.066.673	166.755.638.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VNĐ

	2015	2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	497.887.752.934	396.507.865.288
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(886.677.219)	2.492.279.380
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	497.001.075.715	399.000.144.668

Đơn vị: VNĐ

	2015	2014
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	102.218.868.499	82.902.012.067
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(187.099.993.248)	(102.746.865.223)
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	944.111.590	944.111.590
Tổng thu thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(83.937.013.159)	(18.900.741.566)

Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp và 22% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ còn lại đã cung cấp.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT tuân theo các quy định thuế hiện hành.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần FPT đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu. Bên cạnh đó, Thông tư 200 đã hướng dẫn việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có tính tới ảnh hưởng của việc trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 và năm 2014 được trình bày lại như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

	2015	2014 (Điều chỉnh hồi tố và trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.930.895.920.629	1.632.085.087.193
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	396.876.158	395.729.947
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	190.005.736.294	158.874.063.870
Lãi cơ bản trên cổ phiếu theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		4.746
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm		(622)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quyết định 15/2006	4.865	4.124
Ảnh hưởng của trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Thông tư 200	(479)	(401)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của trích quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Thông tư 200	4.386	3.723

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Các khoản vay	8.805.679.601.953	6.864.830.676.553
Trừ: Tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	6.102.576.292.040	5.635.620.427.769
Nợ thuần	2.703.103.309.913	1.229.210.248.784
Vốn chủ sở hữu	10.182.285.753.023	9.257.818.758.094
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,27	0,13

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm. Dù đặc điểm của thị trường hàng công nghệ là biến động tỷ giá được phản ánh vào giá bán hàng, Tập đoàn cũng chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn bằng cách theo dõi sát biến động của các nhân tố chính tác động lên tỷ giá cũng như tham khảo đánh giá của các định chế tài chính lớn, áp dụng các biện pháp phù hợp về bảo hiểm tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn và các biện pháp bảo hiểm tự nhiên như neo tỷ giá bán ra, thu tiền trước và các biện pháp bảo hiểm khác.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Đơn vị: VND

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ (USD)	2.339.124.953.902	4.290.685.240.231	789.662.100.983	751.947.302.995
Euro (EUR)	38.814.271.024	14.677.423.763	150.543.970.827	89.076.621.466
Yên Nhật (JPY)	193.303.306.462	111.559.790.890	534.644.564.219	499.367.733.911
Đô la Singapore (SGD)	64.481.616.969	39.420.153.290	141.440.485.866	89.656.703.727

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tập đoàn chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro, Yên Nhật Bản và Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tập đoàn trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tập đoàn sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

Đơn vị: VND

	2015	2014
Đô la Mỹ (USD)	(77.473.142.646)	(176.936.896.862)
Euro (EUR)	5.586.484.990	3.719.959.885
Yên Nhật Bản (JPY)	17.067.062.888	19.390.397.151
Đô la Singapore (SGD)	3.847.943.445	2.511.827.522

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn luôn chú trọng đến hoạt động kiểm hàng tồn, đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả từ khâu nhập hàng trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường, theo dõi hàng ngày nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ được cập nhật liên tục về năng lực tài chính của khách hàng một cách có hệ thống theo thời gian, kết hợp với đánh giá của các tổ chức tài chính trung gian làm cơ sở cấp tín dụng cho khách hàng. Ngoài ra, phần lớn các khách hàng khi được Tập đoàn cấp tín dụng đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Tập đoàn thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ, bao gồm: phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời. Tập đoàn cũng đồng thời mua bảo hiểm công nợ phải thu nhằm hạn chế những rủi ro không lường trước với chi phí hợp lý.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung, Tập đoàn đã tối ưu hóa được các khoản thanh toán và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.584.709.151.769	-	3.584.709.151.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.154.274.387.534	348.027.975.696	5.502.302.363.230
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.617.441.917.720	-	2.617.441.917.720
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	456.471.694.944	456.471.694.944
Tổng cộng	11.356.425.457.023	804.499.670.640	12.160.925.127.663

Đơn vị: VND

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	8.191.325.008.702	614.354.593.251	8.805.679.601.953
Phải trả người bán và phải trả khác	3.592.134.230.345	27.232.837.622	3.619.367.067.967
Chi phí phải trả	518.769.375.019	-	518.769.375.019
Tổng cộng	12.302.228.614.066	641.587.430.873	12.943.816.044.939
Chênh lệch thanh khoản thuần	(945.803.157.043)	162.912.239.767	(782.890.917.276)

Đơn vị: VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.336.282.447.769	-	4.336.282.447.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.405.162.382.252	318.045.904.998	4.723.208.287.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.428.479.061.776	-	1.428.479.061.776
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	558.438.376.194	558.438.376.194
Tổng cộng	10.169.923.891.797	876.484.281.192	11.046.408.172.989

Đơn vị: VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	6.722.412.217.259	142.418.459.294	6.864.830.676.553
Phải trả người bán và phải trả khác	3.701.965.935.010	25.406.771.130	3.727.372.706.140
Chi phí phải trả	345.478.484.975	-	345.478.484.975
Tổng cộng	10.769.856.637.244	167.825.230.424	10.937.681.867.668
Chênh lệch thanh khoản thuần	(599.932.745.447)	708.659.050.768	108.726.305.321

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể chấp nhận được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Đơn vị: VND

	2015	2014
Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	7.333.333.000	7.333.333.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

	31/12/2015	31/12/2014
Các khoản ủy thác đầu tư và cho vay		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	134.366.081.776	214.766.081.776
Vốn góp		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	27.500.000.000	27.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	110.000.000.000

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01.01 - 2016/NQ-HĐQT-FPT ngày 28 tháng 01 ngày 2016, ông Đỗ Cao Bảo được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty Cổ phần FPT từ ngày 15 tháng 3 năm 2016.

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

	2015	2014
Trong vòng một năm	226.161.733.224	159.625.884.014
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	347.214.773.635	381.010.195.106
Sau năm năm	168.642.274.373	77.875.506.660
	742.018.781.232	618.511.585.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Thông qua phương án đầu tư 250 tỷ VNĐ vào Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp được 170 tỷ VNĐ.
- Dự án xây dựng giai đoạn 1 văn phòng FPT tại Đà Nẵng với tổng vốn đầu tư của Dự án là 495.953.272.931 VNĐ.
- Khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là Dự án APG) thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel Group (với đại diện là Viettel Telecom - đơn vị thành viên của Viettel Group) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cáp quang biển kết nối các nước trong khu vực Châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Thái Lan). Viettel Telecom là đại diện tham gia dự án này. Theo đó, Tập đoàn cam kết góp vốn với tổng số tiền dự kiến là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số tiền góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Viettel Telecom. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, số vốn góp thực tế của Tập đoàn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 7.511.837 USD tương đương 158.813.175.651 VNĐ.
- Tập đoàn đang thực hiện dự án đầu tư Xây dựng khu Phần mềm FPT- Giai đoạn 2 tại Làng công nghệ số 3, Khu Phần mềm, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 271.148.000.000 VNĐ (đã bao gồm VAT) theo Quyết Định phê duyệt số 26-2014/QĐ-FPT-TGD ngày 29 tháng 4 năm 2014 và số 4424/2014/QĐ/FSOFT-FID - Quyết định của Chủ tịch Công ty TNHH Phần mềm FPT ngày 07 tháng 11 năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị công trình thực hiện đã ghi nhận là 52.637.529.278 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 6.709.617.336 VNĐ).
- Ngày 25 tháng 02 năm 2015, Tập đoàn thực hiện thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong trong việc hỗ trợ các học viên nhập học khóa học được tổ chức tại Nhật Bản thuộc chương trình 10.000 kỹ sư cầu nối, thực hiện trong giai đoạn 2015-2020. Trong đó, sẽ có khoảng 5.000 học viên được đào tạo tại Nhật Bản trong vòng 6-12 tháng và 5.000 học viên được đào tạo tại Việt Nam. Các học viên tham gia khóa đào tạo tại Nhật Bản sẽ được Tập đoàn bảo lãnh tài chính bằng 90% tổng nghĩa vụ tín dụng của học viên phát sinh tại ngân hàng, với mức cho vay tối đa 400 triệu đồng. Thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các bên có thỏa thuận chấm dứt. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, số lượng học viên tham gia chương trình tại Nhật Bản vào khoảng 256 người, với tổng giá trị bảo lãnh tương ứng là 53.289.180.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VNĐ)
I. Tài sản		
1. Đầu tư ngắn hạn	121	1.450.892.161.296
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(9.405.497.120)
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		
3. Phải thu khách hàng	131	4.005.225.417.438
4. Trả trước cho người bán	132	400.189.196.061
5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	522.982.860.079
6. Các khoản phải thu khác	135	401.395.904.525
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(295.455.551.048)
8. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	592.435.044.749
9. Tài sản ngắn hạn khác	158	31.785.859.896
10. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-
11. Phải thu dài hạn khác	218	-
12. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-
13. Đầu tư dài hạn khác	258	703.175.738.859
14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(157.744.965.065)
15. Chi phí trả trước dài hạn	261	523.437.534.683
16. Tài sản dài hạn khác	268	71.299.080.943

Theo TT 200/2014/TT-BTC		
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (VNĐ)
I. Tài sản		
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.428.479.061.776
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.919.542.671.301
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	399.989.196.061
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	366.338.086.216
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	380.809.281.784
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(243.083.068.411)
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	592.794.479.662
8. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
9. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	242.327.520.000
10. Phải thu dài hạn khác	216	128.140.867.635
11. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(52.372.482.637)
12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	725.588.838.379
13. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(167.150.462.185)
14. Chi phí trả trước dài hạn	261	518.808.795.715
15. Tài sản dài hạn khác	268	-

Thay đổi
<i>Phân loại lại</i>
<i>Phân loại lại</i>
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại
Phân loại lại
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại và đổi tên
Phân loại lại
Phân loại lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

40. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)			
II. Nguồn vốn			
1. Vay ngắn hạn	311	6.722.412.217.259	
2. Phải trả người bán	312	3.018.857.084.191	
3. Người mua trả tiền trước	313	478.420.174.874	
4. Phải trả người lao động	315	647.441.848.103	
5. Chi phí phải trả	316	517.896.927.838	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	177.252.587.439	
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	32.252.745.918	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	986.180.133.343	
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			
9. Vay và nợ dài hạn	334	142.418.459.294	
10. Dự phòng phải trả dài hạn	337	12.905.000	
11. Vốn điều lệ	411	3.439.766.000.000	
12. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418	87.203.093.024	
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			

Theo TT 200/2014/TT-BTC			
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 VND	
II. Nguồn vốn			
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.722.412.217.259	
2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.018.857.084.191	
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	347.339.275.912	
4. Phải trả người lao động	314	726.051.812.032	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	345.478.484.975	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	347.704.447.655	
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24.651.664.341	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	961.651.628.795	
9. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	54.437.517.680	
10. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24.528.504.548	
11. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	142.418.459.294	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	7.613.986.577	
13. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.439.766.000.000	
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			
14. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	87.203.093.024	

Thay đổi	
Đổi tên	
Đổi tên	
Phân loại lại và đổi tên	
Phân loại lại	
Phân loại lại và đổi tên	
Phân loại lại và đổi tên	
Phân loại lại	
Phân loại lại và đổi tên	
Phân loại lại	
Phân loại lại	
Đổi tên	
Phân loại lại	
Đổi tên	
Phân loại lại	
Phân loại lại	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

40. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

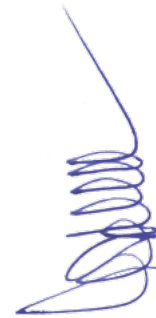
Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			
Tên chỉ tiêu	Mã số	2014 VND	2014 VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
1. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26.371.195.996.918	
2. Chi phí bán hàng	25	1.702.757.995.648	
3. Thu nhập khác	31	193.661.930.126	
4. Chi phí khác	32	123.533.340.100	
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.746	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
1. (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết		(32.886.470.107)	
2. (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(372.811.060.784)	

Theo TT 200/2014/TT-BTC			
Tên chỉ tiêu	Mã số	2014 VND	2014 VND
1. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26.456.135.040.231	
2. Chi phí bán hàng	25	1.617.818.952.335	
3. Thu nhập khác	31	166.755.638.459	
4. Chi phí khác	32	96.627.048.433	
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.723	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
1. (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(405.697.530.891)	

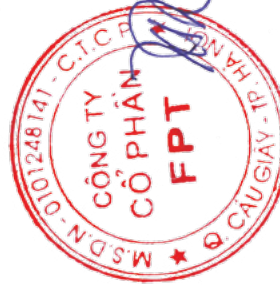
Thay đổi	
	Trình bày lại
	Trình bày lại
	Trình bày lại
	Trình bày lại
	Trình bày lại
	Phân loại lại
	Phân loại lại



Nguyễn Tiến Hảo
 Người lập biểu



Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2016



DANH BẠ CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 7410
Website: www.fpt.com.vn

Chi nhánh FPT TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 3-4, tòa nhà FPT Tân Thuận, lô L 29B-31B-33B, đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 7300 7300
Fax: +84 8 7300 7388



CÔNG TY THÀNH VIÊN

Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT

Trụ sở chính: Tầng 22, tòa nhà Keangnam, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3562 6000
Fax: +84 4 3562 4850
Website: <http://www.fis.com.vn/>
Vốn điều lệ: 850.000.000.000 VNĐ

Công ty TNHH Thương mại FPT

Trụ sở chính: Tầng 2, tòa nhà Zodiac, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 6666
Fax: +84 4 3795 9050
Website: <http://phanphoi.fpt.com.vn/>
Vốn điều lệ: 680.000.000.000 VNĐ

Công ty TNHH Phần mềm FPT

Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 9048
Fax: +84 4 3768 9049
Website: <http://www.fpt-software.com>
Vốn điều lệ: 700.000.000.000 VNĐ

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 2222
Fax: +84 4 3795 0047
Website: <http://www.fpt.vn>
Vốn điều lệ: 1.246.198.090.000 VNĐ

Văn phòng đại diện FPT tại Đà Nẵng

Địa chỉ: 173 Nguyễn Chí Thanh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: +84 903 441 333

Văn phòng đại diện FPT tại Cần Thơ

Địa chỉ: 69 Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Điện thoại: +84 0710 3752666
Fax: +84 0710 752555

Công ty TNHH Giáo dục FPT

Trụ sở chính: Trường Đại học FPT, phân khu Giáo dục Đại học – Khu CNC Hòa Lạc, KM 29, Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội
Điện thoại: +84 4 6291 4068
Fax: +84 4 3768 7718
Website: <http://www.fpt.edu.vn>
Vốn điều lệ: 250.000.000.000 VNĐ

Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT

Trụ sở chính: Tầng 2, tòa nhà FPT Tân Thuận, lô L 29B-31B-33B, đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 87300 9999
Fax: +84 8 7300 9998
Website: <http://www.fptonline.net>
Vốn điều lệ: 140.853.360.000 VNĐ

Công ty Cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT

Trụ sở chính: 261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: + 84 8 3834 5837
Fax: + 84 8 3834 5839
Website: <http://fptshop.com.vn>
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ

Công ty TNHH Đầu tư FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 7410
Website: <http://www.fpt.com.vn>
Vốn điều lệ: 800.000.000.000 VNĐ



FPT TOÀN CẦU

NHẬT BẢN

Trụ sở chính

Địa chỉ: 6th Floor, CROSS PLACE Building, Hamamatsu-cho, Shiba Park 1-7-6,
Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản
Điện thoại: +81 3 6634 6868
Fax: +81 3 6634 6869

Văn phòng đại diện

Osaka

Địa chỉ: Chiyoda Building, East Tower 10F, 2-9-4 Higashi Tenma, Kita-ku,
Osaka-shi, Osaka-fu 530-0044, Nhật Bản
Điện thoại: +81 6 6356 1005
Fax: +81 6 6655 1166

Nagoya

Địa chỉ: 33 Sobajima Daini Noritake Building 1-9-9, Noritake, Nakamura-ku,
Nagoya-shi, Aichi Pref, 453-0014, Nhật Bản
Điện thoại: +81 5 2453 1013
Fax: +81 5 2453 1014

MỸ

Trụ sở chính

Địa chỉ: 801 East Campbell Rd., Suite 525, Richardson, Texas 75081, Mỹ
Điện thoại: +1 214 253 2662
Fax: +1 214 253 2988

Văn phòng đại diện

New York

Địa chỉ: 1385 Broadway, Suite 912, New York, NY 10018, Mỹ
Điện thoại: +1 212 418 4793

Los Angeles

Địa chỉ: 801 Parkview Drive North, Ste#100, El Segundo, CA 90245, Mỹ
Điện thoại: +1 424 336 9888

Bellevue

Địa chỉ: 13920 SE Eastgate Way, Suite 140, Bellevue, WA 98005, Mỹ
Điện thoại: +1 425 590 9125

Renton

Địa chỉ: 901 Powell Avenue SW, Suite 111, Renton, WA 98057, Mỹ
Điện thoại: +1 650 931 7246

Silicon Valley

Địa chỉ: 830 Stewart Dr, Suite 246, Sunnyvale, CA 94085, Mỹ
Điện thoại: +1 408 786 7621

SINGAPORE

Trụ sở chính

Địa chỉ: 8 Kallang Avenue, 12-09 Aperia Tower 1, Singapore 339509
Điện thoại: +65 6338 4353
Fax: +65 6338 1987

PHÁP

Địa chỉ: Tour Pacific, 11-13 Cours de Valmy, Defense 7,
92977 Paris La Defense, Pháp.
Điện thoại: +33 1 7329 4749
Fax: +33 1 7329 4500

ÚC

Địa chỉ: Level 13, 2 Park Street, Sydney NSW 2000, Úc
Điện thoại: +61 2 9004 7160
Fax: +61 2 9004 7070

MALAYSIA

Địa chỉ: Suite 9.06, level 9, The Gardens North Tower, Mid Valley City,
Lingkaran Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia
Điện thoại: +60 3 2287 8086
Fax: +60 3 2287 7086

ĐỨC

Địa chỉ: Business-Center Dornhofstrasse 34, 63263 Neu-Isenburg,
Frankfurt, Đức
Điện thoại: +49 6 102 812 534
Fax: +49 6 102 299 938

CAMPUCHIA

Địa chỉ: 49, Street 306, Sangkat Boeung Keng Kang 1, Khan Chamka Morn,
Phnom Penh, Campuchia
Điện thoại: +855 236 877 779; +855 236 336 236
Fax: +855 236 877 778

LÀO

Địa chỉ: 61, Unit 03, Dongpalane Street, Sisattanak District,
Vientiane, Lào
Điện thoại: +856 209 396 465; +855 976 869 160

MYANMAR

Địa chỉ: 60/A Pyidaungzu Yeikthast, Dagon tsp, Yangon, Myanmar
Điện thoại: +95 1 218 223; +95 1 1221 668
Fax: +95 1 218 224

FPT SLOVAKIA S.R.O

Địa chỉ: Južnátrieda 6, Košice 040 01, Slovakia
Email: fger.contact@fsoft.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: +84 4 7300 7300

Fax: +84 4 3768 7410

www.fpt.com.vn